

PHÒNG GD & ĐT LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

Năm học 2024 - 2025

Mã đề T901

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

Môn: Toán 9

Ngày thi 4/11/2024

Thời gian làm bài: 90 phút

Bài 1. (2 điểm) Giải các phương trình sau:

a) $(x-3)(2x-7)=0$. b) $3x(x-1)-2(x-1)=0$. c) $\frac{x+2}{x-2}-\frac{x-2}{x+2}=\frac{4}{x^2-4}$.

Bài 2. (1 điểm) Giải hệ phương trình sau:
$$\begin{cases} 3x+5y=1 \\ 2x-y=-8 \end{cases}$$

Bài 3. (3 điểm)

3.1. Bạn Minh đã dùng 145 nghìn đồng để mua 5 quyển vở Campus với giá mỗi quyển là x (nghìn đồng) và 3 chiếc bút bi Deli với giá mỗi chiếc bút là y (nghìn đồng).

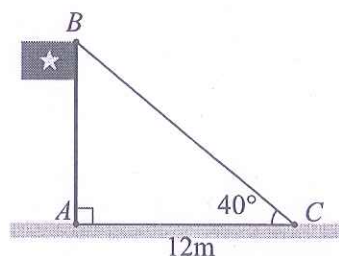
a) Hãy viết phương trình bậc nhất hai ẩn cho số tiền mà bạn Minh đã dùng để mua vở và bút.

b) Cặp số $(x; y) = (20; 15)$ có phải là nghiệm của phương trình ở câu a) không?

3.2. Hai câu lạc bộ Khoa học và Sáng tạo có tổng cộng 240 thành viên tham gia vào một cuộc thi khoa học. Biết rằng 20% thành viên câu lạc bộ Khoa học và 15% thành viên câu lạc bộ Sáng tạo đạt giải. Tổng số thành viên đạt giải từ cả hai câu lạc bộ là 42 người. Hỏi mỗi câu lạc bộ có bao nhiêu thành viên tham gia cuộc thi?

Bài 4. (3,5 điểm)

4.1. Tam giác ABC (hình vẽ) có $\hat{A} = 90^\circ$ mô tả cột cờ AB và bóng nắng của cột cờ trên mặt đất là AC . Người ta đo được độ dài $AC = 12$ m và $\hat{C} = 40^\circ$. Tính chiều cao AB của cột cờ (làm tròn kết quả đến phần trăm của mét).



4.2. Cho tam giác ABC vuông tại A , đường cao AH .

a) Với $AB = 6$ cm, $BC = 10$ cm. Tính số đo cạnh AC và số đo $\widehat{ACB}$.

(Số đo góc làm tròn đến độ)

b) Chứng minh rằng các điểm A, B, C cùng thuộc một đường tròn.

c) Gọi D là hình chiếu của H trên AB . Chứng minh $AH = AB \cdot \cos \widehat{HAB}$.

d) Tính giá trị của biểu thức $M = \sin^2 B + \sin^2 C - \tan B \cdot \tan C$.

Bài 5. (0,5 điểm) Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $D = \frac{2x+1}{x^2+2}$

Chúc các con làm bài tốt!

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 9
Mã đề T901

Bài	Ý	Lời giải	Điểm
Bài 1	a)	$(x-3)(2x-7)=0.$	0,75
		$x-3=0$ hoặc $2x-7=0$	0,25
		$x=3$ hoặc $x=3,5.$	0,25
		Vậy phương trình có nghiệm $x=3$ và $x=3,5$	0,25
	b)	$3x(x-1)-2(x-1)=0.$	0,75
		$(x-1)(3x-2)=0$	0,25
		$x-1=0$ hoặc $3x-2=0$ $x=1$ hoặc $x=\frac{2}{3}$	0,25
		Vậy phương trình có nghiệm $x=1$ và $x=\frac{2}{3}$	0,25
	c)	$\frac{x+2}{x-2} - \frac{x-2}{x+2} = \frac{4}{x^2-4}.$ $\frac{x+2}{x-2} - \frac{x-2}{x+2} = \frac{4}{(x-2)(x+2)}.$	0,5
		ĐKXD: $x \neq 2; x \neq -2$ $(x+2)^2 - (x-2)^2 = 4$ $(x+2-x+2)(x+2+x-2) = 4$ $4.2x = 4$	0,25
		$x = 0,5$ (tm) Vậy phương trình có nghiệm $x = 0,5$	0,25
Bài 2		Giải hệ phương trình $\begin{cases} 3x+5y=1(1) \\ 2x-y=-8(2) \end{cases}$	1
		Nhân từng vế của phương trình (2) với 5 ta có $\begin{cases} 3x+5y=1(1) \\ 10x-5y=-40(3) \end{cases}$	0,25
		Cộng từng vế tương ứng của hai phương trình ta có $13x = -39$	0,25

Bài	Ý	Lời giải	Điểm
		$x = -3$	
		Thay $x = -3$ vào phương trình (2) ta có $2.(-3) - y = -8$ $y = -6 + 8 = 2$	0,25
		Vậy hệ phương trình có nghiệm $(x; y) = (-3; 2)$	0,25
Bài 3	3.1	Bạn Minh đã dùng 145 nghìn đồng để mua 5 quyển vở Campus với giá mỗi quyển là x (nghìn đồng) và 3 chiếc bút bi Deli với giá mỗi chiếc bút là y (nghìn đồng). a) Hãy viết phương trình bậc nhất hai ẩn cho số tiền mà bạn Minh đã dùng để mua vở và bút. b) Cặp số $(x; y) = (20; 15)$ có phải là nghiệm của phương trình ở câu a) không?	1,5
		<i>Hãy viết phương trình bậc nhất hai ẩn cho số tiền mà bạn Minh đã dùng để mua vở và bút.</i>	0,75
	a	Số tiền mua 5 quyển vở Campus là: $5x$ (nghìn đồng) Số tiền mua 3 cái bút bi Deli là: $3y$ (nghìn đồng)	0,25
		Vì bạn Minh đã dùng 145 nghìn đồng để mua vở và bút nên ta có phương trình: $5x + 3y = 145$	0,5
		<i>Cặp số $(x; y) = (20; 15)$ có phải là nghiệm của phương trình ở câu a) không?</i>	0,75
	b	Thay $x = 20; y = 15$ vào phương trình ta có: $5.20 + 3.15 = 145$	0,25
		$100 + 45 = 145$ $145 = 145$ (luôn đúng)	0,25
		Vậy cặp số $(x; y) = (20; 15)$ là nghiệm của phương trình	0,25
	3.2	Hai câu lạc bộ Khoa học và Sáng tạo có tổng cộng 240 thành viên tham gia vào một cuộc thi khoa học. Biết rằng 20% thành viên câu lạc bộ Khoa học và 15% thành viên câu lạc bộ Sáng tạo đạt giải. Tổng số thành viên đạt giải từ cả hai câu lạc bộ là 42 người. Hỏi mỗi câu lạc bộ có bao nhiêu thành viên tham gia cuộc thi?	1,5
		Gọi số thành viên của mỗi câu lạc bộ Khoa học và Sáng tạo lần lượt là x và y (thành viên), $(x \in \mathbb{N}^*, y \in \mathbb{N}^*)$	0,25
		Vì hai câu lạc bộ có tổng cộng 240 thành viên nên ta có phương trình: $x + y = 240$ (1)	0,25

Bài	Ý	Lời giải	Điểm
		Số thành viên đạt giải của câu lạc bộ Khoa học là: $20\%x = 0,2x$ (thành viên) Số thành viên đạt giải của câu lạc bộ Sáng tạo là: $15\%y = 0,15y$ (thành viên) Vì hai câu lạc bộ có 42 người đạt giải nên ta có phương trình: $0,2x + 0,15y = 42$ (2)	0,25
		Từ (1) và (2) ta có hệ phương trình: $\begin{cases} x + y = 240(1) \\ 0,2x + 0,15y = 42(2) \end{cases}$	0,25
		Giải hệ phương trình được kết quả $\begin{cases} x = 120(tm) \\ y = 120(tm) \end{cases}$	0,25
		Vậy mỗi câu lạc bộ Khoa học và Sáng tạo có 120 thành viên	0,25
Bài 4	4.1	Tam giác ABC (hình vẽ) có $\hat{A} = 90^\circ$ mô tả cột cờ AB và bóng nắng của cột cờ trên mặt đất là AC . Người ta đo được độ dài $AC = 12\text{ m}$ và $\hat{C} = 40^\circ$. Tính chiều cao AB của cột cờ (làm tròn kết quả đến phần trăm của mét).	1.0
		Xét ΔABC vuông tại A , có: $AB = AC \cdot \tan C$ (hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông)	0,25
		$AB = 12 \cdot \tan 40^\circ \approx 10,07\text{ (m)}$	0,5
		Vậy cột cờ cao khoảng 10,07 mét	0,25
	4.2	Cho tam giác ABC vuông tại A , đường cao AH . a) Với $AB = 6\text{ cm}$, $BC = 10\text{ cm}$. Tính số đo cạnh AC và số đo $\widehat{ACB}$. b) Chứng minh rằng các điểm A, B, C cùng thuộc một đường tròn. c) Gọi D là hình chiếu của H trên AB . Chứng minh $AH = AB \cdot \cos \widehat{HAB}$ d) Tính giá trị của biểu thức $M = \sin^2 B + \sin^2 C - \tan B \cdot \tan C$	2,5
		Vẽ hình đúng đến câu a)	0,25
	a	Với $AB = 6\text{ cm}$, $BC = 10\text{ cm}$. Tính số đo cạnh AC và số đo $\widehat{ACB}$.	1.0
		Xét ΔABC vuông tại A có: $BC^2 = AB^2 + AC^2$ (định lý Pytago) $AC = \sqrt{BC^2 - AB^2} = \sqrt{10^2 - 6^2} = 8\text{ (cm)}$	0,5

Bài	Ý	Lời giải	Điểm
		$\sin \widehat{ACB} = \frac{AB}{BC} = \frac{6}{10} = \frac{3}{5}$ Suy ra $\widehat{ACB} \approx 37^\circ$	0,5
	b	Chứng minh rằng các điểm A, B, C cùng thuộc một đường tròn.	0,5
		Gọi O là trung điểm của BC nên $OB = OC = \frac{BC}{2}$ Xét $\triangle ABC$ vuông tại A có: AO là đường trung tuyến ứng với BC nên $AO = \frac{BC}{2}$	0,25
		Do đó $OA = OB = OC$ Suy ra ba điểm A, B, C cùng thuộc một đường tròn.	0,25
	c	Gọi D là hình chiếu của H trên AB . Chứng minh $AH = AB \cdot \cos \widehat{HAB}$	0,5
		Xét $\triangle ABH$ vuông tại H có $\cos \widehat{HAB} = \frac{AH}{AB}$ (2) suy ra $AH = AB \cdot \cos \widehat{HAB}$	0,5
	d	Tính giá trị của biểu thức $M = \sin^2 B + \sin^2 C - \tan B \cdot \tan C$.	0,5
		Xét $\triangle ABC$ vuông tại A có: $\sin B = \frac{AC}{BC}; \sin C = \frac{AB}{BC}; \tan B = \frac{AC}{AB}; \tan C = \frac{AB}{AC}$ Do đó: $M = \sin^2 B + \sin^2 C - \tan B \cdot \tan C$ $= \left(\frac{AC}{BC}\right)^2 + \left(\frac{AB}{BC}\right)^2 - \frac{AC}{AB} \cdot \frac{AB}{AC}$	0,25
		$= \frac{AC^2 + AB^2}{BC^2} - 1$ Mà $AB^2 + AC^2 = BC^2$ (Pytago) Do đó: $M = \frac{BC^2}{BC^2} - 1 = 1 - 1 = 0$	0,25
Bài 5		Tìm giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất của biểu thức $D = \frac{2x+1}{x^2+2}$	0,5
		$D = \frac{2x+1}{x^2+2} = \frac{4x+2}{2(x^2+2)} = \frac{x^2+4x+4 - (x^2+2)}{2(x^2+2)} = \frac{(x+2)^2}{2(x^2+2)} - \frac{1}{2}$	0,25
		Vì $(x+2)^2 \geq 0$ và $x^2+2 > 0$ với mọi giá trị của x .	0,25

Bài	Ý	Lời giải	Điểm
		Nên $\frac{(x+2)^2}{2(x^2+2)} \geq 0$ Vậy $\frac{(x+2)^2}{2(x^2+2)} - \frac{1}{2} \geq -\frac{1}{2}$ Dấu “=” xảy ra khi và chỉ khi $x+2=0$. Vậy $x=-2$ GTNN của D là $-\frac{1}{2}$ khi $x=-2$	

Lưu ý: Các cách làm khác đúng được tính điểm tối đa.

BGH duyệt



Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM



Phạm Thị Thu Trang

Bài 1. (2 điểm) Giải các phương trình sau:

a) $(2x-3)(4x-5)=0$. b) $5x(x-2)-3(x-2)=0$. c) $\frac{x+2}{x+1}-\frac{x}{x-2}=\frac{3}{(x+1)(x-2)}$.

Bài 2. (1 điểm) Giải hệ phương trình sau:
$$\begin{cases} 3x-5y=-7 \\ 2x+y=4 \end{cases}$$

Bài 3. (3 điểm)

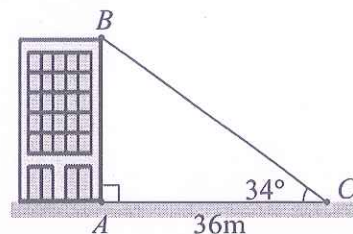
3.1. Bạn An đã dùng 180 nghìn đồng để mua 4 quyển sách với giá mỗi quyển là x (nghìn đồng) và 6 chiếc bút chì với giá mỗi chiếc bút là y (nghìn đồng).

- a) Hãy viết phương trình bậc nhất hai ẩn cho số tiền mà bạn An đã dùng để mua sách và bút.
b) Cặp số $(x; y) = (30; 5)$ có phải là nghiệm của phương trình ở câu a) không?

3.2. Hai câu lạc bộ Toán và Tin học có tổng cộng 320 thành viên tham gia một cuộc thi. Biết rằng 25% thành viên câu lạc bộ Toán và 20% thành viên câu lạc bộ Tin học đạt giải. Tổng số thành viên đạt giải từ cả hai câu lạc bộ là 70 người. Hỏi mỗi câu lạc bộ có bao nhiêu thành viên tham gia cuộc thi?

Bài 4. (3,5 điểm)

4.1. Tam giác ABC (hình vẽ) có $\hat{A} = 90^\circ$ mô tả tòa nhà AB và bóng nắng của tòa nhà trên mặt đất là AC . Người ta đo được độ dài $AC = 36\text{ m}$ và $\hat{C} = 34^\circ$. Tính chiều cao AB của tòa nhà (làm tròn kết quả đến phần trăm của mét).



4.2. Cho tam giác DEF vuông tại D , đường cao DG .

- a) Với $DE = 8\text{ cm}$, $DF = 15\text{ cm}$. Tính số đo cạnh EF và số đo $\widehat{EFD}$.
(Số đo góc làm tròn đến độ)
b) Chứng minh rằng các điểm D, E, F cùng thuộc một đường tròn.
c) Gọi H là hình chiếu của G trên DE . Chứng minh $DG = DE \cdot \cos \widehat{GDE}$.
d) Tính giá trị của biểu thức $N = \sin^2 E + \sin^2 F - \tan E \cdot \tan F$.

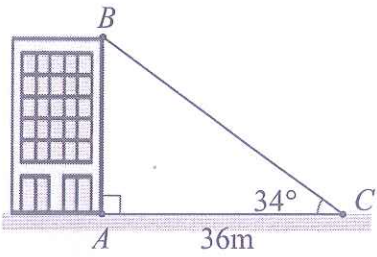
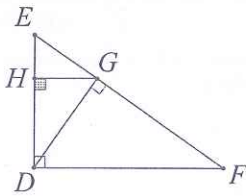
Bài 5. (0,5 điểm) Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức $D = \frac{2x+1}{x^2+2}$

Chúc các con làm bài tốt!

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 9
Mã đề T902

Bài	Ý	Lời giải	Điểm
Bài 1	a)	$(2x-3)(4x-5)=0.$	0,75
		$2x-3=0$ hoặc $4x-5=0$	0,25
		$x=\frac{2}{3}$ hoặc $x=\frac{5}{4}.$	0,25
		Vậy phương trình có nghiệm $x=\frac{2}{3}$ và $x=\frac{5}{4}$	0,25
	b)	$5x(x-2)-3(x-2)=0.$	0,75
		$(x-2)(5x-3)=0$	0,25
		$x-2=0$ hoặc $5x-3=0$ $x=2$ hoặc $x=\frac{3}{5}$	0,25
		Vậy phương trình có nghiệm $x=2$ và $x=\frac{3}{5}$	0,25
	c)	$\frac{x+2}{x+1}-\frac{x}{x-2}=\frac{3}{(x+1)(x-2)}.$	0,5
		ĐKXD: $x \neq 2; x \neq -1$ $x^2-4-x(x+2)=3$ $x^2-4-x^2-2x=3$ $2x=7$	0,25
		$x=3,5$ (tm) Vậy phương trình có nghiệm $x=3,5$	0,25
Bài 2		Giải hệ phương trình $\begin{cases} 3x-5y=-7(1) \\ 2x+y=4(2) \end{cases}$	1
		Nhân từng vế của phương trình (2) với 5 ta có $\begin{cases} 3x-5y=-7(1) \\ 10x+5y=20(3) \end{cases}$	0,25
		Cộng từng vế tương ứng của hai phương trình ta có $13x=13$ $x=1$	0,25
		Thay $x=1$ vào phương trình (2) ta có $2.1+y=4$ $y=4-2=2$	0,25
		Vậy hệ phương trình có nghiệm $(x; y) = (1; 2)$	0,25

Bài	Ý	Lời giải	Điểm
Bài 3	3.1	Bạn An đã dùng 180 nghìn đồng để mua 4 quyển sách với giá mỗi quyển là x (nghìn đồng) và 6 chiếc bút chì với giá mỗi chiếc bút là y (nghìn đồng). a) Hãy viết phương trình bậc nhất hai ẩn cho số tiền mà bạn An đã dùng để mua sách và bút. b) Cặp số $(x; y) = (30; 5)$ có phải là nghiệm của phương trình ở câu a) không?	1,5
	a	<i>Hãy viết phương trình bậc nhất hai ẩn cho số tiền mà bạn An đã dùng để mua sách và bút.</i>	0,75
		Số tiền mua 4 quyển sách là: $4x$ (nghìn đồng) Số tiền mua 6 cái bút chì là: $6y$ (nghìn đồng)	0,25
		Vì bạn An đã dùng 180 nghìn đồng để mua vở và bút nên ta có phương trình: $4x + 6y = 180$ hay $2x + 3y = 90$	0,5
	b	<i>Cặp số $(x; y) = (30; 5)$ có phải là nghiệm của phương trình ở câu a) không?</i>	0,75
		Thay $x = 30; y = 5$ vào phương trình ta có: $2.30 + 3.5 = 90$	0,25
		$60 + 15 = 90$ $75 = 90$ (sai)	0,25
		Vậy cặp số $(x; y) = (30; 5)$ không là nghiệm của phương trình	0,25
	3.2	Hai câu lạc bộ Toán và Tin học có tổng cộng 320 thành viên tham gia một cuộc thi. Biết rằng 25% thành viên câu lạc bộ Toán và 20% thành viên câu lạc bộ Tin học đạt giải. Tổng số thành viên đạt giải từ cả hai câu lạc bộ là 70 người. Hỏi mỗi câu lạc bộ có bao nhiêu thành viên tham gia cuộc thi?	1,5
		Gọi số thành viên của mỗi câu lạc bộ Toán và Tin học lần lượt là x và y (thành viên), $(x \in \mathbb{N}^*, y \in \mathbb{N}^*)$	0,25
		Vì hai câu lạc bộ có tổng cộng 320 thành viên nên ta có phương trình: $x + y = 320$ (1)	0,25
		Số thành viên đạt giải của câu lạc bộ Toán học là: $25\%x = 0,25x$ (thành viên) Số thành viên đạt giải của câu lạc bộ Tin học là: $20\%y = 0,2y$ (thành viên) Vì hai câu lạc bộ có 70 người đạt giải nên ta có phương trình: $0,25x + 0,2y = 70$ (2)	0,25
		Từ (1) và (2) ta có hệ phương trình: $\begin{cases} x + y = 320(1) \\ 0,25x + 0,2y = 70(2) \end{cases}$	0,25
		Giải hệ phương trình được kết quả $\begin{cases} x = 120(tm) \\ y = 200(tm) \end{cases}$	0,25

Bài	Ý	Lời giải	Điểm
		Vậy mỗi câu lạc bộ Toán học và Tin học lần lượt có 120 và 200 thành viên	0,25
Bài 4	4.1	Tam giác ABC (hình vẽ) có $\hat{A} = 90^\circ$ mô tả tòa nhà AB và bóng nắng của tòa nhà trên mặt đất là AC. Người ta đo được độ dài $AC = 36\text{ m}$ và $\hat{C} = 34^\circ$. Tính chiều cao AB của tòa nhà (làm tròn kết quả đến phần trăm của mét). 	1.0
		Xét ΔABC vuông tại A , có:	0,25
		$AB = AC \cdot \tan C$ (hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông)	0,5
		$AB = 36 \cdot \tan 34^\circ \approx 24,28\text{ (m)}$	0,25
		Vậy tòa nhà cao khoảng 24,28 mét	
	4.2	Cho tam giác DEF vuông tại D , đường cao DG .	2,5
		a) Với $DE = 8\text{ cm}$, $DF = 15\text{ cm}$. Tính số đo cạnh EF và số đo $\widehat{EFD}$. (Số đo góc làm tròn đến độ)	
		b) Chứng minh rằng các điểm D, E, F cùng thuộc một đường tròn.	
		c) Gọi H là hình chiếu của G trên DE . Chứng minh $DG = DE \cdot \cos \widehat{GDE}$.	
		d) Tính giá trị của biểu thức $N = \sin^2 E + \sin^2 F - \tan E \cdot \tan F$.	
		 Vẽ hình đúng đến câu a)	0,25
	a	Với $DE = 8\text{ cm}$, $DF = 15\text{ cm}$. Tính số đo cạnh EF và số đo $\widehat{EFD}$.	1.0
		Xét ΔDEF vuông tại D có:	0,5
		$EF^2 = DE^2 + DF^2$ (định lý Pytago)	
		$EF = \sqrt{DE^2 + DF^2} = \sqrt{15^2 + 8^2} = 17\text{ (cm)}$	
	b	$\tan \widehat{EFD} = \frac{DE}{DF} = \frac{8}{15}$	0,5
		Suy ra $\widehat{EFD} \approx 28^\circ$	
		Chứng minh rằng các điểm D, E, F cùng thuộc một đường tròn.	0.5
	c	Gọi O là trung điểm của EF nên $OE = OF = \frac{EF}{2}$	0,25
		Xét ΔDEF vuông tại D có: DO là đường trung tuyến ứng với EF nên $DO = \frac{EF}{2}$	
		Do đó $OE = OF = OD$ Suy ra ba điểm D, E, F cùng thuộc một đường tròn.	0,25
	d	Gọi H là hình chiếu của G trên DE . Chứng minh $DG = DE \cdot \cos \widehat{GDE}$.	0.5

Bài	Ý	Lời giải	Điểm
		Xét $\triangle DEG$ vuông tại G có $\cos \widehat{HDG} = \frac{DG}{DE}$ (2) suy ra $DG = DE \cdot \cos \widehat{HDG}$	0,5
		Tính giá trị của biểu thức $N = \sin^2 E + \sin^2 F - \tan E \cdot \tan F$.	0,5
	d	Xét $\triangle DEF$ vuông tại D có: $\sin E = \frac{DF}{EF}$; $\sin F = \frac{DE}{EF}$; $\tan E = \frac{DF}{DE}$; $\tan F = \frac{DE}{DF}$ Do đó: $N = \sin^2 E + \sin^2 F - \tan E \cdot \tan F$ $= \left(\frac{DF}{EF}\right)^2 + \left(\frac{DE}{EF}\right)^2 - \frac{DF}{DE} \cdot \frac{DE}{DF}$	0,25
		$= \frac{DE^2 + DF^2}{EF^2} - 1$ Mà $DE^2 + DF^2 = EF^2$ (Pytago) Do đó: $N = \frac{EF^2}{EF^2} - 1 = 1 - 1 = 0$	0,25
Bài 5		Tìm giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất của biểu thức $D = \frac{2x+1}{x^2+2}$	0,5
		$D = \frac{2x+1}{x^2+2} = \frac{4x+2}{2(x^2+2)} = \frac{(x^2+2) - (x^2+2x+1)}{x^2+2} = \frac{1}{2} - \frac{(x+1)^2}{x^2+2}$	0,25
		Vì $(x+1)^2 \geq 0$ và $x^2+2 > 0$ với mọi giá trị của x . Nên $-\frac{(x+1)^2}{x^2+2} \leq 0$ Vậy $\frac{1}{2} - \frac{(x+1)^2}{x^2+2} \leq \frac{1}{2}$ Dấu “=” xảy ra khi và chỉ khi $x+1=0$. Vậy $x=-1$ GTLN của D là $-\frac{1}{2}$ khi $x=-1$	0,25

Lưu ý: Các cách làm khác đúng được tính điểm tối đa.

BGH duyệt

TTCM

NTCM



Khúc Thị Mỹ Hạnh



Phạm Thị Hải Yến

Phạm Thị Thu Trang

Mã đề 901

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến xã hội như thế nào?

- A. Hạn chế những ý tưởng sáng tạo do thói quen tìm kiếm trên Google.
- B. Tăng nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến tim mạch, tiểu đường, ung thư và béo phì.
- C. Khiến cho một bộ phận người dân yếu thế như người già, người khuyết tật ngày càng tụt hậu.

D. Thúc đẩy các nền kinh tế truyền thống chuyển đổi sang kinh tế tri thức.

Câu 2. Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

- A. Tồn tại thị lực.
- B. Nguy cơ thất nghiệp tăng.
- C. Giúp tiết kiệm thời gian di chuyển.
- D. Tạo ra rác thải điện tử.

Câu 3. Hành vi nào sau đây không phải là hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Quấy rối, kêu gọi tẩy chay.
- B. Gửi tin nhắn rác với mục đích quảng cáo.
- C. Sử dụng phần mềm có bản quyền.
- D. Quảng cáo, buôn bán hàng hoá cấm.

Câu 4. Đây là tác hại khi sử dụng internet?

- A. Học tập online.
- B. Chia sẻ thông tin.
- C. Tham gia các hoạt động phi pháp trên mạng xã hội.
- D. Tìm kiếm thông tin.

Câu 5. Tại sao cần thu thập thông tin đầy đủ khi giải quyết một vấn đề?

- A. Để giảm thiểu chi phí cho việc giải quyết vấn đề.
- B. Để tiết kiệm thời gian.
- C. Để tránh ra quyết định dựa trên thông tin thiếu chính xác hoặc không đầy đủ.
- D. Để có nhiều sự lựa chọn giải pháp khác nhau.

Câu 6. Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị kĩ thuật số trong lĩnh vực y tế?

- A. Ti vi.
- B. Máy chụp cắt lớp vi tính.
- C. Máy giặt.
- D. Máy bán hàng tự động.

Câu 7. Chất lượng thông tin được đánh giá thông qua mấy tiêu chí?

- A. 4.
- B. 1.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 8. Phương án nào sau đây không phải là tác động tích cực của công nghệ thông tin đối với giáo dục?

- A. Dễ dàng tham gia các khoá học trực tuyến phù hợp với bản thân.
- B. Dễ dàng truy cập nguồn tài liệu học tập phong phú trên Internet.
- C. Mang lại nhiều lựa chọn giải trí.
- D. Công nghệ đa phương tiện, công cụ mô phỏng giúp việc dạy học trở nên hiệu quả, sinh động hơn.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Số lượng bản tin làm cho thông tin trở nên hữu ích.
- B. Cần phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận, trao đổi và sử dụng thông tin để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.
- C. Internet là một kho thông tin khổng lồ.
- D. Con có thể tìm được nhiều thông tin trên Internet nhưng không phải thông tin nào cũng có thể sử dụng để giải quyết vấn đề.

Câu 10. Các thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị kỹ thuật số?

- A. Điện thoại thông minh
- B. Máy giặt điều khiển bằng nút bấm cơ
- C. Máy tính bảng
- D. Máy ảnh kỹ thuật số

Câu 11. Công nghệ kỹ thuật số có tác động tiêu cực đến sức khoẻ thể chất của con người ra sao?

- A. Dễ có những cảm xúc tiêu cực.
- B. Cổ xuý lối sống thiếu đạo đức.
- C. Gây ra bệnh khô mắt và giảm thị lực.
- D. Các mối quan hệ xã hội bị ảnh hưởng.

Câu 12. Biện pháp để hạn chế tác động tiêu cực của công nghệ thông tin đến sức khoẻ thể chất của con người là:

- A. Rèn luyện các kỹ năng tìm kiếm và đánh giá độ tin cậy của các thông tin nhận được.
- B. Cẩn trọng khi chia sẻ thông tin trên Internet và mạng xã hội.
- C. Cập nhật các thông tin về tiến bộ công nghệ.
- D. Dành thời gian giao lưu với người thân, bạn bè, chơi thể thao, tham gia các hoạt động ngoại khoá,...

Câu 13. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Ngày nay, con người có thể bổ sung sự hiểu biết của mình về bất cứ lĩnh vực nào, ở mọi nơi và vào mọi lúc bằng cách sử dụng Internet.
- B. Công nghệ thông tin giúp con người dễ dàng chuyển giao và tiếp cận thông tin.
- C. Công nghệ thông tin được con người sử dụng để khám phá tri thức mới, kết nối cá nhân với thế giới, hỗ trợ họ trong học tập và lao động.
- D. Công nghệ thông tin không có tác động tiêu cực đến sức khoẻ thể chất của con người.

Câu 14. Công nghệ thông tin tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

- A. Rác thải từ những sản phẩm công nghệ lỗi thời.
- B. Tạo ra thông tin sai lệch và tin tức giả mạo.
- C. Bạo lực mạng.
- D. Tăng nguy cơ thất nghiệp.

Câu 15. Phương án nào sau đây là ứng dụng của máy tính trong lĩnh vực y tế?

- A. Điều khiển ô tô tự động lái.
- B. Mô phỏng dòng chảy của chất lỏng.
- C. Dự báo thời tiết.
- D. Chẩn đoán bệnh.

Câu 16. Tính mới của thông tin cho biết:

- A. Mức độ thuận tiện, dễ hiểu của thông tin để người dùng có thể tiếp cận, truy cập, sử dụng
- B. Mức độ mô tả đầy đủ các thuộc tính của sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng
- C. Sự vật, hiện tượng được mô tả giống nó đến mức nào.
- D. Thông tin còn phản ánh được sự vật, hiện tượng hiện thời nữa hay không.

Câu 17. Máy tính không có khả năng nào sau đây?

- A. Lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn.
- B. Kết nối toàn cầu với tốc độ cao.
- C. Cảm thụ văn học.
- D. Tính toán nhanh.

Câu 18. Tính chính xác của thông tin thể hiện điều gì?

- A. Thể hiện tính đúng đắn của thông tin.
- B. Thể hiện thông tin đã bị lỗi thời chưa.
- C. Thể hiện tính phù hợp của thông tin với vấn đề hay câu hỏi được đặt ra.
- D. Thể hiện sự bao quát nhiều khía cạnh, cho em có được cái nhìn tổng thể về vấn đề được đặt

ra.

Câu 19. Công nghệ thông tin có tác động tiêu cực thể nào đến sức khoẻ thể chất của con người?

- A. Gây giảm thị lực.
- B. Thông tin giả tràn lan.
- C. Khiến con người trở nên thụ động.
- D. Giảm tương tác giữa người với người.

Câu 20. Khi thấy một quảng cáo trên YouTube, con sẽ ứng xử như thế nào?

- A. Tìm hiểu, đánh giá chất lượng thông tin nếu có hứng thú với sản phẩm trong quảng cáo.
- B. Báo cáo quảng cáo với YouTube vì nội dung không phù hợp với video.

C. Sử dụng sản phẩm vì quảng cáo trên YouTube rất đáng tin cậy.

D. Chia sẻ thông tin với người thân, bạn bè vì YouTube là một trang web nổi tiếng.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 21 đến câu 22. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 21: Máy giặt có gắn bộ xử lý thông tin đã có mặt trong nhiều gia đình. Hoạt động của bộ xử lý thông tin đó là:

a) Nhận thông tin đầu vào là những lựa chọn của người dùng như chế độ giặt, thời gian.

b) Tự hoạt động, không cần thông tin đầu vào.

c) Lựa chọn chế độ hoạt động phù hợp nhất đối với những thông tin đầu vào.

d) Có tốc độ tính toán tương đương bộ xử lý trung tâm của máy tính.

Câu 22: Phát biểu minh họa cho tác động tích cực đối với giáo dục và đào tạo, công nghệ thông tin đã mở rộng phạm vi tiếp cận tri thức, môi trường học tập linh hoạt và sáng tạo là:

a) Đào tạo trực tuyến tạo ra không gian học tập giúp người học chủ động lựa chọn nội dung, phương thức học tập theo nhu cầu và tiết kiệm thời gian đi lại.

b) Trong đào tạo trực tuyến, một bài giảng có thể được đăng ở nhiều nơi, tại nhiều thời điểm khác nhau, người học cũng có thể xem lại nhiều lần.

c) Mạng xã hội giúp học sinh dễ dàng kết bạn, thường xuyên giao lưu với những người lạ.

d) Những phần mềm trình chiếu, phần mềm mô phỏng thí nghiệm làm cho học liệu trở nên đa dạng, sinh động giúp bài giảng hấp dẫn hơn.

II. Phần tự luận (3 điểm):

Bài 1 (1đ): Em hãy nêu một số khả năng của máy tính.

Bài 2 (1đ): Em hãy nêu một số hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hóa trong môi trường số.

----- Giáo viên coi thi không giải thích gì thêm -----

Mã đề 901

I. Phần trắc nghiệm: 7 điểm

1. Dạng thức câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Từ câu 1 đến câu 20, mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	D	C	C	C	B	A	C	A	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	D	D	A	D	D	C	A	A	A

2. Dạng thức câu trắc nghiệm Đúng/ Sai: Điểm tối đa của 1 câu hỏi là 1 điểm trong đó:

- HS chỉ lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu hỏi được 0.1 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 2 ý trong 1 câu hỏi được 0.25 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 3 ý trong 1 câu hỏi được 0.5 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 4 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu 21: a) Đ b) S c) Đ d) S

Câu 22: a) Đ b) Đ c) S d) Đ

II. Phần tự luận: 3 điểm

Bài	Đáp án	Điểm
1 (1đ)	Một số khả năng của máy tính: - Máy tính có khả năng tính toán nhanh, bền bỉ, chính xác. - Lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn. Kết nối toàn cầu với tốc độ cao.	0.5đ 0.5đ
2 (2đ)	Một số hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hóa trong môi trường số: - Viết, đăng, chia sẻ nội dung sai sự thật, không phù hợp. - Làm lộ thông tin cá nhân, tổ chức. - Gửi thư rác, tin nhắn rác. - Sử dụng dữ liệu của người khác không xin phép. - Sử dụng phần mềm không có bản quyền. - Bắt nạt qua mạng. - ứng xử thiếu văn hóa. - Lừa đảo qua mạng.	0.25đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ

BGH DUYỆT



Khúc Thị Mỹ Hạnh

TỔ TRƯỞNG

Phạm Thị Hải Yến

NHÓM TRƯỞNG

Trần Minh Ngọc

Mã đề 902

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Internet là một kho thông tin khổng lồ.
- B. Cần phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận, trao đổi và sử dụng thông tin để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.
- C. Con có thể tìm được nhiều thông tin trên Internet nhưng không phải thông tin nào cũng có thể sử dụng để giải quyết vấn đề.
- D. Số lượng bản tin làm cho thông tin trở nên hữu ích.

Câu 2. Chất lượng thông tin được đánh giá thông qua mấy tiêu chí?

- A. 4.
- B. 3.
- C. 1.
- D. 2.

Câu 3. Khi thấy một quảng cáo trên YouTube, con sẽ ứng xử như thế nào?

- A. Tìm hiểu, đánh giá chất lượng thông tin nếu có hứng thú với sản phẩm trong quảng cáo.
- B. Báo cáo quảng cáo với YouTube vì nội dung không phù hợp với video.
- C. Chia sẻ thông tin với người thân, bạn bè vì YouTube là một trang web nổi tiếng.
- D. Sử dụng sản phẩm vì quảng cáo trên YouTube rất đáng tin cậy.

Câu 4. Máy tính không có khả năng nào sau đây?

- A. Cảm thụ văn học.
- B. Kết nối toàn cầu với tốc độ cao.
- C. Tính toán nhanh.
- D. Lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn.

Câu 5. Phương án nào sau đây là ứng dụng của máy tính trong lĩnh vực y tế?

- A. Dự báo thời tiết.
- B. Điều khiển ô tô tự động lái.
- C. Chẩn đoán bệnh.
- D. Mô phỏng dòng chảy của chất lỏng.

Câu 6. Tính mới của thông tin cho biết:

- A. Mức độ thuận tiện, dễ hiểu của thông tin để người dùng có thể tiếp cận, truy cập, sử dụng
- B. Thông tin còn phản ánh được sự vật, hiện tượng hiện thời nữa hay không.
- C. Mức độ mô tả đầy đủ các thuộc tính của sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng
- D. Sự vật, hiện tượng được mô tả giống nó đến mức nào.

Câu 7. Các thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị kỹ thuật số?

- A. Máy giặt điều khiển bằng nút bấm cơ
- B. Máy tính bảng
- C. Điện thoại thông minh
- D. Máy ảnh kỹ thuật số

Câu 8. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Công nghệ thông tin được con người sử dụng để khám phá tri thức mới, kết nối cá nhân với thế giới, hỗ trợ họ trong học tập và lao động.
- B. Công nghệ thông tin không có tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất của con người.
- C. Ngày nay, con người có thể bổ sung sự hiểu biết của mình về bất cứ lĩnh vực nào, ở mọi nơi và vào mọi lúc bằng cách sử dụng Internet.
- D. Công nghệ thông tin giúp con người dễ dàng chuyển giao và tiếp cận thông tin.

Câu 9. Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị kỹ thuật số trong lĩnh vực y tế?

- A. Máy chụp cắt lớp vi tính.
- B. Ti vi.
- C. Máy bán hàng tự động.
- D. Máy giặt.

Câu 10. Đâu là tác hại khi sử dụng internet?

- A. Chia sẻ thông tin.
- B. Tham gia các hoạt động phi pháp trên mạng xã hội.
- C. Học tập online.
- D. Tìm kiếm thông tin.

Câu 11. Hành vi nào sau đây không phải là hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Gửi tin nhắn rác với mục đích quảng cáo.
- B. Sử dụng phần mềm có bản quyền.
- C. Quấy rối, kêu gọi tẩy chay.
- D. Quảng cáo, buôn bán hàng hoá cấm.

Câu 12. Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến xã hội như thế nào?

- A. Tăng nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến tim mạch, tiểu đường, ung thư và béo phì.
- B. Hạn chế những ý tưởng sáng tạo do thói quen tìm kiếm trên Google.
- C. Khiến cho một bộ phận người dân yếu thế như người già, người khuyết tật ngày càng tụt hậu.
- D. Thúc đẩy các nền kinh tế truyền thống chuyển đổi sang kinh tế tri thức.

Câu 13. Biện pháp để hạn chế tác động tiêu cực của công nghệ thông tin đến sức khoẻ thể chất của con người là:

- A. Cập nhật các thông tin về tiến bộ công nghệ.
- B. Cân trọng khi chia sẻ thông tin trên Internet và mạng xã hội.
- C. Dành thời gian giao lưu với người thân, bạn bè, chơi thể thao, tham gia các hoạt động ngoại khoá,...
- D. Rèn luyện các kỹ năng tìm kiếm và đánh giá độ tin cậy của các thông tin nhận được.

Câu 14. Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị kĩ thuật số trong lĩnh vực thương mại?

- A. Máy chiếu trong lớp học.
- B. Máy điều hoà không khí.
- C. Máy tính tiền POS.
- D. Máy tính bỏ túi.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây chưa thật đúng?

- A. Công nghệ thông tin có tác động tiêu cực đến con người và xã hội nhiều hơn so với tác động tích cực.
- B. Cần sử dụng công nghệ thông tin đúng cách để tránh những tác động tiêu cực đến cuộc sống.
- C. Máy tính được ứng dụng hiệu quả trong nhiều lĩnh vực của khoa học kĩ thuật và đời sống.
- D. Nhiều dữ liệu hiện có trên Internet là miễn phí.

Câu 16. Tại sao cần thu thập thông tin đầy đủ khi giải quyết một vấn đề?

- A. Để có nhiều sự lựa chọn giải pháp khác nhau.
- B. Để tránh ra quyết định dựa trên thông tin thiếu chính xác hoặc không đầy đủ.
- C. Để giảm thiểu chi phí cho việc giải quyết vấn đề.
- D. Để tiết kiệm thời gian.

Câu 17. Công nghệ thông tin có tác động tiêu cực thế nào đến sức khoẻ thể chất của con người?

- A. Gây giảm thị lực.
- B. Thông tin giả tràn lan.
- C. Giảm tương tác giữa người với người.
- D. Khiến con người trở nên thụ động.

Câu 18. Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

- A. Nguy cơ thất nghiệp tăng.
- B. Tồn hại thị lực.
- C. Tạo ra rác thải điện tử.
- D. Giúp tiết kiệm thời gian di chuyển.

Câu 19. Phương án nào sau đây không phải là tác động tích cực của công nghệ thông tin đối với giáo dục?

- A. Dễ dàng truy cập nguồn tài liệu học tập phong phú trên Internet.
- B. Dễ dàng tham gia các khoá học trực tuyến phù hợp với bản thân.
- C. Mang lại nhiều lựa chọn giải trí.
- D. Công nghệ đa phương tiện, công cụ mô phỏng giúp việc dạy học trở nên hiệu quả, sinh động hơn.

Câu 20. Công nghệ thông tin tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

- A. Bạo lực mạng.
- B. Tăng nguy cơ thất nghiệp.
- C. Rác thải từ những sản phẩm công nghệ lỗi thời.
- D. Tạo ra thông tin sai lệch và tin tức giả mạo.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 21 đến câu 22. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 21: Máy giặt có gắn bộ xử lý thông tin đã có mặt trong nhiều gia đình. Hoạt động của bộ xử lý thông tin đó là:

- a) Nhận thông tin đầu vào là những lựa chọn của người dùng như chế độ giặt, thời gian.
- b) Tự hoạt động, không cần thông tin đầu vào.
- c) Lựa chọn chế độ hoạt động phù hợp nhất đối với những thông tin đầu vào.
- d) Có tốc độ tính toán tương đương bộ xử lý trung tâm của máy tính.

Câu 22: Phát biểu minh họa cho tác động tích cực đối với giáo dục và đào tạo, công nghệ thông tin đã mở rộng phạm vi tiếp cận tri thức, môi trường học tập linh hoạt và sáng tạo là:

- a) Đào tạo trực tuyến tạo ra không gian học tập giúp người học chủ động lựa chọn nội dung, phương thức học tập theo nhu cầu và tiết kiệm thời gian đi lại.
- b) Trong đào tạo trực tuyến, một bài giảng có thể được đăng ở nhiều nơi, tại nhiều thời điểm khác nhau, người học cũng có thể xem lại nhiều lần.
- c) Mạng xã hội giúp học sinh dễ dàng kết bạn, thường xuyên giao lưu với những người lạ.
- d) Những phần mềm trình chiếu, phần mềm mô phỏng thí nghiệm làm cho học liệu trở nên đa dạng, sinh động giúp bài giảng hấp dẫn hơn.

II. Phần tự luận (3 điểm):

Bài 1 (1đ): Em hãy nêu một số khả năng của máy tính.

Bài 2 (2đ): Em hãy nêu hai ứng dụng của máy tính trong khoa học kĩ thuật và đời sống.

----- Giáo viên coi thi không giải thích gì thêm -----

Mã đề 902

I. Phần trắc nghiệm: 7 điểm

1. Dạng thức câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Từ câu 1 đến câu 20, mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	A	A	A	C	B	A	B	A	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	C	C	C	A	B	A	C	C	C

2. Dạng thức câu trắc nghiệm Đúng/ Sai: Điểm tối đa của 1 câu hỏi là 1 điểm trong đó:

- HS chỉ lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu hỏi được 0.1 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 2 ý trong 1 câu hỏi được 0.25 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 3 ý trong 1 câu hỏi được 0.5 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 4 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu 21: a) Đ b) S c) Đ d) S

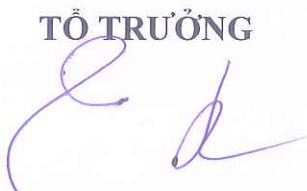
Câu 22: a) Đ b) Đ c) S d) Đ

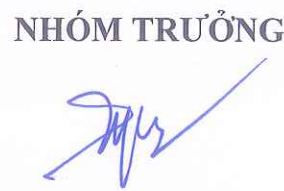
II. Phần tự luận: 3 điểm

Bài	Đáp án	Điểm
1 (1đ)	Một số khả năng của máy tính: - Máy tính có khả năng tính toán nhanh, bền bỉ, chính xác. - Lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn. Kết nối toàn cầu với tốc độ cao.	0.5đ 0.5đ
2 (2đ)	Hai ứng dụng của máy tính trong khoa học kỹ thuật và đời sống: - Trong y tế, bác sĩ sử dụng máy tính để hiểu cơ thể con người và chẩn đoán những rối loạn về thể chất. Bệnh viện sử dụng máy tính để quản lý dữ liệu của người bệnh và bác sĩ. - Trong nghiên cứu, các nhà khoa học có thể tìm hiểu các tài liệu tham khảo từ kho dữ liệu được số hóa và được lưu trữ trên thiết bị lưu trữ hoặc internet.	1đ 1đ

BGH DUYỆT

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TỔ TRƯỞNG

Phạm Thị Hải Yến

NHÓM TRƯỞNG

Trần Minh Ngọc

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Chất lượng thông tin được đánh giá thông qua mấy tiêu chí?

- A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 2. Công nghệ kỹ thuật số có tác động tiêu cực đến sức khỏe thể chất của con người ra sao?

- A. Các mối quan hệ xã hội bị ảnh hưởng.
B. Gây ra bệnh khô mắt và giảm thị lực.
C. Cổ xuy lồi sống thiếu đạo đức.
D. Dễ có những cảm xúc tiêu cực.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Cần phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận, trao đổi và sử dụng thông tin để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.
- B. Số lượng bản tin làm cho thông tin trở nên hữu ích.
- C. Internet là một kho thông tin khổng lồ.
- D. Con có thể tìm được nhiều thông tin trên Internet nhưng không phải thông tin nào cũng có thể sử dụng để giải quyết vấn đề.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây chưa thật đúng?

- A. Cần sử dụng công nghệ thông tin đúng cách để tránh những tác động tiêu cực đến cuộc sống.

Câu 5. Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến xã hội như thế nào?

- A. Khiến cho một bộ phận người dân yếu thế như người già, người khuyết tật ngày càng tụt hậu.
- B. Hạn chế những ý tưởng sáng tạo do thói quen tìm kiếm trên Google.
- C. Tăng nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến tim mạch, tiểu đường, ung thư và béo phì.
- D. Thúc đẩy các nền kinh tế truyền thống chuyển đổi sang kinh tế tri thức.

Câu 6. Máy tính không có khả năng nào sau đây?

- A. Cảm thụ văn học.
B. Kết nối toàn cầu với tốc độ cao.
C. Lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn.
D. Tính toán nhanh.

Câu 7. Công nghệ thông tin có tác động tiêu cực thế nào đến sức khỏe thể chất của con người?

- A. Gây giảm thị lực.
B. Khiến con người trở nên thụ động.
C. Giảm tương tác giữa người với người.
D. Thông tin giả tràn lan.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Ngày nay, con người có thể bổ sung sự hiểu biết của mình về bất cứ lĩnh vực nào, ở mọi nơi và vào mọi lúc bằng cách sử dụng Internet.
- B. Công nghệ thông tin giúp con người dễ dàng chuyển giao và tiếp cận thông tin.
- C. Công nghệ thông tin không có tác động tiêu cực đến sức khoẻ thể chất của con người.
- D. Công nghệ thông tin được con người sử dụng để khám phá tri thức mới, kết nối cá nhân với thế giới, hỗ trợ họ trong học tập và lao động.

Câu 9. “*Não của chúng ta hoạt động ít dần vì sự xuất hiện của công nghệ cao*” - nhà thần kinh học Michael Merzenich cho biết trong cuốn “*The Shallows: What The Internet Is Doing To Our Brains*”, cảnh báo tác động của công nghệ đối với trí thông minh của con người, nguy hiểm tới mức không tưởng. Vậy theo cá nhân con, công nghệ thông tin tác động lên não của chúng ta như thế nào?

- A. Tỷ lệ thất nghiệp tăng.
- B. Giảm độ tập trung.
- C. Chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.
- D. Đạo đức suy giảm.

Câu 10. Tại sao cần thu thập thông tin đầy đủ khi giải quyết một vấn đề?

- A. Để tiết kiệm thời gian.
- B. Để giảm thiểu chi phí cho việc giải quyết vấn đề.
- C. Để tránh ra quyết định dựa trên thông tin thiếu chính xác hoặc không đầy đủ.
- D. Để có nhiều sự lựa chọn giải pháp khác nhau.

Câu 11. Hành vi nào sau đây không phải là hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Gửi tin nhắn rác với mục đích quảng cáo.
- B. Quảng cáo, buôn bán hàng hoá cấm.
- C. Quấy rối, kêu gọi tẩy chay.
- D. Sử dụng phần mềm có bản quyền.

Câu 12. Biện pháp để hạn chế tác động tiêu cực của công nghệ thông tin đến sức khoẻ thể chất của con người là:

- A. Cần trọng khi chia sẻ thông tin trên Internet và mạng xã hội.
- B. Dành thời gian giao lưu với người thân, bạn bè, chơi thể thao, tham gia các hoạt động ngoại khoá,...
- C. Cập nhật các thông tin về tiến bộ công nghệ.
- D. Rèn luyện các kỹ năng tìm kiếm và đánh giá độ tin cậy của các thông tin nhận được.

Câu 13. Phương án nào sau đây là ứng dụng của máy tính trong lĩnh vực y tế?

- A. Dự báo thời tiết.
- B. Điều khiển ô tô tự động lái.
- C. Chẩn đoán bệnh.
- D. Mô phỏng dòng chảy của chất lỏng.

Câu 14. Các thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị kỹ thuật số?

- A. Điện thoại thông minh
- B. Máy tính bảng
- C. Máy giặt điều khiển bằng nút bấm cơ
- D. Máy ảnh kỹ thuật số

Câu 15. Công nghệ kỹ thuật số có tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

- A. Nguy cơ thất nghiệp tăng.
- B. Tồn tại thị lực.
- C. Tạo ra rác thải điện tử.
- D. Giúp tiết kiệm thời gian di chuyển.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Chất lượng thông tin trên Internet thể hiện ở số lượng người đọc.
- B. Không phải thông tin nào trên Internet cũng hữu ích đối với việc giải quyết vấn đề.
- C. Thông tin là cơ sở để ra quyết định.
- D. Nếu thông tin không liên quan tới vấn đề được đặt ra thì con sẽ không sử dụng được và thông tin trở nên vô ích.

Câu 17. Tính mới của thông tin cho biết:

- A. Sự vật, hiện tượng được mô tả giống nó đến mức nào.
- B. Mức độ thuận tiện, dễ hiểu của thông tin để người dùng có thể tiếp cận, truy cập, sử dụng
- C. Mức độ mô tả đầy đủ các thuộc tính của sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng
- D. Thông tin còn phản ánh được sự vật, hiện tượng hiện thời nữa hay không.

Câu 18. Phương án nào sau đây không phải là tác động tích cực của công nghệ thông tin đối với giáo dục?

- A. Công nghệ đa phương tiện, công cụ mô phỏng giúp việc dạy học trở nên hiệu quả, sinh động hơn.
- B. Dễ dàng tham gia các khoá học trực tuyến phù hợp với bản thân.
- C. Mang lại nhiều lựa chọn giải trí.
- D. Dễ dàng truy cập nguồn tài liệu học tập phong phú trên Internet.

Câu 19. Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị kỹ thuật số trong lĩnh vực thương mại?

- A. Máy chiếu trong lớp học.
- B. Máy tính bỏ túi.
- C. Máy điều hoà không khí.
- D. Máy tính tiền POS.

Câu 20. Công nghệ thông tin tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

- A. Bạo lực mạng.
- B. Tạo ra thông tin sai lệch và tin tức giả mạo.
- C. Tăng nguy cơ thất nghiệp.
- D. Rác thải từ những sản phẩm công nghệ lỗi thời.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 21 đến câu 22. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 21: Máy giặt có gắn bộ xử lý thông tin đã có mặt trong nhiều gia đình. Hoạt động của bộ xử lý thông tin đó là:

- a) Nhận thông tin đầu vào là những lựa chọn của người dùng như chế độ giặt, thời gian.
- b) Tự hoạt động, không cần thông tin đầu vào.
- c) Lựa chọn chế độ hoạt động phù hợp nhất đối với những thông tin đầu vào.
- d) Có tốc độ tính toán tương đương bộ xử lý trung tâm của máy tính.

Câu 22: Phát biểu minh họa cho tác động tích cực đối với giáo dục và đào tạo, công nghệ thông tin đã mở rộng phạm vi tiếp cận tri thức, môi trường học tập linh hoạt và sáng tạo là:

- a) Đào tạo trực tuyến tạo ra không gian học tập giúp người học chủ động lựa chọn nội dung, phương thức học tập theo nhu cầu và tiết kiệm thời gian đi lại.
- b) Trong đào tạo trực tuyến, một bài giảng có thể được đăng ở nhiều nơi, tại nhiều thời điểm khác nhau, người học cũng có thể xem lại nhiều lần.
- c) Mạng xã hội giúp học sinh dễ dàng kết bạn, thường xuyên giao lưu với những người lạ.
- d) Những phần mềm trình chiếu, phần mềm mô phỏng thí nghiệm làm cho học liệu trở nên đa dạng, sinh động giúp bài giảng hấp dẫn hơn.

II. Phần tự luận (3 điểm):

Bài 1 (1đ): Em hãy nêu một số tiêu chí đánh giá chất lượng thông tin.

Bài 2 (2đ): Em hãy nêu một số tác động tiêu cực của công nghệ kỹ thuật số.

----- Giáo viên coi thi không giải thích gì thêm -----

Mã đề 903

I. Phần trắc nghiệm: 7 điểm

1. Dạng thức câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Từ câu 1 đến câu 20, mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	B	B	D	A	A	A	C	B	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	B	C	C	C	A	D	C	D	D

2. Dạng thức câu trắc nghiệm Đúng/ Sai: Điểm tối đa của 1 câu hỏi là 1 điểm trong đó:

- HS chỉ lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu hỏi được 0.1 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 2 ý trong 1 câu hỏi được 0.25 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 3 ý trong 1 câu hỏi được 0.5 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 4 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu 21: a) Đ b) S c) Đ d) S

Câu 22: a) Đ b) Đ c) S d) Đ

II. Phần tự luận: 3 điểm

Bài	Đáp án	Điểm
1 (1đ)	Một số tiêu chí đánh giá chất lượng thông tin: - Tính mới - Tính chính xác. - Tính đầy đủ. - Tính sử dụng được.	0.25đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ
2 (2đ)	Một số tác động tiêu cực của công nghệ kĩ thuật số: - Chơi điện tử quá nhiều, liên tục có thể gây nghiện. - Quá lệ thuộc vào công nghệ thông tin để giải quyết những vấn đề nhỏ trong cuộc sống. - Trò chuyện trực tuyến đối với đối tượng ẩn danh hay mạo danh dẫn đến nguy cơ mất an toàn. - Thông tin cá nhân có thể bị đánh cắp.	0.5đ 0.5đ 0.5đ 0.5đ

BGH DUYỆT
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGỌC LÂM
KHUẾ THỊ MỸ HẠNH

TỔ TRƯỞNG
PHẠM THỊ HẢI YẾN

NHÓM TRƯỞNG
TRẦN MINH NGỌC

Mã đề 904

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Công nghệ kĩ thuật số có tác động tiêu cực đến xã hội như thế nào?

- A. Tăng nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến tim mạch, tiểu đường, ung thư và béo phì.
- B. Khiến cho một bộ phận người dân yếu thế như người già, người khuyết tật ngày càng tụt hậu.
- C. Hạn chế những ý tưởng sáng tạo do thói quen tìm kiếm trên Google.
- D. Thúc đẩy các nền kinh tế truyền thống chuyển đổi sang kinh tế tri thức.

Câu 2. Hành vi nào sau đây không phải là hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức, thiếu văn hoá khi hoạt động trong môi trường số?

- A. Sử dụng phần mềm có bản quyền.
- B. Gửi tin nhắn rác với mục đích quảng cáo.
- C. Quấy rối, kêu gọi tẩy chay.
- D. Quảng cáo, buôn bán hàng hoá cấm.

Câu 3. Tại sao cần thu thập thông tin đầy đủ khi giải quyết một vấn đề?

- A. Để có nhiều sự lựa chọn giải pháp khác nhau.
- B. Để giảm thiểu chi phí cho việc giải quyết vấn đề.
- C. Để tiết kiệm thời gian.
- D. Để tránh ra quyết định dựa trên thông tin thiếu chính xác hoặc không đầy đủ.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Cần phải quan tâm đến chất lượng thông tin khi tìm kiếm, tiếp nhận, trao đổi và sử dụng thông tin để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.
- B. Số lượng bản tin làm cho thông tin trở nên hữu ích.
- C. Con có thể tìm được nhiều thông tin trên Internet nhưng không phải thông tin nào cũng có thể sử dụng để giải quyết vấn đề.
- D. Internet là một kho thông tin khổng lồ.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Chất lượng thông tin trên Internet thể hiện ở số lượng người đọc.
- B. Thông tin là cơ sở để ra quyết định.
- C. Không phải thông tin nào trên Internet cũng hữu ích đối với việc giải quyết vấn đề.
- D. Nếu thông tin không liên quan tới vấn đề được đặt ra thì con sẽ không sử dụng được và thông tin trở nên vô ích.

Câu 6. Máy tính không có khả năng nào sau đây?

- A. Kết nối toàn cầu với tốc độ cao.
- B. Cảm thụ văn học.
- C. Lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn.
- D. Tính toán nhanh.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây chưa thật đúng?

- A. Nhiều dữ liệu hiện có trên Internet là miễn phí.
- B. Công nghệ thông tin có tác động tiêu cực đến con người và xã hội nhiều hơn so với tác động tích cực.
- C. Máy tính được ứng dụng hiệu quả trong nhiều lĩnh vực của khoa học kĩ thuật và đời sống.
- D. Cần sử dụng công nghệ thông tin đúng cách để tránh những tác động tiêu cực đến cuộc sống.

Câu 8. Biện pháp để hạn chế tác động tiêu cực của công nghệ thông tin đến sức khoẻ thể chất của con người là:

- A. Dành thời gian giao lưu với người thân, bạn bè, chơi thể thao, tham gia các hoạt động ngoại khoá,...

- B. Rèn luyện các kỹ năng tìm kiếm và đánh giá độ tin cậy của các thông tin nhận được.
- C. Cần trọng khi chia sẻ thông tin trên Internet và mạng xã hội.
- D. Cập nhật các thông tin về tiến bộ công nghệ.

Câu 9. “*Não của chúng ta hoạt động ít dần vì sự xuất hiện của công nghệ cao*” - nhà thần kinh học Michael Merzenich cho biết trong cuốn “The Shallows: What The Internet Is Doing To Our Brains”, cảnh báo tác động của công nghệ đối với trí thông minh của con người, nguy hiểm tới mức không tưởng. Vậy theo cá nhân con, công nghệ thông tin tác động lên não của chúng ta như thế nào?

- A. Giảm độ tập trung.
- B. Đạo đức suy giảm.
- C. Chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.
- D. Tỷ lệ thất nghiệp tăng.

Câu 10. Tính mới của thông tin cho biết:

- A. Sự vật, hiện tượng được mô tả giống nó đến mức nào.
- B. Mức độ mô tả đầy đủ các thuộc tính của sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng
- C. Mức độ thuận tiện, dễ hiểu của thông tin để người dùng có thể tiếp cận, truy cập, sử dụng
- D. Thông tin còn phản ánh được sự vật, hiện tượng hiện thời nữa hay không.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Công nghệ thông tin được con người sử dụng để khám phá tri thức mới, kết nối cá nhân với thế giới, hỗ trợ họ trong học tập và lao động.
- B. Công nghệ thông tin không có tác động tiêu cực đến sức khoẻ thể chất của con người.
- C. Công nghệ thông tin giúp con người dễ dàng chuyển giao và tiếp cận thông tin.
- D. Ngày nay, con người có thể bổ sung sự hiểu biết của mình về bất cứ lĩnh vực nào, ở mọi nơi và vào mọi lúc bằng cách sử dụng Internet.

Câu 12. Các thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị kỹ thuật số?

- A. Máy giặt điều khiển bằng nút bấm cơ
- B. Máy tính bảng
- C. Điện thoại thông minh
- D. Máy ảnh kỹ thuật số

Câu 13. Tính chính xác của thông tin thể hiện điều gì?

- A. Thể hiện tính phù hợp của thông tin với vấn đề hay câu hỏi được đặt ra.
- B. Thể hiện tính đúng đắn của thông tin.
- C. Thể hiện thông tin đã bị lỗi thời chưa.
- D. Thể hiện sự bao quát nhiều khía cạnh, cho em có được cái nhìn tổng thể về vấn đề được đặt ra.

Câu 14. Phương án nào sau đây là ví dụ về thiết bị kỹ thuật số trong lĩnh vực thương mại?

- A. Máy chiếu trong lớp học.
- B. Máy tính bỏ túi.
- C. Máy tính tiền POS.
- D. Máy điều hoà không khí.

Câu 15. Khi thấy một quảng cáo trên YouTube, con sẽ ứng xử như thế nào?

- A. Báo cáo quảng cáo với YouTube vì nội dung không phù hợp với video.
- B. Tìm hiểu, đánh giá chất lượng thông tin nếu có hứng thú với sản phẩm trong quảng cáo.
- C. Sử dụng sản phẩm vì quảng cáo trên YouTube rất đáng tin cậy.
- D. Chia sẻ thông tin với người thân, bạn bè vì YouTube là một trang web nổi tiếng.

Câu 16. Công nghệ thông tin tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào?

- A. Tạo ra thông tin sai lệch và tin tức giả mạo.
- B. Bạo lực mạng.
- C. Tăng nguy cơ thất nghiệp.
- D. Rác thải từ những sản phẩm công nghệ lỗi thời.

Câu 17. Phương án nào sau đây là ứng dụng của máy tính trong lĩnh vực y tế?

- A. Mô phỏng dòng chảy của chất lỏng.
- B. Điều khiển ô tô tự động lái.
- C. Dự báo thời tiết.
- D. Chẩn đoán bệnh.

Câu 18. Đây là tác hại khi sử dụng internet?

- A. Tìm kiếm thông tin.
- B. Tham gia các hoạt động phi pháp trên mạng xã hội.
- C. Học tập online.
- D. Chia sẻ thông tin.

Câu 19. Chất lượng thông tin được đánh giá thông qua mấy tiêu chí?

A. 4.

B. 2.

C. 1.

D. 3.

Câu 20. Phương án nào sau đây không phải là tác động tích cực của công nghệ thông tin đối với giáo dục?

A. Dễ dàng truy cập nguồn tài liệu học tập phong phú trên Internet.

B. Công nghệ đa phương tiện, công cụ mô phỏng giúp việc dạy học trở nên hiệu quả, sinh động hơn.

C. Mang lại nhiều lựa chọn giải trí.

D. Dễ dàng tham gia các khoá học trực tuyến phù hợp với bản thân.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 21 đến câu 22. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 21: Máy giặt có gắn bộ xử lý thông tin đã có mặt trong nhiều gia đình. Hoạt động của bộ xử lý thông tin đó là:

a) Nhận thông tin đầu vào là những lựa chọn của người dùng như chế độ giặt, thời gian.

b) Tự hoạt động, không cần thông tin đầu vào.

c) Lựa chọn chế độ hoạt động phù hợp nhất đối với những thông tin đầu vào.

d) Có tốc độ tính toán tương đương bộ xử lý trung tâm của máy tính.

Câu 22: Phát biểu minh họa cho tác động tích cực đối với giáo dục và đào tạo, công nghệ thông tin đã mở rộng phạm vi tiếp cận tri thức, môi trường học tập linh hoạt và sáng tạo là:

a) Đào tạo trực tuyến tạo ra không gian học tập giúp người học chủ động lựa chọn nội dung, phương thức học tập theo nhu cầu và tiết kiệm thời gian đi lại.

b) Trong đào tạo trực tuyến, một bài giảng có thể được đăng ở nhiều nơi, tại nhiều thời điểm khác nhau, người học cũng có thể xem lại nhiều lần.

c) Mạng xã hội giúp học sinh dễ dàng kết bạn, thường xuyên giao lưu với những người lạ.

d) Những phần mềm trình chiếu, phần mềm mô phỏng thí nghiệm làm cho học liệu trở nên đa dạng, sinh động giúp bài giảng hấp dẫn hơn.

II. Phần tự luận (3 điểm):

Bài 1 (1đ): Em hãy nêu một số khả năng của máy tính.

Bài 2 (2đ): Em hãy nêu tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục và xã hội.

----- Giáo viên coi thi không giải thích gì thêm -----

Mã đề 904

I. Phần trắc nghiệm: 7 điểm

1. Dạng thức câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Từ câu 1 đến câu 20, mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	D	B	A	B	B	A	A	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	A	B	C	B	D	D	B	A	C

2. Dạng thức câu trắc nghiệm Đúng/ Sai: Điểm tối đa của 1 câu hỏi là 1 điểm trong đó:

- HS chỉ lựa chọn chính xác 1 ý trong 1 câu hỏi được 0.1 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 2 ý trong 1 câu hỏi được 0.25 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 3 ý trong 1 câu hỏi được 0.5 điểm.
- HS chỉ lựa chọn chính xác 4 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu 21: a) Đ b) S c) Đ d) S

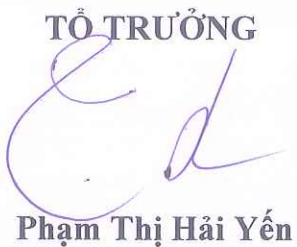
Câu 22: a) Đ b) Đ c) S d) Đ

II. Phần tự luận: 3 điểm

Bài	Đáp án	Điểm
1 (1đ)	Một số khả năng của máy tính: - Máy tính có khả năng tính toán nhanh, bền bỉ, chính xác. - Lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn. Kết nối toàn cầu với tốc độ cao.	0.5đ 0.5đ
2 (2đ)	Tác động của công nghệ thông tin lên giáo dục và xã hội: - Công nghệ thông tin đem đến những phương tiện giao tiếp hiệu quả. - Công nghệ thông tin an toàn giúp con người dễ dàng chuyển giao và tiếp cận thông tin. - Trong giáo dục công nghệ thông tin giúp con người chia sẻ kiến thức, kỹ năng và cổ vũ thái độ sống tích cực.	0.5đ 0.5đ 1đ

BGH DUYỆT

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TỔ TRƯỞNG

Phạm Thị Hải Yến

NHÓM TRƯỞNG

Trần Minh Ngọc

Mã đề 901

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm):

A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra: (mỗi câu hỏi chỉ chọn một đáp án.)

Câu 1. Đồng hồ đo điện nào đo điện trở mạch điện ?

- A. Ôm kế. B. Oát kế. C. Vôn kế. D. Ampe kế.

Câu 2. Trên mặt công tơ điện có ghi 50HZ có nghĩa là gì ?

- A. Điện áp định mức của công tơ B. Cấp chính xác
C. Cường độ dòng điện D. Tần số lưới điện

Câu 3. Công dụng của bảng điện dùng để:

- A. Lắp các thiết bị điện B. Để nối dây dẫn điện
C. Trang trí mạch điện D. Để bảo vệ cho các thiết bị

Câu 4. Cầu chì, được lắp trên:

- A. Dây pha trước công tắc B. Dây trung hòa trước công tắc
C. Dây trung hòa sau công tắc D. Dây pha sau công tắc

Câu 5. Phần tử nào dưới đây **không** được lắp trên bảng điện:

- A. Ổ điện B. Aptômát
C. Bóng đèn D. Hộp số quạt

Câu 6. Công tắc được lắp ở vị trí nào trên mạng điện:

- A. Trên dây trung hoà, trước đồ dùng điện.
B. Trên dây trung hoà sau cầu dao, trước đồ dùng điện.
C. Trên dây pha sau cầu chì, trước đồ dùng điện.
D. Trên dây pha, trước đồ dùng điện, sau các thiết bị điện.

Câu 7. Chọn câu **sai** trong các câu sau đây:

- A. Công tơ điện dùng để đo điện năng tiêu thụ của mạch điện
B. Ampe kế dùng để đo cường độ dòng điện

C. Vôn kế dùng để đo hiệu điện thế

D. Oát kế dùng để đo điện trở mạch điện

Câu 8. Để đo cường độ dòng điện và lượng điện năng tiêu thụ ta dùng các đồng hồ đo theo thứ tự là:

A. Công tơ điện và ampe kế.

B. Ampe kế và vôn kế.

C. Ampe kế và oát kế.

D. Ampe kế và công tơ điện.

Câu 9. Trên mặt công tơ điện có ghi 220V có nghĩa là gì ?

A. Điện áp định mức của công tơ

B. Cường độ dòng điện

C. Tần số lưới điện

D. Cấp chính xác

Câu 10. Cầu chì là thiết bị dùng để:

A. Tiêu thụ điện năng.

B. Đóng cắt dòng điện.

C. Trang trí mạch điện.

D. Bảo vệ mạch điện.

Câu 11. Hãy cho biết W là kí hiệu của đồng hồ đo điện nào?

A. Ampe kế.

B. Vôn kế.

C. Ôm kế.

D. Oát kế.

Câu 12. Công dụng của ổ cắm trong mạch điện là:

A. Để nối dây dẫn điện

B. Trang trí mạch điện

C. Để lấy điện từ nguồn điện

D. Lắp các thiết bị điện.

Câu 13. Trên bảng điện có những phần tử nào?

A. Ổ cắm, bóng đèn.

B. Cầu chì, công tắc, ổ cắm.

C. Công tắc, bóng đèn.

D. Cầu chì, bóng đèn.

Câu 14. Công tơ điện dùng để đo:

A. Nhiệt lượng

B. Điện năng tiêu thụ

C. Điện trở

D. Cường độ dòng điện

Câu 15. Bàn là điện có công suất là 1000W hoạt động trong vòng 10 giờ thì điện năng tiêu thụ là:

A. 100Kwh

B. 10wh

C. 100Wh

D. 10 Kwh

Câu 16. Hãy cho biết V là kí hiệu của đồng hồ đo điện nào?

A. Oát kế.

B. Ôm kế.

C. Công tơ điện.

D. Vôn kế.

Câu 17. Đồng hồ vạn năng thực hiện chức năng đo của các loại đồng hồ:

- A. Vôn kế, công tơ điện, ampe kế. B. Ôm kế, vôn kế, ampe kế.
C. Ôm kế, công tơ điện, vôn kế. D. Ampe kế, công tơ điện, vôn kế.

Câu 18. Trước khi vẽ sơ đồ lắp đặt, chúng ta cần làm gì ?

- A. Lập bảng dự trù. B. Lựa chọn dụng cụ.
C. Tìm hiểu sơ đồ nguyên lí mạch điện. D. Tính toán dây dẫn.

Câu 19. Điện năng tiêu thụ trong tháng 5 của nhà em là bao nhiêu khi số chỉ công tơ tháng 4 là 1500 Kwh; số chỉ công tơ tháng 5 là 2500Kwh.

- A. 1000 Wh B. 1000 Kwh C. 10 Kwh D. 400 Kwh

Câu 20. Công tơ điện một pha có mấy đầu nối dây ?

- A. 5 B. 2 C. 4 D. 3

Câu 21. Đồng hồ điện **không** đo được đại lượng nào sau đây?

- A. Cường độ dòng điện B. Điện trở
C. Cường độ sáng D. Hiệu điện thế

Câu 22. Công dụng của công tắc trong mạch điện bảng điện là:

- A. Điều khiển đèn. B. Chiếu sáng.
C. Mở phóng điện. D. Bảo vệ mạch điện.

Câu 23. Việc nào sau đây em cho là đúng ?

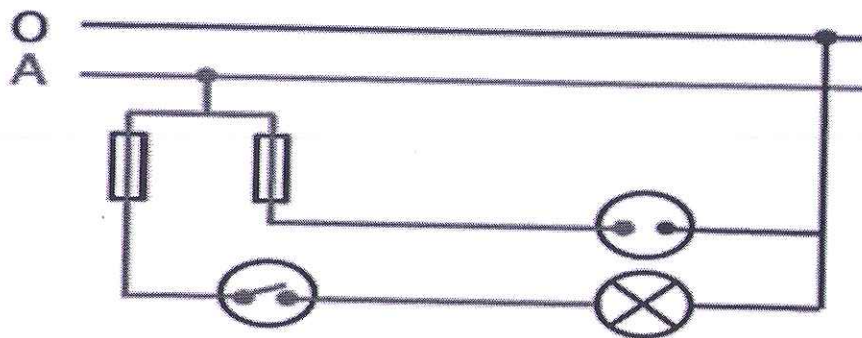
- A. Nối đất các thiết bị có vỏ bằng kim loại.
B. Thả điều gần dây điện.
C. Buộc trâu bò vào chân cây cột điện.
D. Dùng điện đánh chuột.

Câu 24. Trên mặt công tơ điện có ghi 500 vòng/Kwh có nghĩa là :

- A. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 10 Kwh
B. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 1wh
C. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 1Kwh
D. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 10Wh

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): Trong mỗi ý A,B,C,D học sinh chọn “Đúng” hoặc “Sai” và viết lại vào giấy kiểm tra.

Câu 1: Cho sơ đồ mạch điện sau:



- A. Sơ đồ trên là sơ đồ nguyên lý mạch điện bảng điện.
- B. Sơ đồ trên gồm 1 cầu chì, 1 công tắc, 1 ổ cắm, 1 bóng đèn
- C. Cầu chì được mắc trên dây trung hòa.
- D. Ổ cắm được mắc song song với bóng đèn.

Phần II: Tự luận (3 điểm):

Câu 1(2 điểm): Em hãy nêu một số lưu ý khi sử dụng đồng hồ vạn năng?

Câu 2(1 điểm): Thế nào là sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt mạch điện?

----- **HẾT** -----

Mã đề 901

I. Trắc nghiệm (7 điểm):

A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm): Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12
Đáp án	A	D	A	A	C	C	D	D	A	D	D	C
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đáp án	B	B	D	D	B	C	B	C	C	A	A	C

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): HS làm đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm

Câu 1	A	B	C	D
Đáp án	Đúng	Sai	Sai	Đúng

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1(2 điểm): Một số lưu ý khi sử dụng đồng hồ vạn năng:

- Nối que đo đúng với vị trí cổng giắc cắm: que đo màu đen luôn nối với cổng COM, que đo màu đỏ nối với cổng khác tùy thuộc vào thông số đo.
- Chọn chức năng và thang đo phù hợp với đại lượng đo. Khi chưa biết giá trị của đại lượng cần đo phải chọn thang đo cao nhất.
- Khi chuyển đổi thang đo phải ngắt đầu đo ra khỏi điểm đang đo.
- Khi không sử dụng đồng hồ phải tắt nguồn.

Câu 2(1 điểm) :

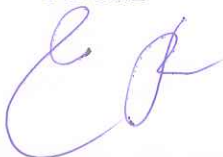
- Sơ đồ nguyên lí thể hiện mối liên hệ điện giữa các thiết bị trong mạng điện. Sơ đồ nguyên lí được dùng để nghiên cứu nguyên lí làm việc và là cơ sở để thiết kế sơ đồ lắp đặt.
- Sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà biểu thị rõ vị trí, cách lắp đặt của các thiết bị và đồ dùng điện của mạng điện. Sơ đồ lắp đặt được sử dụng để dự trù vật liệu, lắp đặt, sửa chữa và số lượng các thiết bị điện có trong mạng điện.

BGH kí duyệt



Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM



Phạm Thị Hải Yến

NT/GV ra đề



Dương Thị Tươi

Mã đề 902

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm):

A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra: (mỗi câu hỏi chỉ chọn một đáp án.)

Câu 1. Hãy cho biết W là kí hiệu của đồng hồ đo điện nào?

- A. Vôn kế. B. Oát kế. C. Ôm kế. D. Ampe kế.

Câu 2. Để đo cường độ dòng điện và lượng điện năng tiêu thụ ta dùng các đồng hồ đo theo thứ tự là:

- A. Ampe kế và oát kế. B. Ampe kế và vôn kế.
C. Ampe kế và công tơ điện. D. Công tơ điện và ampe kế.

Câu 3. Phần tử nào dưới đây **không** được lắp trên bảng điện:

- A. Hộp số quạt B. Aptômát
C. Ổ điện D. Bóng đèn

Câu 4. Trên bảng điện có những phần tử nào?

- A. Cầu chì, bóng đèn. B. Cầu chì, công tắc, ổ cắm.
C. Công tắc, bóng đèn. D. Ổ cắm, bóng đèn.

Câu 5. Bàn là điện có công suất là 1000W hoạt động trong vòng 10 giờ thì điện năng tiêu thụ là:

- A. 100Wh B. 100Kwh C. 10wh D. 10 Kwh

Câu 6. Chọn câu **sai** trong các câu sau đây:

- A. Công tơ điện dùng để đo điện năng tiêu thụ của mạch điện
B. Vôn kế dùng để đo hiệu điện thế
C. Oát kế dùng để đo điện trở mạch điện
D. Ampe kế dùng để đo cường độ dòng điện

Câu 7. Cầu chì, được lắp trên:

- A. Dây trung hòa sau công tắc B. Dây pha trước công tắc
C. Dây trung hòa trước công tắc D. Dây pha sau công tắc

Câu 8. Việc nào sau đây em cho là đúng ?

- A. Nối đất các thiết bị có vỏ bằng kim loại.
- B. Buộc trâu bò vào chân cây cột điện.
- C. Thả điều gần dây điện.
- D. Dùng điện đánh chuột.

Câu 9. Điện năng tiêu thụ trong tháng 5 của nhà em là bao nhiêu khi số chỉ công tơ tháng 4 là 1500 Kwh; số chỉ công tơ tháng 5 là 2500Kwh.

- A. 1000 Wh B. 1000 Kwh C. 10 Kwh D. 400 Kwh

Câu 10. Công dụng của ổ cắm trong mạch điện là:

- A. Lắp các thiết bị điện.
- B. Để nối dây dẫn điện
- C. Để lấy điện từ nguồn điện
- D. Trang trí mạch điện

Câu 11. Công dụng của công tắc trong mạch điện bảng điện là:

- A. Chiếu sáng.
- B. Bảo vệ mạch điện.
- C. Mở phóng điện.
- D. Điều khiển đèn.

Câu 12. Đồng hồ đo điện nào đo điện trở mạch điện ?

- A. Vôn kế.
- B. Ampe kế.
- C. Oát kế.
- D. Ôm kế.

Câu 13. Đồng hồ vạn năng thực hiện chức năng đo của các loại đồng hồ:

- A. Vôn kế, công tơ điện, ampe kế.
- B. Ampe kế, công tơ điện, vôn kế.
- C. Ôm kế, công tơ điện, vôn kế.
- D. Ôm kế, vôn kế, ampe kế.

Câu 14. Trên mặt công tơ điện có ghi 50HZ có nghĩa là gì ?

- A. Điện áp định mức của công tơ
- B. Cấp chính xác
- C. Tần số lưới điện
- D. Cường độ dòng điện

Câu 15. Đồng hồ điện **không** đo được đại lượng nào sau đây?

- A. Cường độ sáng
- B. Hiệu điện thế
- C. Điện trở
- D. Cường độ dòng điện

Câu 16. Trên mặt công tơ điện có ghi 500 vòng/Kwh có nghĩa là :

- A. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 1Kwh
- B. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 10 Kwh
- C. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 10Wh
- D. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 1wh

Câu 17. Công tơ điện một pha có mấy đầu nối dây ?

A. 4

B. 3

C. 5

D. 2

Câu 18. Công dụng của bảng điện dùng để:

A. Lắp các thiết bị điện

B. Để nối dây dẫn điện

C. Trang trí mạch điện

D. Để bảo vệ cho các thiết bị

Câu 19. Cầu chì là thiết bị dùng để:

A. Tiêu thụ điện năng.

B. Trang trí mạch điện.

C. Bảo vệ mạch điện.

D. Đóng cắt dòng điện.

Câu 20. Công tơ điện dùng để đo:

A. Nhiệt lượng

B. Điện trở

C. Cường độ dòng điện

D. Điện năng tiêu thụ

Câu 21. Trên mặt công tơ điện có ghi 220V có nghĩa là gì ?

A. Tần số lưới điện

B. Điện áp định mức của công tơ

C. Cấp chính xác

D. Cường độ dòng điện

Câu 22. Hãy cho biết V là kí hiệu của đồng hồ đo điện nào?

A. Công tơ điện.

B. Vôn kế.

C. Ôm kế.

D. Oát kế.

Câu 23. Trước khi vẽ sơ đồ lắp đặt, chúng ta cần làm gì ?

A. Lập bảng dự trù.

B. Tìm hiểu sơ đồ nguyên lí mạch điện.

C. Tính toán dây dẫn.

D. Lựa chọn dụng cụ.

Câu 24. Công tắc được lắp ở vị trí nào trên mạng điện:

A. Trên dây trung hoà sau cầu dao, trước đồ dùng điện.

B. Trên dây pha sau cầu chì, trước đồ dùng điện.

C. Trên dây pha, trước đồ dùng điện, sau các thiết bị điện.

D. Trên dây trung hoà, trước đồ dùng điện.

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): Trong mỗi ý A,B,C,D học sinh chọn “Đúng” hoặc “Sai” và viết lại vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện:

A. Aptomat là thiết bị tự động đóng cắt mạch điện khi xảy ra sự cố quá tải hoặc ngắn mạch.

B. Phích cắm điện là thiết bị đóng cắt.

C. Cầu chì là thiết bị bảo vệ mạch điện.

D. Ổ cắm điện là thiết bị lấy điện.

Phần II: Tự luận (3 điểm):

Câu 1(2 điểm): Em hãy nêu cách sử dụng đồng hồ vạn năng để đo điện áp một chiều ?

Câu 2(1 điểm): Thế nào là sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt mạch điện?

----- **HẾT** -----

Mã đề 902

I. Trắc nghiệm (7 điểm):

A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm): Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12
Đáp án	B	C	D	B	D	C	B	A	B	C	D	D
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đáp án	D	C	A	A	A	A	C	D	B	B	B	B

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): HS làm đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm

Câu 1	A	B	C	D
Đáp án	Sai	Sai	Đúng	Đúng

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1(2 điểm): Cách sử dụng đồng hồ vạn năng để đo điện áp một chiều:

- Để đồng hồ ở thang đo V- và chọn mức thang đo lớn hơn nhưng gần giá trị cần đo nhất.
- Nối đầu đo màu đen với cổng chung COM, đầu đo màu đỏ với cổng V/ Ω .
- Đặt hai đầu đo vào hai điểm cần đo. Đầu đo màu đen vào điểm có điện thế thấp, đầu đo màu đỏ vào điểm có điện thế cao.
- Kết quả đo đọc trực tiếp trên màn hình hiện giá trị đo.

Câu 2(1 điểm) :

- Sơ đồ nguyên lý thể hiện mối liên hệ điện giữa các thiết bị trong mạng điện. Sơ đồ nguyên lý được dùng để nghiên cứu nguyên lý làm việc và là cơ sở để thiết kế sơ đồ lắp đặt.
- Sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà biểu thị rõ vị trí, cách lắp đặt của các thiết bị và đồ dùng điện của mạng điện. Sơ đồ lắp đặt được sử dụng để dự trù vật liệu, lắp đặt, sửa chữa và số lượng các thiết bị điện có trong mạng điện.



BGH kí duyệt

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NT/GV ra đề

Dương Thị Tươi

Mã đề 903

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm):

A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra: (mỗi câu hỏi chỉ chọn một đáp án.)

Câu 1. Hãy cho biết V là kí hiệu của đồng hồ đo điện nào?

- A. Oát kế. B. Công tơ điện.
C. Ôm kế. D. Vôn kế.

Câu 2. Để đo cường độ dòng điện và lượng điện năng tiêu thụ ta dùng các đồng hồ đo theo thứ tự là:

- A. Ampe kế và oát kế. B. Ampe kế và công tơ điện.
C. Công tơ điện và ampe kế. D. Ampe kế và vôn kế.

Câu 3. Đồng hồ điện không đo được đại lượng nào sau đây?

- A. Cường độ sáng B. Điện trở
C. Hiệu điện thế D. Cường độ dòng điện

Câu 4. Chọn câu sai trong các câu sau đây:

- A. Ampe kế dùng để đo cường độ dòng điện
B. Oát kế dùng để đo điện trở mạch điện
C. Vôn kế dùng để đo hiệu điện thế
D. Công tơ điện dùng để đo điện năng tiêu thụ của mạch điện

Câu 5. Cầu chì, được lắp trên:

- A. Dây pha trước công tắc B. Dây trung hòa trước công tắc
C. Dây trung hòa sau công tắc D. Dây pha sau công tắc

Câu 6. Đồng hồ vạn năng thực hiện chức năng đo của các loại đồng hồ:

- A. Ôm kế, công tơ điện, vôn kế. B. Ampe kế, công tơ điện, vôn kế.
C. Ôm kế, vôn kế, ampe kế. D. Vôn kế, công tơ điện, ampe kế.

Câu 7. Bàn là điện có công suất là 1000W hoạt động trong vòng 10 giờ thì điện năng tiêu thụ là:

- A. 10 Kwh B. 10wh C. 100Kwh D. 100Wh

Câu 8. Trên mặt công tơ điện có ghi 500 vòng/Kwh có nghĩa là :

- A. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 10 Kwh
B. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 1wh
C. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 1Kwh
D. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 10Wh

Câu 9. Công tắc được lắp ở vị trí nào trên mạng điện:

- A. Trên dây pha sau cầu chì, trước đồ dùng điện.
B. Trên dây trung hoà, trước đồ dùng điện.
C. Trên dây pha, trước đồ dùng điện, sau các thiết bị điện.
D. Trên dây trung hoà sau cầu dao, trước đồ dùng điện.

Câu 10. Trên mặt công tơ điện có ghi 50HZ có nghĩa là gì ?

- A. Điện áp định mức của công tơ B. Tần số lưới điện
C. Cường độ dòng điện D. Cấp chính xác

Câu 11. Công dụng của công tắc trong mạch điện bảng điện là:

- A. Bảo vệ mạch điện. B. Chiếu sáng.
C. Điều khiển đèn. D. Mở phóng điện.

Câu 12. Cầu chì là thiết bị dùng để:

- A. Tiêu thụ điện năng. B. Bảo vệ mạch điện.
C. Trang trí mạch điện. D. Đóng cắt dòng điện.

Câu 13. Công dụng của bảng điện dùng để:

- A. Lắp các thiết bị điện B. Trang trí mạch điện
C. Để bảo vệ cho các thiết bị D. Để nối dây dẫn điện

Câu 14. Đồng hồ đo điện nào đo điện trở mạch điện ?

- A. Oát kế. B. Ampe kế. C. Ôm kế. D. Vôn kế.

Câu 15. Công dụng của ổ cắm trong mạch điện là:

- A. Để nối dây dẫn điện B. Trang trí mạch điện
C. Để lấy điện từ nguồn điện D. Lắp các thiết bị điện.

Câu 16. Hãy cho biết W là kí hiệu của đồng hồ đo điện nào?

- A. Vôn kế. B. Ampe kế. C. Oát kế. D. Ôm kế.

Câu 17. Trên mặt công tơ điện có ghi 220V có nghĩa là gì ?

- A. Điện áp định mức của công tơ B. Cường độ dòng điện
C. Cấp chính xác D. Tần số lưới điện

Câu 18. Công tơ điện một pha có mấy đầu nối dây ?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 19. Công tơ điện dùng để đo:

- A. Cường độ dòng điện B. Nhiệt lượng
C. Điện năng tiêu thụ D. Điện trở

Câu 20. Việc nào sau đây em cho là đúng ?

- A. Thả điều gần dây điện. B. Dùng điện đánh chuột.
C. Nối đất các thiết bị có vỏ bằng kim loại. D. Buộc trâu bò vào chân cây cột điện.

Câu 21. Trên bảng điện có những phần tử nào?

- A. Cầu chì, công tắc, ổ cắm. B. Cầu chì, bóng đèn.
C. Công tắc, bóng đèn. D. Ổ cắm, bóng đèn.

Câu 22. Trước khi vẽ sơ đồ lắp đặt, chúng ta cần làm gì ?

- A. Lựa chọn dụng cụ. B. Lập bảng dự trù.
C. Tính toán dây dẫn. D. Tìm hiểu sơ đồ nguyên lí mạch điện.

Câu 23. Phần tử nào dưới đây **không** được lắp trên bảng điện:

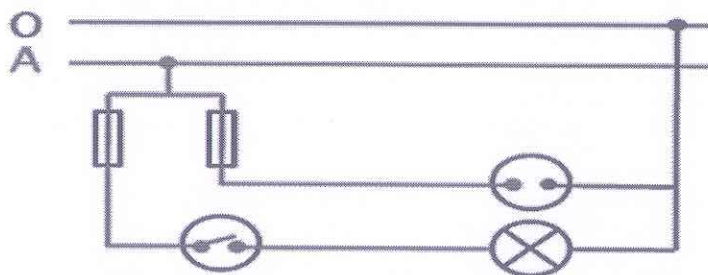
- A. Hộp số quạt B. Bóng đèn
C. Ổ điện D. Aptômát

Câu 24. Điện năng tiêu thụ trong tháng 5 của nhà em là bao nhiêu khi số chỉ công tơ tháng 4 là 1500 Kwh; số chỉ công tơ tháng 5 là 2500Kwh.

- A. 400 Kwh B. 1000 Kwh C. 10 Kwh D. 1000 Wh

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): Trong mỗi ý A,B,C,D học sinh chọn “Đúng” hoặc “Sai” và viết lại vào giấy kiểm tra.

Câu 1: Cho sơ đồ mạch điện sau:



- A. Cầu chì được mắc trên dây trung hòa.
- B. Ổ cắm được mắc song song với bóng đèn.
- C. Sơ đồ trên là sơ đồ nguyên lý mạch điện bảng điện.
- D. Sơ đồ trên gồm 1 cầu chì, 1 công tắc, 1 ổ cắm, 1 bóng đèn

Phần II: Tự luận (3 điểm):

Câu 1(2 điểm): Em hãy nêu cách sử dụng đồng hồ vạn năng để đo điện trở?

Câu 2(1 điểm): Thế nào là sơ đồ nguyên lý, sơ đồ lắp đặt mạch điện?

----- **HẾT** -----

Mã đề 903

I. Trắc nghiệm (7 điểm):

A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm): Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12
Đáp án	D	B	A	B	A	C	A	C	A	B	C	B
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đáp án	A	C	C	C	A	C	C	C	A	D	B	B

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): HS làm đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm

Câu	A	B	C	D
Đáp án	Sai	Đúng	Đúng	Sai

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1(2 điểm): Cách sử dụng đồng hồ vạn năng để đo điện trở:

- Để đồng hồ ở thang đo điện trở ☐
- Nối đầu đo màu đen với cổng chung COM, đầu đo màu đỏ với cổng V/ ☐.
- Đặt hai que đo vào hai đầu phần tử cần đo điện trở.
- Kết quả đo đọc trực tiếp trên màn hình hiện giá trị đo
 - Chú ý:
 - Ngắt điện trong mạch khi đo điện trở
 - Không chạm tay vào đầu đo hoặc các phần tử đo để có kết quả đo chính xác

Câu 2(1 điểm):

- Sơ đồ nguyên lý thể hiện mối liên hệ điện giữa các thiết bị trong mạng điện. Sơ đồ nguyên lý được dùng để nghiên cứu nguyên lý làm việc và là cơ sở để thiết kế sơ đồ lắp đặt.
- Sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà biểu thị rõ vị trí, cách lắp đặt của các thiết bị và đồ dùng điện của mạng điện. Sơ đồ lắp đặt được sử dụng để dự trù vật liệu, lắp đặt, sửa chữa và số lượng các thiết bị điện có trong mạng điện.



TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NT/GV ra đề

Dương Thị Tươi

A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm):

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra: (mỗi câu hỏi chỉ chọn một đáp án.)

Câu 1. Việc nào sau đây em cho là đúng ?

- A. Dùng điện đánh chuột.
- B. Thả điều gần dây điện.
- C. Buộc trâu bò vào chân cây cột điện.
- D. Nối đất các thiết bị có vỏ bằng kim loại.

Câu 2. Công tắc được lắp ở vị trí nào trên mạng điện:

- A. Trên dây trung hoà, trước đồ dùng điện.
- B. Trên dây trung hoà sau cầu dao, trước đồ dùng điện.
- C. Trên dây pha, trước đồ dùng điện, sau các thiết bị điện.
- D. Trên dây pha sau cầu chì, trước đồ dùng điện.

Câu 3. Cầu chì, được lắp trên:

- A. Dây trung hòa trước công tắc B. Dây pha sau công tắc
C. Dây pha trước công tắc D. Dây trung hòa sau công tắc

Câu 4. Cầu chì là thiết bị dùng để:

- A. Bảo vệ mạch điện.
- B. Đóng cắt dòng điện.
- C. Tiêu thụ điện năng.
- D. Trang trí mạch điện.

Câu 5. Trên mặt công tơ điện có ghi 500 vòng/Kwh có nghĩa là :

- A. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 10 Kwh
B. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 1wh
C. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 1Kwh
D. Đĩa công tơ quay 500 vòng thì được 10Wh

Câu 6. Công tơ điện một pha có mấy đầu nối dây ?

- A. 4 B. 5 C. 2 D. 3

Câu 7. Hãy cho biết W là kí hiệu của đồng hồ đo điện nào?

- A. Vôn kế. B. Ampe kế. C. Ôm kế. D. Oát kế.

Câu 8. Chọn câu **sai** trong các câu sau đây:

- A. Công tơ điện dùng để đo điện năng tiêu thụ của mạch điện
B. Ampe kế dùng để đo cường độ dòng điện
C. Vôn kế dùng để đo hiệu điện thế
D. Oát kế dùng để đo điện trở mạch điện

Câu 9. Công tơ điện dùng để đo:

- A. Điện trở B. Điện năng tiêu thụ
C. Cường độ dòng điện D. Nhiệt lượng

Câu 10. Hãy cho biết V là kí hiệu của đồng hồ đo điện nào?

- A. Oát kế. B. Công tơ điện.
C. Vôn kế. D. Ôm kế.

Câu 11. Bàn là điện có công suất là 1000W hoạt động trong vòng 10 giờ thì điện năng tiêu thụ là:

- A. 10wh B. 10 Kwh C. 100Wh D. 100Kwh

Câu 12. Trên mặt công tơ điện có ghi 50HZ có nghĩa là gì ?

- A. Cấp chính xác B. Tần số lưới điện
C. Cường độ dòng điện D. Điện áp định mức của công tơ

Câu 13. Điện năng tiêu thụ trong tháng 5 của nhà em là bao nhiêu khi số chỉ công tơ tháng 4 là 1500 Kwh; số chỉ công tơ tháng 5 là 2500Kwh.

- A. 10 Kwh B. 1000 Kwh C. 1000 Wh D. 400 Kwh

Câu 14. Đồng hồ đo điện nào đo điện trở mạch điện ?

- A. Vôn kế. B. Oát kế. C. Ampe kế. D. Ôm kế.

Câu 15. Công dụng của bảng điện dùng để:

- A. Lắp các thiết bị điện B. Để nối dây dẫn điện
C. Trang trí mạch điện D. Để bảo vệ cho các thiết bị

Câu 16. Để đo cường độ dòng điện và lượng điện năng tiêu thụ ta dùng các đồng hồ đo theo thứ tự là:

- A. Ampe kế và oát kế. B. Công tơ điện và ampe kế.

C. Ampe kế và vôn kế.

D. Ampe kế và công tơ điện.

Câu 17. Trên mặt công tơ điện có ghi 220V có nghĩa là gì ?

A. Tần số lưới điện

B. Cường độ dòng điện

C. Cấp chính xác

D. Điện áp định mức của công tơ

Câu 18. Trước khi vẽ sơ đồ lắp đặt, chúng ta cần làm gì ?

A. Lựa chọn dụng cụ.

B. Tìm hiểu sơ đồ nguyên lí mạch điện.

C. Lập bảng dự trù.

D. Tính toán dây dẫn.

Câu 19. Công dụng của ổ cắm trong mạch điện là:

A. Trang trí mạch điện

B. Lắp các thiết bị điện.

C. Để lấy điện từ nguồn điện

D. Để nối dây dẫn điện

Câu 20. Trên bảng điện có những phần tử nào?

A. Cầu chì, công tắc, ổ cắm.

B. Cầu chì, bóng đèn.

C. Công tắc, bóng đèn.

D. Ổ cắm, bóng đèn.

Câu 21. Đồng hồ vạn năng thực hiện chức năng đo của các loại đồng hồ:

A. Vôn kế, công tơ điện, ampe kế.

B. Ôm kế, công tơ điện, vôn kế.

C. Ôm kế, vôn kế, ampe kế.

D. Ampe kế, công tơ điện, vôn kế.

Câu 22. Đồng hồ điện **không** đo được đại lượng nào sau đây?

A. Cường độ dòng điện

B. Cường độ sáng

C. Điện trở

D. Hiệu điện thế

Câu 23. Công dụng của công tắc trong mạch điện bảng điện là:

A. Chiếu sáng.

B. Điều khiển đèn.

C. Mở phóng điện.

D. Bảo vệ mạch điện.

Câu 24. Phần tử nào dưới đây **không** được lắp trên bảng điện:

A. Hộp số quạt

B. Ổ điện

C. Aptômát

D. Bóng đèn

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): Trong mỗi ý A,B,C,D học sinh chọn “Đúng” hoặc “Sai” và viết lại vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Thiết bị đóng cắt và lấy điện:

A. Cầu chì là thiết bị bảo vệ mạch điện.

B. Ổ cắm điện là thiết bị lấy điện.

- C. Aptomat là thiết bị tự động đóng cắt mạch điện khi xảy ra sự cố quá tải hoặc ngắn mạch.
D. Phích cắm điện là thiết bị đóng cắt.

Phần II: Tự luận (3 điểm):

Câu 1(2 điểm): Em hãy nêu cách sử dụng đồng hồ vạn năng để đo điện áp xoay chiều ?

Câu 2(1 điểm): Thế nào là sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt mạch điện?

----- **HẾT** -----

Mã đề 904

I. Trắc nghiệm (7 điểm):

A. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6 điểm): Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12
Đáp án	D	D	C	A	C	A	D	D	B	C	B	B
Câu	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đáp án	B	D	A	D	D	B	C	A	C	B	B	D

B. Trắc nghiệm đúng, sai (1 điểm): HS làm đúng 1 ý chỉ được 0,1 điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm và đúng cả 4 ý được 1 điểm

Câu	A	B	C	D
Đáp án	Đúng	Đúng	Sai	Sai

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1(2 điểm): Cách sử dụng đồng hồ vạn năng để đo điện áp xoay chiều:

- Để đồng hồ ở thang đo V $\square$ và chọn mức thang đo lớn hơn nhưng gần giá trị cần đo nhất.
- Nối đầu đo màu đen với cổng chung COM, đầu đo màu đỏ với cổng V/ Ω .
- Đặt hai đầu đo vào hai điểm cần đo. Khi đo điện áp xoay chiều, có thể đổi vị trí hai đầu đo tại các điểm đo.
- Kết quả đo đọc trực tiếp trên màn hình hiện giá trị đo.

Câu 2(1 điểm):

- Sơ đồ nguyên lý thể hiện mối liên hệ điện giữa các thiết bị trong mạng điện. Sơ đồ nguyên lý được dùng để nghiên cứu nguyên lý làm việc và là cơ sở để thiết kế sơ đồ lắp đặt.
- Sơ đồ lắp đặt mạng điện trong nhà biểu thị rõ vị trí, cách lắp đặt của các thiết bị và đồ dùng điện của mạng điện. Sơ đồ lắp đặt được sử dụng để dự trù vật liệu, lắp đặt, sửa chữa và số lượng các thiết bị điện có trong mạng điện.

BGH kí duyệt
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGỌC LÂM
Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM
Phạm Thị Hải Yến

NT/GV ra đề
Dương Thị Tươi

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC: 2024-2025
Mã đề thi: 01

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN-LỚP 9
Thời gian: 90 phút
Ngày thi: 06/11/2024

Phần I. Đọc- hiểu (4 điểm): Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Đất Thanh Hóa hầu hết là núi, bát ngát bao la đến mấy ngàn dặm. Có một ngọn núi cao chót vót, tên gọi là núi Na. Núi có cái động, dài mà hẹp, hiểm trở quanh vắng không có chân người, bụi trần không bén tới. Trong động có người tiểu phu hàng ngày gánh củi ra đổi lấy cá và rượu, cốt được no say chứ không lấy tiền. Ai hỏi tên họ nhà cửa, tiểu phu chỉ cười mà không nói. Người chung quanh đều cho rằng đây phải là bậc kỳ sỹ ở ẩn. Khoảng năm Khai Đại nhà Hồ, Hán Thương đi săn, chợt gặp ở đường, vừa đi vừa hát rằng:

[...]

“Núi xanh bao bọc quanh nhà
Ruộng đem sắc biếc xa xa vòng ngoài
Ngựa xe vờng lộng mặc ai
Nước non này chẳng trần ai vướng vào”

[...] Hát xong, phất áo đi thẳng. Hán Thương đoán là một bậc ẩn giả, bèn sai quan hầu là Trương Công đi mời. Nhưng Trương theo gần đến nơi thì tiểu phu đã đi vào động, gọi cũng không trả lời, chỉ thấy rẽ mây lách khói, đi thoăn thoắt trong rừng tùng khóm trúc. Biết không phải là người thường, Trương bèn rón bước đi theo, rẽ cỏ tìm đường. [...]

Thấy Trương đến, tiểu phu kinh ngạc hỏi:

- Chỗ này thanh vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy vẩn, thế mà sao ông lại lần tới đây, chẳng cũng khó nhọc lắm ư?

Trương trả lời:

- Tôi là chức quan tùy giá của đương triều; biết ngài là bậc cao sỹ nên vâng mệnh đến đây tuyên triệu. Hiện loan giá đang đợi ngoài kia, xin ngài quay lại một chút.

Tiểu phu cười mà rằng:

- Ta là kẻ dật dân trốn đời, ông già lánh bụi; gửi thân nơi lều tranh quán cỏ, tìm sinh nhai trong búa gió riu trắng, ngày có lối vào làng say, cửa vắng vết chân khách tục; bạn



cùng hươu nai tôm cá, quần bên là tuyết nguyệt phong hoa, đông kếp mà hè đơn, nằm mây mà ngủ khỏi; mức khe mà uống, bới núi mà ăn, chứ có biết gì đâu ở ngoài kia là triều đại nào, vua quan nào.

(Trích *Câu chuyện đối đáp của người tiểu phu núi Na*, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ, NXB Văn nghệ, 1988)

Câu 1 (1 điểm). Xác định phương thức biểu đạt và ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2.(1 điểm). Chỉ ra lời của nhân vật, lời của người kể chuyện trong những câu văn sau:

Thầy Trương đến, tiểu phu kinh ngạc hỏi:

- Chỗ này thanh vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy vẩn, thế mà sao ông lại lần tới đây, chẳng cũng khó nhọc lắm ư?

Câu 3 (0,5 điểm) Tìm hai từ Hán Việt có trong đoạn văn in đậm

Câu 4 (0,5 điểm). Xác định chủ đề của văn bản.

Câu 5 (1 điểm) Em rút ra được những bài học gì cho bản thân sau khi đọc đoạn trích trên?

Phần II. Viết (6 điểm)

Câu 1 (2 điểm) : Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về nhân vật người tiểu phu trong đoạn trích trên.

Câu 2 (4 điểm): Viết một bài văn khoảng 400 chữ trình bày suy nghĩ của em về những việc cần làm để Trái Đất này trở nên tốt đẹp hơn.

- Chúc các em bình tĩnh, tự tin, làm bài tốt -

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC: 2024-2025
Mã đề thi: 01

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN-KHỐI 9
Thời gian: 90 phút
Ngày thi: 06/11/2024

Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6 ĐIỂM)		
1	Phương thức biểu đạt: Tự sự Ngôi kể: ngôi thứ ba.	0,5 0,5
2	Lời của người kể chuyện: <i>Thấy Trương đến, tiểu phu kinh ngạc hỏi</i> Lời của nhân vật (Tiểu Phu): - <i>Chỗ này thanh vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy vẩn, thế mà sao ông lại lần tởm đây, chẳng cũng khó nhọc lắm ư?</i>	0,5 0,5
3	Tìm đúng hai từ Hán Việt	0,5
4	Chủ đề của văn bản: Vẻ đẹp của người tiểu phu: sống ung dung, tự tại hòa mình với thiên nhiên và hiểu lẽ đời	0,5
5	*HS rút ra những bài học ý nghĩa qua đoạn trích: - Không màng danh lợi - Yêu thiên nhiên, hòa mình với thiên nhiên - Sống ung dung tự tại bằng sức lao động của mình ...	1,0
PHẦN II. VIẾT (6 ĐIỂM)		
Câu 1:	a. Yêu cầu về hình thức:	0,5
Đoạn văn	- Trình bày đúng hình thức một đoạn văn nghị luận văn học cảm nhận về nhân vật trong truyện, không tách dòng tùy tiện.	
NLVH	- Dung lượng khoảng 200 chữ. - Dùng từ, đặt câu chính xác; lập luận logic thuyết phục; không mắc lỗi chính tả, diễn đạt....	

- Nếu thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay: * Những việc cần làm để trái đất trở nên tốt đẹp hơn (trọng tâm) + Cần có ý thức bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường + Có lối sống bền vững + Tiết kiệm nguồn điện, nguồn nước + Ít sử dụng hóa chất + Ngăn chặn chặt phá và khai thác rừng,... + Bảo vệ các loài động vật quý hiếm... + Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp, cá nhân vi phạm. + Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, hiểu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người... + Tái chế rác thải, tái sử dụng giấy + Giảm thiểu chất thải và tác động của môi trường * Phản đối ý kiến trái chiều * Bài học nhận thức và hành động 3. Kết bài: - Khái quát lại vấn đề vừa bàn luận.	1,25 0,25 0,5 0,25	
d. Sáng tạo: HS có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ; có cách trình bày, diễn đạt ấn tượng; bài viết sâu sắc.		0,25

BGH DUYỆT

TỔ TRƯỞNG CM

NHÓM TRƯỞNG




NGÔ THỊ BÍCH LIÊN

LƯU HOÀNG TRANG

TỔNG THỊ HOA

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

NĂM HỌC: 2024-2025

Mã đề thi: 02

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN-KHỐI 9

Thời gian: 90 phút

Ngày thi: 06/11/2024

Phần I. Đọc- hiểu (4 điểm): Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

(Tóm tắt phần đầu: Nguyễn Sinh người Thanh Trì, diện mạo đẹp đẽ, tư chất thông minh, giọng hát ngọt ngào. Chàng sớm mồ côi cha, nhà nghèo nên học hành dang dở, chàng làm nghề chèo đò. Vì say đắm giọng hát và vẻ ưa nhìn của chàng nên cô con gái một nhà giàu họ Trần đã đem lòng yêu mến, sai người hầu đem khăn tay đến tặng, dặn chàng nhờ người mối manh đến hỏi. Nguyễn Sinh nhờ mẹ bảo người mối manh đến nhà nàng nhưng bố nàng chê chàng nghèo nên không nhận lời, còn dùng lời lẽ không hay để mắng bà mối. Chàng phấn chí bỏ đi xa để lập nghiệp; cô gái biết chuyện âm thầm đau khổ chẳng thể giải bày cùng ai, dần sinh bệnh, hơn một năm sau thì nàng qua đời.)

Trước khi nhắm mắt, nàng dặn cha:

- Trong ngực con chắc có một vật lạ. Sau khi con nhắm mắt, xin cha cho hỏa táng để xem vật đó là vật gì?

Ông làm theo lời con. Khi lửa thiêu đã lụi, ông thấy trong nắm xương tàn, sót lại một vật, to bằng cái đầu, sắc đỏ như son, không phải ngọc cũng chẳng phải đá, nó trong như gương, búa đập không vỡ. Nhìn kĩ thì thấy trong khối ấy có hình một con đò, trên đò một chàng trai trẻ tuổi đang ngả đầu tựa mái chèo nằm hát. Nhớ lại việc nhân duyên trước kia của con, ông chợt hiểu ra vì chàng lái đò mà con gái ông chết, hỏi thì không kịp nữa. Ông bèn đóng một chiếc hộp con, cất khối đỏ ấy vào trong, đặt lên giường của con gái.

Nguyễn Sinh bỏ nhà lên Cao Bằng làm khách của trấn tướng. Chàng vì hát hay nên được trấn tướng yêu quý. Hơn một năm sau, chàng dần dần có của nả, rồi lại mấy năm nữa tích cóp lại được hơn hai trăm lạng vàng. Chàng nghĩ: “Số vàng này đủ để chi dùng cho việc cưới xin”. Xong, chàng sửa soạn hành trang trở về. Đến nhà, chàng hỏi thăm ngay cô gái nọ. Được nghe tất cả đầu đuôi về nàng, chàng vô cùng đau đớn, vội sắm sửa lễ vật đến吊唁 nàng. Khi chàng làm lễ xong, bố cô có mời chàng ở lại dùng cơm. Chàng xin ông cho xem vật đã được cất giấu trong hộp con.

Ông mở hộp lấy ra đưa chàng. Chàng nâng niu cầm lấy, lòng vô cùng xúc động, hai dòng lệ trào ra nhỏ xuống khối đá đỏ. Bỗng khối đá tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng. Chàng cảm kích mối tình của nàng, thề không lấy ai nữa.

(Trích Chuyện tình ở Thanh Trì, Lan Trì kiến văn lục, Vũ Trinh, in trong cuốn Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, tập 1, Nguyễn Đăng Na giới thiệu và tuyển soạn, NXB Giáo dục, 1997, tr 424-426)

Câu 1 (1 điểm). Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

Câu 2 (1.0 điểm). Xác định và giải nghĩa từ Hán Việt trong câu sau:

“Trong ngực con chắc có một vật lạ. Sau khi con nhắm mắt, xin cha cho hỏa táng để xem vật đó là vật gì?”

Câu 3 (0.5 điểm). Theo đoạn trích, sau khi bố của cô gái không đồng ý mối duyên, chàng trai có phản ứng như thế nào?

Câu 4 (0.5 điểm). Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 5 (1.0 điểm). Từ câu chuyện tình ở Thanh Trì, em có suy nghĩ gì về khát vọng tình yêu thời phong kiến?

Phần II. Viết (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Từ nội dung ngữ liệu ở phần Đọc – hiểu, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của chi tiết: “Chàng nâng niu cầm lấy, lòng vô cùng xúc động, hai dòng lệ trào ra nhỏ xuống khối đá đỏ. Bỗng khối đá tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng.”

Câu 2 (4,0 điểm):

Viết bài văn nghị luận khoảng 400 chữ bàn về giải pháp phù hợp để giảm thiểu rác thải nhựa trong trường học và các gia đình.

- Chúc các em bình tĩnh, tự tin, làm bài tốt -

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC: 2024-2025
Mã đề thi: 02

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN-KHỐI 9
Thời gian: 90 phút

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	- Thể loại: Truyện truyền kì - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	0,5 0,5
	2	- Từ Hán Việt: hỏa táng - Giải nghĩa: Hỏa táng là hình thức mai táng người chết bằng cách thiêu xác để lấy tro cốt đựng trong hũ, bình.	0,5 0,5
	3	- Theo đoạn trích, sau khi bố của cô gái không đồng ý mối duyên, chàng trai đã phần chí bỏ đi xa để lập nghiệp	0,5
	4	- Chủ đề của văn bản: Qua câu chuyện tình yêu bi kịch của chàng trai và cô gái ở Thanh Trì, tác giả Vũ Trinh muốn thể hiện khát vọng tình yêu tự do của lứa đôi thời phong kiến và phê phán sự ngăn cản của gia đình đại diện cho sự phân biệt giàu nghèo trong xã hội xưa.	1,0
	5	- Suy nghĩ về khát vọng tình yêu trong xã hội phong kiến: + Khát vọng tình yêu là khát vọng chính đáng của con người ở mọi thời. Những đôi lứa sống trong xã hội phong kiến mong muốn tình yêu tự do, muốn vượt lên khỏi những ràng buộc của lễ giáo phong kiến như “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, “môn đăng hộ đối”,... + Tình yêu của nhiều cặp đôi vấp phải những sự ngăn cản, cấm đoán đến từ gia đình, xã hội. + Dù cho bị ngăn cản, nhưng những đôi lứa vẫn dành tình yêu trọn vẹn cho nhau, cái chết cũng không thể chia lìa tình yêu của họ.	1.0
		VIẾT	6,0
II	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của em về chi tiết: “Chàng nâng niu cầm lấy, lòng vô cùng xúc động, hai dòng lệ trào ra nhỏ xuống khối đá đỏ. Bỗng khối đá tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng.”	2.0

		a. Yêu cầu về hình thức: - Trình bày đúng hình thức một đoạn văn nghị luận văn học về một chi tiết trong truyện, không tách dòng tùy tiện. - Dung lượng khoảng 200 chữ. - Dùng từ, đặt câu chính xác; lập luận logic thuyết phục; không mắc lỗi chính tả, diễn đạt....	0.5
		b. Yêu cầu về nội dung: - Bài làm của học sinh có thể triển khai bằng nhiều cách nhưng cơ bản cần đảm bảo những nội dung sau: *Mở đoạn: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích, chi tiết kì ảo trong đoạn trích *Thân đoạn: Cảm nhận về ý nghĩa của chi tiết: + Chi tiết kì ảo, gây ấn tượng sâu sắc cho người đọc. + Chi tiết cho thấy nỗi đau đớn của chàng trai trước sự ra đi của cô gái. Giọt nước mắt của chàng trai là giọt nước mắt của sự thấu hiểu, của yêu thương và đau xót vô hạn khi người mình yêu vĩnh viễn ra đi. + Khối đỏ kia tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng đem đến liên tưởng cho người đọc về sự hóa giải oan tình, để người ra đi được thanh thản... + Tình yêu của họ vấp phải những sự ngăn cản, cấm đoán đến từ gia đình, nhưng họ vẫn dành tình yêu trọn vẹn cho nhau, cái chết cũng không thể chia lìa. * Kết đoạn: Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của chi tiết.	1.5
	2	Viết bài văn nghị luận bàn về giải pháp phù hợp để giảm thiểu rác thải nhựa trong trường học và các gia đình.	4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn Nghị luận về một vấn đề xã hội. Bố cục 3 phần rõ ràng, cân đối, đảm bảo đúng chính tả ngữ pháp, dùng từ đặt câu.	0,5
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: bàn về giải pháp phù hợp để giảm thiểu rác thải nhựa trong trường học và các gia đình.	0,25
		c. Yêu cầu về nội dung: HS có thể làm theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau đây: I. Mở bài:	0,25

	- Giới thiệu vấn đề nghị luận. - Nêu ý kiến khái quát về vấn đề.	
	II. Thân bài: 1. Giải thích vấn đề: - Rác thải nhựa là các sản phẩm làm từ nhựa không phân hủy hoặc phân hủy rất chậm trong môi trường tự nhiên. Chúng bao gồm túi nilon, chai nhựa, hộp nhựa, ống hút nhựa, đồ dùng một lần...	0,25
	2. Phân tích vấn đề * Thực trạng: * Nguyên nhân: - Ý thức người dân - Quản lý lỏng lẻo - Sản xuất và tiêu dùng tràn lan	0,25 0,25
	* Hậu quả: - Môi trường: Rác thải nhựa gây ô nhiễm đất, nước, không khí, làm mất mỹ quan đô thị và nông thôn, phá hủy hệ sinh thái, đe dọa sự đa dạng sinh học. - Sức khỏe: Các chất độc hại trong nhựa có thể xâm nhập vào cơ thể con người qua đường hô hấp, tiêu hóa, gây ra nhiều bệnh nguy hiểm như ung thư, dị tật bẩm sinh, rối loạn nội tiết... - Kinh tế: Ô nhiễm rác thải nhựa gây thiệt hại lớn cho ngành du lịch, thủy sản và các ngành kinh tế khác.	0,25
	* Giải pháp (trọng tâm) - Nâng cao nhận thức về tác hại của rác thải nhựa: + Tổ chức các buổi sinh hoạt, hội thảo, cuộc thi về môi trường để phổ biến kiến thức về tác hại của rác thải nhựa. + Sử dụng các phương tiện truyền thông như báo tường, trang web của trường, mạng xã hội để chia sẻ thông tin. - Thay đổi thói quen sử dụng đồ nhựa dùng một lần: + Hạn chế sử dụng túi nilon, ống hút nhựa, hộp xốp, chai nhựa dùng một lần. + Mang theo bình nước cá nhân, hộp cơm, túi vải khi đi học, đi làm, đi chợ. + Sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường như túi giấy, ống hút tre, hộp cơm inox.	1,0

	- Tái sử dụng và tái chế đồ nhựa: + Sử dụng lại chai nhựa, lọ thủy tinh để đựng nước, thực phẩm. + Tái chế vỏ chai nhựa, giấy báo, lon kim loại thành các sản phẩm thủ công, đồ dùng học tập. + Tham gia các hoạt động thu gom và tái chế rác thải nhựa do trường học, địa phương tổ chức. - Trồng cây xanh: + Tham gia các hoạt động trồng cây xanh trong trường học, khu dân cư. + Chăm sóc cây xanh để chúng phát triển tốt, hấp thụ khí CO₂ và thải ra O₂, góp phần làm sạch không khí và giảm hiệu ứng. * Phản đối ý kiến trái chiều: *Rút ra bài học và liên hệ bản thân: III. Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề nghị luận -> Thông điệp.	0,25 0,25 0,25
	<i>d. Sáng tạo:</i> HS có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ; có cách trình bày, diễn đạt ấn tượng; bài viết sâu sắc.	0,25

BGH DUYỆT

TỔ TRƯỞNG CM

NHÓM TRƯỞNG




NGÔ THỊ BÍCH LIÊN

LƯU HOÀNG TRANG

TỐNG THỊ HOA

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

NĂM HỌC: 2024-2025

Mã đề thi: 03

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN-KHỐI 9

Thời gian: 90 phút

Ngày thi: 06/11/2024

Phần I. Đọc- hiểu (4 điểm): Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Một năm một nhạt mùi son phấn,
Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời?
Giờ sao nỡ để cách vời Sầm, Thương? [78]
Chàng ruổi ngựa, dặm trường mây phủ,
Thiếp dạo hài, lối cũ rêu in.
Gió Xuân ngày một vắng tin,
Khá thương lỗ hết mấy phen lương thì [79]
Sợ nhớ khi cành đào đóa mặn,
Trước gió xuân vàng tía sánh nhau;
Nọ thì ả Chức, chàng Ngưu
Đến trăng thu lại bắc cầu sang sông.
Thiếp một thân phòng không luống giữ,
Thời tiết lành nhằm nhớ đòi nhau;
Thoi đưa ngày tháng ruổi mau,
Người đòi thắm thoát qua màu xuân xanh.

(Trích Chinh phụ ngâm khúc, Đặng Trần Côn, "Chinh phụ ngâm khúc" và hai bản dịch Nôm, NXB Văn học, 2011, tr. 68)

Chú thích: [78] Sầm, Thương: Tên hai chòm sao trong Nhị thập bát tú. Chòm Sầm thuộc phương Tây, chòm Thương thuộc phương Đông. Hai chòm này ở vào hai vị trí đối nhau trên vòm trời, thường được nhắc tới trong văn thơ cổ, chỉ sự vĩnh viễn cách xa. [79] Lương thì: thời tươi đẹp

Câu 1.(1 điểm) Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2.(1 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật đối trong hai câu thơ sau:

Xưa sao hình ảnh chẳng rời?

Giờ sao nỡ để cách vời Sầm, Thương?

Câu 3(0,5 điểm). Xác định nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

Câu 4.(0,5 điểm) Em hãy cho biết tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích trên.

Câu 5(1 điểm). Qua tâm trạng của người chinh phụ trong đoạn trích, em hiểu gì thêm về giá trị của cuộc sống?

Phần II. Viết (6 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích tâm trạng của người chinh phụ trong đoạn trích trên.

Câu 2: (4 điểm)

Em hãy viết một bài văn khoảng 400 chữ bàn luận về những việc cần làm để Trái Đất này trở nên tốt đẹp hơn.

- Chúc các em bình tĩnh, tự tin, làm bài tốt -

I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Bài tập 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (5 điểm): *Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng*

Phân môn Lịch sử

Câu 1. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã có tác động như thế nào đến hệ thống tư bản chủ nghĩa?

- A. Làm thay đổi thế và lực trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa.
- B. Mở rộng ảnh hưởng của hệ thống tư bản chủ nghĩa.
- C. Dẫn đến sự khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa.
- D. củng cố sự vững mạnh của hệ thống tư bản chủ nghĩa.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây phản ánh không đúng về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)?

- A. Liên Xô giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- B. Chiến tranh kết thúc mở ra thời kì phát triển mới của lịch sử thế giới.
- C. Chiến tranh kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe Đồng minh.
- D. Là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất trong lịch sử nhân loại.

Câu 3. Việc thành lập Quốc tế Cộng sản (1919) có ý nghĩa như thế nào đối với phong trào cách mạng trên thế giới?

- A. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân ở các nước châu Âu.
- B. Tạo ra một liên kết quốc tế giữa chính phủ và nhân dân, thúc đẩy cách mạng xã hội trên toàn thế giới.
- C. Góp phần vào sự tăng cường của các chính phủ tư bản và làm gia tăng sự bất ổn toàn cầu.
- D. Thúc đẩy sự hòa bình và hợp tác giữa các quốc gia, tạo ra điều kiện cho sự phát triển bền vững.

Câu 4. Điểm tương đồng về nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bùng nổ của hai cuộc chiến tranh thế giới là gì?

- A. Mâu thuẫn giữa nhân dân các nước thuộc địa với các nước đế quốc, thực dân.
- B. Tư tưởng thù ghét chủ nghĩa cộng sản của các nước Mĩ, Anh, Pháp.
- C. Lực lượng phát xít thắng thế và lên cầm quyền ở một số nước Âu - Mĩ.
- D. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường, thuộc địa

Câu 5. Sự kiện Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15-8-1945) đã có tác động như thế nào đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam?

- A. Tạo thời cơ để cách mạng tháng Tám đánh bại chế độ phong kiến Bảo Đại.
- B. Tạo tình thế mới để Việt Nam đứng lên đấu tranh chống Nhật.
- C. Tạo điều kiện cho Việt Nam đứng về phe Đồng minh chống phát xít.
- D. Tạo thời cơ khách quan cho cách mạng tháng Tám giành thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu.

Câu 6. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) là

- A. sự bùng nổ của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933.
- B. mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước đế quốc.
- C. thái độ dung dưỡng của các nước đế quốc đối với phát xít Đức.
- D. mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thị trường và thuộc địa.

Câu 7. Để đưa nước Mĩ thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, Tổng thống Rudoven đã

- A. kêu gọi giúp đỡ từ các nước khác.
- B. tăng cường chi phí cho quân sự.
- C. thực hiện xâm lược các nước khác.
- D. thực hiện Chính sách mới

Câu 8. Nhận định nào Đúng nhất về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đối với Lịch sử nhân loại trong thế kỉ XX?

- A. Chiến tranh chứng tỏ các nước không thể điều hòa và giải quyết các mâu thuẫn.
- B. Cuộc chiến tranh đế quốc phi nghĩa, gây thiệt hại to lớn về người và của cải.
- C. Cuộc chiến tranh lớn nhất, kéo dài nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất.
- D. Gây nhiều đau khổ, mất mát cho nhân loại và thiệt hại lớn nhất về vật chất.

Câu 9. Nội dung nào sau đây không phải hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (trước năm 1941)?

- A. Cải cách xã hội như cải thiện điều kiện sống của công nhân và nông dân.
- B. Chưa chú trọng đúng mức đến việc nâng cao đời sống nhân dân.
- C. Tồn tại những sự phân biệt đối xử dựa trên tầng lớp xã hội và nguồn gốc dân tộc.
- D. Nóng vội, thiếu dân chủ trong quá trình tập thể hóa nông nghiệp.

Câu 10. Vai trò của Liên Xô, Mỹ, Anh trong chiến tranh thế giới thứ hai trong giai đoạn 1944 – 1945 là gì?

- A. Giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức.
- B. Hậu phương vững chắc đánh bại chủ nghĩa phát xít Nhật Bản.
- C. Lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định tiêu diệt Nhật Bản.
- D. Lực lượng nòng cốt và quan trọng nhất trong việc đánh bại Nhật Bản.

Phân môn Địa lí

Câu 11. Dân tộc Tày, H'Mông, Thái, Mường chủ yếu sinh sống ở vùng nào?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- B. Tây Nguyên
- C. Đồng bằng sông Hồng
- D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 12. Dân tộc cư trú rộng khắp, tập trung đông ở đồng bằng, ven biển là

- A. Kinh (Việt)
- B. Tày
- C. Thái
- D. Nùng

Câu 13. Vùng nào nước ta có mật độ dân số 1.091 người /km² (Năm 2021) cao nhất cả nước?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Đông Nam Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây không phải của quần cư nông thôn?

- A. Mật độ dân số thấp
- B. Hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp
- C. Cơ cấu kinh tế đa dạng
- D. Cấu trúc thành xã, làng, xóm, bản

Câu 15. Cây công nghiệp hàng năm: Lạc, đậu tương được trồng nhiều ở:

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Đông Nam Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 16. Diện tích rừng tự nhiên lớn nhất thuộc vùng nào?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- B. Tây Nguyên
- C. Đông Nam Bộ
- D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 17. Hai vùng tập trung công nghiệp lớn nhất nước ta là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng
- B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ
- D. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng

Câu 18. Ngành công nghiệp nào sau đây chiếm tỉ trọng cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo nước ta ?

- A. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm
- B. Công nghiệp khai khoáng
- C. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính

D. Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục , sản xuất giày, dép

Câu 19. Theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021: Diện tích rừng sản xuất chiếm khoảng 7,8 triệu ha, rừng phòng hộ khoảng 4,7 triệu ha, rừng đặc dụng khoảng 2,2 triệu ha. Tính tỉ lệ % diện tích của rừng phòng hộ là bao nhiêu(Làm tròn số đến một chữ số của phần thập phân)?

A. 30%

B.32%

C.34%

D.36%

Câu 20. Yếu tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến vấn đề việc làm ở địa phương ?

A. Tài nguyên thiên nhiên

B. Địa hình và khí hậu

C. Dân số và lao động

D. Giao thông vận tải

Bài tập 2. Trắc nghiệm đúng /sai (2 điểm): Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, học sinh ghi đáp án đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc tư liệu sau: “Chiến tranh thế giới thứ hai kéo dài trong 6 năm, là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử loài người. Đó là cuộc đụng đầu và sự thử thách khốc liệt, toàn diện giữa hai thế lực tiến bộ và phản động trên phạm vi toàn thế giới. Ngày 9/5/1945, trước đại diện Bộ Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang liên Xô và bộ tổng chỉ huy quân đội đồng minh, Căp -ten, Thống chế Tổng tư lệnh quân đội Đức đã kí vào văn kiện đầu hàng không điều kiện,”

(Trích Tạp Chí cộng sản, ngày 17-9-2014, bảy mươi năm bùng nổ chiến tranh thế giới thứ 2 và những bài học lịch sử).

A. Chiến tranh thế giới thứ 2 là cuộc chiến kéo dài nhất trong lịch sử nhân loại

B. Đây là cuộc chiến giữa các nước Đồng Minh chống lại Liên Xô

C. Là cuộc chiến tranh diễn ra trên quy mô toàn thế giới

D. Là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử loài người

Câu 2. Cho bảng số liệu: Cơ cấu dân số nước ta theo nhóm tuổi giai đoạn 1999-2021

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	1999	2009	2019	2021
Từ 0 – 14 tuổi	33,1	24,5	24,3	24,1
Từ 15 - 64 tuổi	61,1	69,1	68	67,6
Từ 65 tuổi trở lên	5,8	6,4	7,7	8,3

(Nguồn: SGK lịch sử và địa lí 9 , bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống)

Cơ cấu dân số thay đổi:Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm, Tỉ lệ dân số trên 65 tuổi tăng do

A. Thực hiện tốt chính sách về dân số, tỉ lệ gia tăng dân số giảm

B. Kinh tế phát triển, y tế đảm bảo

C. Dân số tăng nhanh, mỗi năm tăng khoảng 1 tr người

D. Chất lượng cuộc sống nâng cao, tuổi thọ trung bình tăng

II.Tự luận (3đ)

Câu 2.(1,5đ) Phân tích đặc điểm phân bố nguồn lợi thủy sản nước ta?

Mã đề: LS-ĐL. 901

I. Trắc nghiệm (7.0 điểm): Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm

Bài tập 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (5.0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	A	D	D	D	D	C	C	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	A	B	C	B	A	D	A	B	C

Bài tập 2. Bài tập TN đúng /sai (2.0 điểm)

- HS chọn đúng 1/4 ý: 0,1đ
- HS chọn đúng 2/4 ý: 0,25đ
- HS chọn đúng 3/4 ý: 0,5đ
- HS chọn đúng 4/4 ý: 1,0đ

Đáp án	A	B	C	D
Câu 1	S	Đ	Đ	Đ
Câu 2	Đ	Đ	S	Đ

II. Tự luận (3.0 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
	Phân môn Lịch sử	1,5đ
1	Phân tích nguyên nhân dẫn tới chiến tranh thế giới thứ 2(1939-1945)	
	+ Do tác động của quy luật phát triển không đồng đều về kinh tế và chính trị giữa các nước tư bản trong đế quốc chủ nghĩa.	0,25đ
	+ Việc tổ chức và phân chia thế giới theo trật tự Vecsai - Oasinhton không còn phù hợp .	0,25đ
	+ Cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức, Italia và Nhật Bản.	0,5đ
	+ Chính sách thỏa hiệp, nhượng bộ của các nước phương Tây nhằm chữa mũi nhọn chiến tranh về phía Liên Xô đã tạo điều kiện cho phe phát xít gây chiến.	0,5đ
2	Phân môn Địa lí: Phân tích đặc điểm phân bố nguồn lợi thủy sản nước ta	1,5đ

-Nguồn lợi thủy sản phong phú	0,25đ
+Trên HT sông, hồ: có 544 loài nước ngọt, nhiều loài có giá trị kinh tế cao, nguồn lợi thủy sản dồi dào trên các hệ thống sông...	0,25đ
+Vùng biển có hơn 2000 loài cá, hàng trăm loài tôm, mực, nhiều loài có giá trị kinh tế cao....	0,25đ
+Có 4 ngư trường trọng điểm :Hải Phòng-Quảng Ninh....	0,25đ
+Tổng trữ lượng hải sản của VN:4 tr tấn, cho phép khai thác :1,5 tr tấn/năm	0,25đ
-Hạn chế:Nguồn lợi thủy sản giảm sút do khai thác quá mức	0,25đ

BGH duyệt



Ngô Thị Bích Liên

TTCM



Lưu Hoàng Trang

NTCM



Nguyễn Thị Thảo

Mã đề LS-ĐL.902

I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Bài tập 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (5 điểm): *Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng*

Câu 1. Sự kiện Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15-8-1945) đã có tác động như thế nào đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam?

- A. Tạo thời cơ khách quan cho cách mạng tháng Tám giành thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu.
- B. Tạo thời cơ để cách mạng tháng Tám đánh bại chế độ phong kiến Bảo Đại.
- C. Tạo tình thế mới để Việt Nam đứng lên đấu tranh chống Nhật.
- D. Tạo điều kiện cho Việt Nam đứng về phe Đồng minh chống phát xít.

Câu 2. Để đưa nước Mĩ thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, Tổng thống Rudoven đã

- A. kêu gọi giúp đỡ từ các nước khác.
- B. tăng cường chi phí cho quân sự.
- C. thực hiện xâm lược các nước khác.
- D. thực hiện Chính sách mới

Câu 3. Điểm tương đồng về nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bùng nổ của hai cuộc chiến tranh thế giới là gì?

- A. Lực lượng phát xít thắng thế và lên cầm quyền ở một số nước Âu - Mĩ.
- B. Tư tưởng thù ghét chủ nghĩa cộng sản của các nước Mĩ, Anh, Pháp.
- C. Mâu thuẫn giữa nhân dân các nước thuộc địa với các nước đế quốc, thực dân.
- D. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường, thuộc địa

Câu 4. Nhận định nào Đúng nhất về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đối với Lịch sử nhân loại trong thế kỉ XX?

- A. Cuộc chiến tranh đế quốc phi nghĩa, gây thiệt hại to lớn về người và của cải.
- B. Chiến tranh chứng tỏ các nước không thể điều hòa và giải quyết các mâu thuẫn.
- C. Cuộc chiến tranh lớn nhất, kéo dài nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất.
- D. Gây nhiều đau khổ, mất mát cho nhân loại và thiệt hại lớn nhất về vật chất.

Câu 5. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã có tác động như thế nào đến hệ thống tư bản chủ nghĩa?

- A. Dẫn đến sự khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa.
- B. Mở rộng ảnh hưởng của hệ thống tư bản chủ nghĩa.
- C. Làm thay đổi thế và lực trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa.
- D. củng cố sự vững mạnh của hệ thống tư bản chủ nghĩa.

Câu 6. Việc thành lập Quốc tế Cộng sản (1919) có ý nghĩa như thế nào đối với phong trào cách mạng trên thế giới?

- A. Thúc đẩy sự hòa bình và hợp tác giữa các quốc gia, tạo ra điều kiện cho sự phát triển bền vững.
- B. Tạo ra một liên kết quốc tế giữa chính phủ và nhân dân, thúc đẩy cách mạng xã hội trên toàn thế giới.
- C. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân ở các nước châu Âu.
- D. Góp phần vào sự tăng cường của các chính phủ tư bản và làm gia tăng sự bất ổn toàn cầu.

Câu 7. Vai trò của Liên Xô, Mĩ, Anh trong chiến tranh thế giới thứ hai trong giai đoạn 1944 – 1945 là gì?

- A. Hậu phương vững chắc đánh bại chủ nghĩa phát xít Nhật Bản.
- B. Lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định tiêu diệt Nhật Bản.
- C. Giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức.

D. Lực lượng nòng cốt và quan trọng nhất trong việc đánh bại Nhật Bản.

Câu 8. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) là

- A. mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thị trường và thuộc địa.
- B. thái độ dung dưỡng của các nước đế quốc đối với phát xít Đức.
- C. mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước đế quốc.
- D. sự bùng nổ của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933.

Câu 9. Nội dung nào sau đây không phải hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (trước năm 1941)?

- A. Chưa chú trọng đúng mức đến việc nâng cao đời sống nhân dân.
- B. Nóng vội, thiếu dân chủ trong quá trình tập thể hóa nông nghiệp.
- C. Cải cách xã hội như cải thiện điều kiện sống của công nhân và nông dân.
- D. Tồn tại những sự phân biệt đối xử dựa trên tầng lớp xã hội và nguồn gốc dân tộc.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây phản ánh không đúng về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)?

- A. Chiến tranh kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe Đồng minh.
- B. Là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất trong lịch sử nhân loại.
- C. Liên Xô giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- D. Chiến tranh kết thúc mở ra thời kì phát triển mới của lịch sử thế giới.

Phân môn địa lí

Câu 11. Dân tộc Kơ-me, Chăm, Hoa chủ yếu sinh sống ở đâu?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- B. Tây Nguyên
- C. Đồng bằng sông Hồng
- D. Đồng bằng ven biển phía Nam và Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 12. Các dân tộc thiểu số thường sinh sống ở đâu?

- A. Vùng đồng bằng và ven biển
- B. Vùng đồi núi và cao nguyên
- C. Các khu vực đô thị
- D. Vùng đồng bằng châu thổ

Câu 13. Vùng nào nước ta có mật độ dân số 1.091 người /km² (Năm 2021) cao nhất cả nước?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Đông Nam Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 14. Đặc điểm chính của quần cư thành thị là

- A. mật độ dân số thấp
- B. chủ yếu là nông nghiệp
- C. hoạt động kinh tế là công nghiệp, dịch vụ
- D. cấu trúc thành xã, làng, xóm, bản

Câu 15. Cây công nghiệp dài ngày: Cà phê, điều, hồ tiêu, chè, cao su được trồng nhiều ở:

- A. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ
- B. Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ
- C. Đông Nam Bộ, Trung du và miền núi Bắc Bộ
- D. Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên

Câu 16. Rừng trồng lớn nhất tập trung ở vùng nào?

- A. Tây Nguyên
- B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung
- C. Đồng bằng sông Hồng
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 17. Hai vùng tập trung công nghiệp lớn nhất nước ta là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng
- B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ
- D. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng

Câu 18. Ngành công nghiệp nào sau đây chiếm tỉ trọng cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo nước ta ?

- A. Công nghiệp khai khoáng
- B. Công nghiệp sản phẩm điện tử, máy vi tính
- C. Công nghiệp sản xuất sản xuất, chế biến thực phẩm
- D. Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục , sản xuất giày, dép

Câu 19. Theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021: *Diện tích rừng sản xuất chiếm khoảng 7,8 triệu ha, rừng phòng hộ khoảng 4,7 triệu ha, rừng đặc dụng khoảng 2,2 triệu ha. Tính tỉ lệ % diện tích của rừng đặc dụng là bao nhiêu(Làm tròn số đến một chữ số của phần thập phân)?*

- A. 13%
- B. 15%
- C. 17%
- D. 19%

Câu 20. Yếu tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến vấn đề việc làm ở địa phương ?

- A. Tài nguyên thiên nhiên
- B. Giao thông vận tải
- C. Địa hình và khí hậu
- D. Dân số và lao động

Bài tập 2. Trắc nghiệm đúng /sai(2 điểm): *Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, học sinh ghi đáp án đúng hoặc sai*

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc chiến tranh phi nghĩa do phe phát xít gây ra – “kẻ gieo gió phải gặt bão”, đồng thời là cuộc chiến tranh chính nghĩa của phe Đồng minh, của các dân tộc bị phát xít chiếm đóng và của các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới.

Các dân tộc, toàn thể nhân loại tiến bộ luôn đoàn kết, kiên cường, sát cánh cùng lực lượng Đồng minh chiến đấu vì nền hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội...

Tinh thần chiến đấu và ý chí kiên cường của quân đội các nước Đồng minh, đặc biệt là của Hồng quân Liên Xô là một nhân tố quan trọng góp phần làm nên thắng lợi.”

(Nguồn, SGK Lịch sử và Địa lí 9-Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB giáo dục)

Chiến tranh thế giới thứ 2 giành thắng lợi thuộc về phe Đồng minh do:

- A. Tinh thần chiến đấu kiên cường, dũng cảm của quân dân các nước Đồng minh, đặc biệt là Hồng quân Liên Xô.
- B. Sự phối hợp giữa phe Đồng minh với các phong trào kháng chiến của nhân dân các nước bị phát xít chiếm đóng
- C. Các dân tộc, toàn nhân loại luôn đoàn kết, kiên cường, sát cánh cùng lực lượng Đồng minh
- D. Mĩ là nước đóng vai trò quyết định trong thắng lợi của chiến tranh thế giới thứ 2

Câu 2. *“Nước ta có lực lượng lao động dồi dào với 50,7 triệu người. Số lao động có việc làm trong độ tuổi lao động là 49 triệu người. Năm 2021, nước ta có 1,6 triệu người thất nghiệp , tỉ lệ thất nghiệp là 3,2 %”*

(Nguồn: SGK lịch sử và địa lí 9 , bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống)

Giải quyết việc làm ở địa phương bao gồm nhiều giải pháp

- A. Đẩy mạnh đào tạo và dạy nghề
- B. Phát triển mô hình nông nghiệp xanh
- C. Đa dạng hóa các loại hình kinh tế
- D. Tư vấn về thị trường việc làm

II. Tự luận (3đ)

Câu 1.(1,5đ). Phân tích hậu quả của chiến tranh thế giới thứ 2(1939-1945)?

Câu 2.(1,5đ). Phân tích đặc điểm khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp?

Mã đề: LS-ĐL. 902

I. Trắc nghiệm (7.0 điểm).

Bài tập 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (5 điểm): Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	D	C	C	C	B	A	D	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	B	B	C	A	B	D	C	B	D

Bài tập 2. Bài tập trắc nghiệm đúng /sai (2 điểm).

- HS chọn đúng 1/4 ý: 0,1đ
- HS chọn đúng 2/4 ý: 0,25đ
- HS chọn đúng 3/4 ý: 0,5đ
- HS chọn đúng 4/4 ý: 1,0đ

Đáp án	A	B	C	D
Câu 1	Đ	Đ	Đ	S
Câu 2	Đ	S	Đ	Đ

II. Tự luận (3.0 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
	Phân môn Lịch sử	1,5đ
1	Hậu quả của chiến tranh thế giới thứ 2	
	- Hậu quả: Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại những hậu quả nặng nề cho nhân loại. + Nền kinh tế các nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng không chỉ với các nước trực tiếp tham gia mà cả các nước không tham gia. Các hoạt động chính trị, kinh tế và đời sống xã hội của người dân bị đe dọa, không ổn định. + Khiến hơn 70 quốc gia với 1700 triệu người đã bị cuốn vào chiến tranh, khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn tật, thiệt hại 4000 tỉ Đô, gấp mười lần so với chiến tranh thế giới lần thứ nhất.	0,75 0,75đ
2	Phân môn Địa lí: Phân tích đặc điểm khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp?	
	- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nguồn nhiệt ẩm dồi dào là điều kiện để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới cây trồng vật nuôi sinh trưởng nhanh và phát triển quanh năm cho năng suất cao	0,75đ

- Khí hậu phân hóa theo chiều Bắc Nam, theo độ cao địa hình và theo mùa tạo nên cơ cấu mùa vụ sản phẩm đa dạng, là điều kiện quy hoạch vùng chuyên canh chuyên môn hóa sản xuất - Khí hậu thất thường, nhiều thiên tai mùa màng bấp bênh	0,5đ 0,25đ
--	--------------------------

BGH duyệt



Ngô Thị Bích Liên

TTCM



Lưu Hoàng Trang

NTCM



Nguyễn Thị Thảo

Mã đề LS-ĐL.903

I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Bài tập 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (5 điểm): Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng

Phân môn Lịch sử

Câu 1. Điểm tương đồng về nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bùng nổ của hai cuộc chiến tranh thế giới là gì?

- A. Lực lượng phát xít thắng thế và lên cầm quyền ở một số nước Âu - Mỹ.
- B. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường, thuộc địa
- C. Mâu thuẫn giữa nhân dân các nước thuộc địa với các nước đế quốc, thực dân.
- D. Tư tưởng thù ghét chủ nghĩa cộng sản của các nước Mỹ, Anh, Pháp.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây phản ánh *không* đúng về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)?

- A. Chiến tranh kết thúc mở ra thời kì phát triển mới của lịch sử thế giới.
- B. Chiến tranh kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe Đồng minh.
- C. Liên Xô giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- D. Là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất trong lịch sử nhân loại.

Câu 3. Việc thành lập Quốc tế Cộng sản (1919) có ý nghĩa như thế nào đối với phong trào cách mạng trên thế giới?

- A. Thúc đẩy sự hòa bình và hợp tác giữa các quốc gia, tạo ra điều kiện cho sự phát triển bền vững.
- B. Tạo ra một liên kết quốc tế giữa chính phủ và nhân dân, thúc đẩy cách mạng xã hội trên toàn thế giới.
- C. Góp phần vào sự tăng cường của các chính phủ tư bản và làm gia tăng sự bất ổn toàn cầu.
- D. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân ở các nước châu Âu.

Câu 4. Sự kiện Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15-8-1945) đã có tác động như thế nào đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam?

- A. Tạo thời cơ để cách mạng tháng Tám đánh bại chế độ phong kiến Bảo Đại.
- B. Tạo tình thế mới để Việt Nam đứng lên đấu tranh chống Nhật.
- C. Tạo điều kiện cho Việt Nam đứng về phe Đồng minh chống phát xít.
- D. Tạo thời cơ khách quan cho cách mạng tháng Tám giành thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu.

Câu 5. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã có tác động như thế nào đến hệ thống tư bản chủ nghĩa?

- A. Củng cố sự vững mạnh của hệ thống tư bản chủ nghĩa.
- B. Dẫn đến sự khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa.
- C. Làm thay đổi thế và lực trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa.
- D. Mở rộng ảnh hưởng của hệ thống tư bản chủ nghĩa.

Câu 6. Vai trò của Liên Xô, Mỹ, Anh trong chiến tranh thế giới thứ hai trong giai đoạn 1944 - 1945 là gì?

- A. Hậu phương vững chắc đánh bại chủ nghĩa phát xít Nhật Bản.
- B. Lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định tiêu diệt Nhật Bản.
- C. Lực lượng nòng cốt và quan trọng nhất trong việc đánh bại Nhật Bản.
- D. Giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức.

Câu 7. Nội dung nào sau đây không phải hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (trước năm 1941)?

- A. Tồn tại những sự phân biệt đối xử dựa trên tầng lớp xã hội và nguồn gốc dân tộc.
- B. Cải cách xã hội như cải thiện điều kiện sống của công nhân và nông dân.
- C. Nóng vội, thiếu dân chủ trong quá trình tập thể hóa nông nghiệp.
- D. Chưa chú trọng đúng mức đến việc nâng cao đời sống nhân dân.

Câu 8. Nhận định nào Đúng nhất về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đối với Lịch sử nhân loại trong thế kỉ XX?

- A. Gây nhiều đau khổ, mất mát cho nhân loại và thiệt hại lớn nhất về vật chất.
- B. Chiến tranh chứng tỏ các nước không thể điều hòa và giải quyết các mâu thuẫn.
- C. Cuộc chiến tranh lớn nhất, kéo dài nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất.
- D. Cuộc chiến tranh đế quốc phi nghĩa, gây thiệt hại to lớn về người và của cải.

Câu 9. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) là

- A. mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thị trường và thuộc địa.
- B. mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước đế quốc.
- C. sự bùng nổ của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933.
- D. thái độ dung dưỡng của các nước đế quốc đối với phát xít Đức.

Câu 10. Để đưa nước Mĩ thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, Tổng thống Rudoven đã

- A. thực hiện Chính sách mới
- B. kêu gọi giúp đỡ từ các nước khác.
- C. thực hiện xâm lược các nước khác.
- D. tăng cường chi phí cho quân sự.

Phân môn Địa lí

Câu 11. Dân tộc Tày, H'Mông, Thái , Mường chủ yếu sinh sống ở vùng nào?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- B. Tây Nguyên
- C. Đồng bằng sông Hồng
- D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 12. Các dân tộc thiểu số thường sinh sống ở đâu?

- A. Vùng đồng bằng và ven biển
- B. Vùng đồi núi và cao nguyên
- C. Các khu vực đô thị
- D. Vùng đồng bằng châu thổ

Câu 13. Vùng nào nước ta có mật độ dân số 1.091 người /km² (Năm 2021) cao nhất cả nước?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Đông Nam Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 14. Đặc điểm chính của quần cư thành thị là

- A. mật độ dân số thấp
- B. chủ yếu là nông nghiệp
- C. hoạt động kinh tế là công nghiệp, dịch vụ
- D. cấu trúc thành xã, làng, xóm, bản

Câu 15. Cây công nghiệp hàng năm: Lạc, đậu tương được trồng nhiều ở:

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Đông Nam Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 16. Rừng trồng lớn nhất tập trung ở vùng nào?

- A. Tây Nguyên
- B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung
- C. Đồng bằng sông Hồng
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 17. Hai vùng tập trung công nghiệp lớn nhất nước ta là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng
- B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng
- D. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ

Câu 18. Ngành công nghiệp nào sau đây chiếm tỉ trọng cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo nước ta ?

- A. Công nghiệp khai khoáng
- B. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm
- C. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính
- D. Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục , sản xuất giày, dép

Câu 19. Theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021: Diện tích rừng sản xuất chiếm khoảng 7,8 triệu ha, rừng phòng hộ khoảng 4,7 triệu ha, rừng đặc dụng khoảng 2,2 triệu ha. Tính tỉ lệ % diện tích của rừng phòng hộ là bao nhiêu(Làm tròn số đến một chữ số của phần thập phân)?

- A. 36% B.34% C.32% D.30%

Câu 20. Yếu tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến vấn đề việc làm ở địa phương ?

- A. Tài nguyên thiên nhiên B. Địa hình và khí hậu
C. Dân số và lao động D. Giao thông vận tải

Bài tập 2. Trắc nghiệm đúng /sai: Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, học sinh ghi đáp án đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho bảng số liệu sau:

(Nguồn: Lịch sử thế giới, những con số lịch sử, NXB Đại học sư

	Chiến tranh thế giới thứ nhất	Chiến tranh thế giới thứ hai
- Những nước tuyên bố tình trạng chiến tranh	36	76
- Số người bị động viên vào quân đội (triệu người)	74	110
- Số người chết (triệu người)	13,6	60
- Số người bị thương và tàn tật (triệu người)	20	90
- Chi phí quân sự trực tiếp (tỉ đô la)	208	1384
- Thiệt hại về vật chất (tỉ đô la)	388	

phạm)

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai để lại hậu quả lớn cho các nước tham chiến.
B. Thiệt hại của chiến tranh thế giới thứ 2 gấp hơn 10 lần chiến tranh thế giới thứ nhất
C. Số lượng chết trong chiến tranh thế giới thứ 2 là 60 triệu người, số người bị thương là 90 triệu người
D. Mỹ là nước thu được nhiều lợi nhuận nhất từ chiến tranh và không chịu bất cứ tổn thất nào

Câu 2. “Nước ta có lực lượng lao động dồi dào với 50,7 triệu người. Số lao động có việc làm trong độ tuổi lao động là 49 triệu người.Năm 2021, nước ta có 1,6 triệu người thất nghiệp , tỉ lệ thất nghiệp là 3,2 %”

(Nguồn: SGK lịch sử và địa lí 9 , bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống)

Giải quyết việc làm ở địa phương bao gồm nhiều giải pháp

- A. Đẩy mạnh đào tạo và dạy nghề
B. Phát triển mô hình nông nghiệp xanh
C. Đa dạng hóa các loại hình kinh tế
D. Tư vấn về thị trường việc làm

II.Tự luận (3đ)

Câu 1.(1,5đ) Phân tích nguyên nhân thắng lợi của chiến tranh thế giới thứ 2 (1939-1945)?

Câu 2.(1,5đ) Phân tích vai trò của tài nguyên khoáng sản đến sự phát triển và phân bố công nghiệp nước ta?

Mã đề: LS-ĐL. 903

I. Trắc nghiệm (7.0 điểm)

Bài tập 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn(5 điểm):Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	B	D	D	C	B	A	C	A	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	A	B	C	B	A	C	B	C	C

Bài tập 2. Bài tập trắc nghiệm đúng /sai(2 điểm).

- HS chọn đúng 1/4 ý: 0,1đ
- HS chọn đúng 2/4 ý: 0,25đ
- HS chọn đúng 3/4 ý: 0,5đ
- HS chọn đúng 4/4 ý: 1,0đ

Đáp án	A	B	C	D
Câu 1	Đ	Đ	Đ	S
Câu 2	Đ	Đ	S	Đ

II. Tự luận (3.0 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
	Phân môn Lịch sử	1,5đ
1	+ Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc chiến tranh phi nghĩa do phe phát xít gây ra, đồng thời là cuộc chiến tranh chính nghĩa của phe Đồng minh, của các dân tộc bị phát xít chiếm đóng và của các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới. + Các dân tộc, toàn thể nhân loại tiến bộ luôn đoàn kết, kiên cường, sát cánh cùng lực lượng Đồng minh chiến đấu vì nền hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội... + Tinh thần chiến đấu và ý chí kiên cường của quân đội các nước Đồng minh, đặc biệt là của Hồng quân Liên Xô là một nhân tố quan trọng góp phần làm nên thắng lợi.	0,5đ 0,5đ 0,5đ
2	Phân môn Địa lí: Phân tích đặc điểm phân bố nguồn lợi thủy sản nước ta	1,5đ
	-Nước ta có cơ cấu khoáng sản đa dạng	0,25đ
	-Một số khoáng sản có trữ lượng lớn như: than đá (Quảng Ninh, Thái Nguyên), khí tự nhiên, dầu mỏ (thềm lục địa của Bà Rịa- Vũng Tàu), đá vôi (Ninh Bình), apatit(Lào Cai) , tạo thuận lợi phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng sản, sản xuất kim loại	0,5đ 0,5đ
	-Tuy nhiên tài nguyên khoáng sản nước ta có nguy cơ bị cạn kiệt	0,25đ

BGH duyệt

TTCM

NTCM

Ngô Thị Bích Liên

Lưu Hoàng Trang

Nguyễn Thị Thảo

Mã đề LS-ĐL.904

I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Bài tập 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (5 điểm): Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1. Nội dung nào sau đây không phải hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (trước năm 1941)?

- A. Tồn tại những sự phân biệt đối xử dựa trên tầng lớp xã hội và nguồn gốc dân tộc.
- B. Nóng vội, thiếu dân chủ trong quá trình tập thể hóa nông nghiệp.
- C. Chưa chú trọng đúng mức đến việc nâng cao đời sống nhân dân.
- D. Cải cách xã hội như cải thiện điều kiện sống của công nhân và nông dân.

Câu 2. Để đưa nước Mĩ thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, Tổng thống Rudoven đã

- A. kêu gọi giúp đỡ từ các nước khác.
- B. tăng cường chi phí cho quân sự.
- C. thực hiện Chính sách mới
- D. thực hiện xâm lược các nước khác.

Câu 3. Vai trò của Liên Xô, Mỹ, Anh trong chiến tranh thế giới thứ hai trong giai đoạn 1944 – 1945 là gì?

- A. Lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định tiêu diệt Nhật Bản.
- B. Hậu phương vững chắc đánh bại chủ nghĩa phát xít Nhật Bản.
- C. Giữ vai trò quyết định trực tiếp trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức.
- D. Lực lượng nòng cốt và quan trọng nhất trong việc đánh bại Nhật Bản.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây phản ánh không đúng về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)?

- A. Là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất trong lịch sử nhân loại.
- B. Liên Xô giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- C. Chiến tranh kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phe Đồng minh.
- D. Chiến tranh kết thúc mở ra thời kì phát triển mới của lịch sử thế giới.

Câu 5. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc đã có tác động như thế nào đến hệ thống tư bản chủ nghĩa?

- A. củng cố sự vững mạnh của hệ thống tư bản chủ nghĩa.
- B. Mở rộng ảnh hưởng của hệ thống tư bản chủ nghĩa.
- C. Dẫn đến sự khủng hoảng của hệ thống tư bản chủ nghĩa.
- D. Làm thay đổi thế và lực trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 6. Điểm tương đồng về nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bùng nổ của hai cuộc chiến tranh thế giới là gì?

- A. Mâu thuẫn giữa nhân dân các nước thuộc địa với các nước đế quốc, thực dân.
- B. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường, thuộc địa
- C. Lực lượng phát xít thắng thế và lên cầm quyền ở một số nước Âu - Mĩ.
- D. Tư tưởng thù ghét chủ nghĩa cộng sản của các nước Mĩ, Anh, Pháp.

Câu 7. Sự kiện Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15-8-1945) đã có tác động như thế nào đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam?

- A. Tạo điều kiện cho Việt Nam đứng về phe Đồng minh chống phát xít.
- B. Tạo tình thế mới để Việt Nam đứng lên đấu tranh chống Nhật.
- C. Tạo thời cơ để cách mạng tháng Tám đánh bại chế độ phong kiến Bảo Đại.
- D. Tạo thời cơ khách quan cho cách mạng tháng Tám giành thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu.

Câu 8. Việc thành lập Quốc tế Cộng sản (1919) có ý nghĩa như thế nào đối với phong trào cách mạng trên thế giới?

- A. Góp phần vào sự tăng cường của các chính phủ tư bản và làm gia tăng sự bất ổn toàn cầu.
- B. Thúc đẩy sự hòa bình và hợp tác giữa các quốc gia, tạo ra điều kiện cho sự phát triển bền vững.
- C. Tạo ra một liên kết quốc tế giữa chính phủ và nhân dân, thúc đẩy cách mạng xã hội trên toàn thế giới.
- D. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân ở các nước châu Âu.

Câu 9. Nhận định nào Đúng nhất về Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đối với Lịch sử nhân loại trong thế kỉ XX?

- A. Cuộc chiến tranh lớn nhất, kéo dài nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất.
- B. Gây nhiều đau khổ, mất mát cho nhân loại và thiệt hại lớn nhất về vật chất.
- C. Chiến tranh chứng tỏ các nước không thể điều hòa và giải quyết các mâu thuẫn.
- D. Cuộc chiến tranh để quốc phi nghĩa, gây thiệt hại to lớn về người và của cải.

Câu 10. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) là

- A. sự bùng nổ của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933.
- B. thái độ dung dưỡng của các nước đế quốc đối với phát xít Đức.
- C. mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thị trường và thuộc địa.
- D. mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước đế quốc.

Phân môn địa lí

Câu 11. Dân tộc Tày, H'Mông, Thái , Mường chủ yếu sinh sống ở vùng nào?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- B. Tây Nguyên
- C. Đồng bằng sông Hồng
- D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 12. Các dân tộc thiểu số thường sinh sống ở đâu?

- A. Vùng đồng bằng và ven biển
- B. Vùng đồi núi và cao nguyên
- C. Các khu vực đô thị
- D. Vùng đồng bằng châu thổ

Câu 13. Vùng nào nước ta có mật độ dân số 1.091 người /km² (Năm 2021) cao nhất cả nước?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Đông Nam Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 14. Đặc điểm chính của quần cư thành thị là

- A. mật độ dân số thấp
- B. chủ yếu là nông nghiệp
- C. hoạt động kinh tế là công nghiệp, dịch vụ
- D. cấu trúc thành xã, làng, xóm, bản

Câu 15. Cây công nghiệp hàng năm: Lạc, đậu tương được trồng nhiều ở:

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Đông Nam Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 16. Rừng trồng lớn nhất tập trung ở vùng nào?

- A. Tây Nguyên
- B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung
- C. Đồng bằng sông Hồng
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 17. Hai vùng tập trung công nghiệp lớn nhất nước ta là

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng
- B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ
- D. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng

Câu 18. Ngành công nghiệp nào sau đây chiếm tỉ trọng cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo nước ta ?

- A. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm
- B. Công nghiệp khai khoáng
- C. Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính
- D. Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục , sản xuất giày, dép

Câu 19. Theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021: Diện tích rừng sản xuất chiếm khoảng 7,8 triệu ha, rừng phòng hộ khoảng 4,7 triệu ha, rừng đặc dụng khoảng 2,2 triệu ha. Tính tỉ lệ % diện tích của rừng phòng hộ là bao nhiêu(Làm tròn số đến một chữ số của phần thập phân)?

- A. 30% B. 32% C. 34% D. 36%

Câu 20. Yếu tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến vấn đề việc làm ở địa phương ?

- A. Tài nguyên thiên nhiên B. Giao thông vận tải
C. Địa hình và khí hậu D. Dân số và lao động

Bài tập 2. Trắc nghiệm đúng /sai(2 điểm): Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, học sinh ghi đáp án đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc chiến tranh phi nghĩa do phe phát xít gây ra – “kẻ gieo gió phải gặt bão”, đồng thời là cuộc chiến tranh chính nghĩa của phe Đồng minh, của các dân tộc bị phát xít chiếm đóng và của các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới.

Các dân tộc, toàn thể nhân loại tiến bộ luôn đoàn kết, kiên cường, sát cánh cùng lực lượng Đồng minh chiến đấu vì nền hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội...

Tinh thần chiến đấu và ý chí kiên cường của quân đội các nước Đồng minh, đặc biệt là của Hồng quân Liên Xô là một nhân tố quan trọng góp phần làm nên thắng lợi.”

(Nguồn: SGK lịch sử và địa lí 9 , bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống)

- A. Phe Đồng minh dành chiến thắng trong chiến tranh thế giới thứ 2
B. Cuộc chiến tranh thế giới thứ 2 gây tổn thất cho cả các nước thắng trận và bại trận
C. Liên Xô đóng vai trò quan trọng trong việc làm thay đổi tính chất chiến tranh thế giới thứ 2
D. Đây là cuộc chiến tranh phi nghĩa của phe đồng minh

Câu 2. Cho bảng số liệu: Cơ cấu dân số nước ta theo nhóm tuổi giai đoạn 1999-2021

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	1999	2009	2019	2021
Từ 0 – 14 tuổi	33,1	24,5	24,3	24,1
Từ 15 - 64 tuổi	61,1	69,1	68	67,6
Từ 65 tuổi trở lên	5,8	6,4	7,7	8,3

(Nguồn: SGK lịch sử và địa lí 9 , bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống)

Cơ cấu dân số thay đổi: Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm, Tỉ lệ dân số trên 65 tuổi tăng do

- A. Thực hiện tốt chính sách về dân số, tỉ lệ già tăng dân số giảm
B. Kinh tế phát triển, y tế đảm bảo
C. Dân số tăng nhanh, mỗi năm tăng khoảng 1 tr người
D. Chất lượng cuộc sống nâng cao, tuổi thọ trung bình tăng

II. Tự luận (3đ)

Câu 1.(1,5đ). Phân tích ý nghĩa lịch sử và vai trò của Liên Xô trong CTTG thứ 2 (1939-1954)?

Câu 2.(1,5đ). Phân tích đặc điểm khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp?

Mã đề: LS-ĐL. 904

I. Trắc nghiệm (7.0 điểm): Mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm

Bài tập 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	A	C	D	B	D	D	A	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	B	B	C	B	B	D	A	B	D

Bài tập 2. Bài tập trắc nghiệm đúng /sai

Đáp án	A	B	C	D
Câu 1	Đ	Đ	Đ	S
Câu 2	Đ	Đ	S	Đ

II. Tự luận (3.0 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
	Phân môn Lịch sử	1,5đ
1	Ý nghĩa lịch sử và vai trò của Liên Xô, phe Đồng Minh trong CTTG thứ 2	
	+ Giúp nhân loại thoát khỏi thảm họa của chủ nghĩa phát xít, tạo nên bước chuyển biến căn bản của tình hình thế giới sau chiến tranh: sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, tương quan giữa các nước tư bản chủ nghĩa thay đổi,...	0,5đ
	+ Tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc, phong trào vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội phát triển.	0,25đ
	- Vai trò của Liên Xô và các nước khác trong phe Đồng minh:	
	+ Liên Xô, Mỹ, Anh là lực lượng đi đầu, giữ vai trò trụ cột, quyết định thắng lợi, trong đó Liên Xô có vai trò quyết định nhất.	0,5đ
	+ Các lực lượng yêu chuộng hòa bình, các mặt trận đoàn kết chống phát xít trên thế giới cũng góp phần vào tiêu diệt một bộ phận quân đội của phe phát xít.	0,25đ
2	Phân môn Địa lí: Phân tích đặc điểm khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp?	
	- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nguồn nhiệt ẩm dồi dào là điều kiện để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới cây trồng vật nuôi sinh trưởng nhanh và phát triển quanh năm cho năng suất cao	0,75đ
	- Khí hậu phân hóa theo chiều Bắc Nam, theo độ cao địa hình và theo mùa tạo nên cơ cấu mùa vụ sản phẩm đa dạng, là điều kiện quy hoạch vùng chuyên canh chuyên môn hóa sản xuất	0,5đ
	- Khí hậu thất thường, nhiều thiên tai mùa màng bấp bênh	0,25đ



BGH duyệt
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGỌC LÂM
Ngô Thị Bích Liên

TTCM
Lưu Hoàng Trang

NTCM
Nguyễn Thị Thảo

Mã đề: 901

Phần I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Người sống có lý tưởng luôn

- A. đóng góp lợi ích cho xã hội.
B. thiếu lập trường trong công việc.
C. quyết tâm làm giàu bằng mọi cách.
D. đề cao lợi ích của bản thân.

Câu 2. Biểu hiện nào sau đây thể hiện lý tưởng sống của thanh niên Việt Nam?

- A. Đánh đổi mọi thứ để đạt được tiền tài.
B. Lãng phí thời gian vào các trò tiêu khiển.
C. Sống cống hiến vì xã hội.
D. Chỉ quan tâm tới những lợi ích.

Câu 3. Để trở thành người có lòng khoan dung, mỗi người cần làm gì sau đây?

- A. Khó chịu khi bị chỉ trích.
B. Đề cao quan điểm cá nhân.
C. Phê phán lối sống ích kỉ.
D. Né tránh khó khăn, thử thách.

Câu 4. Khoan dung là

- A. sự phê phán, chỉ trích lỗi sai của người khác.
B. thông cảm, biết chấp nhận sự khác biệt.
C. luôn né tránh khi gặp mâu thuẫn.
D. luôn đồng ý với ý kiến của mọi người.

Câu 5. Hoạt động cộng đồng là các hoạt động:

- A. thương mại đem lại lợi ích.
B. nhằm góp phần hỗ trợ cộng đồng.
C. vui chơi, giải trí cho cá nhân.
D. liên quan tới tổ chức kinh doanh.

Câu 6. Sống có lý tưởng giúp thanh niên có được điều gì?

- A. Động lực để phát triển bản thân.
B. Thời gian nghỉ ngơi và giải trí.
C. Dễ dàng bỏ cuộc trước những khó khăn.
D. Dễ dàng bị cám dỗ.

Câu 7. Công dân cần thể hiện sự tích cực tham gia các hoạt động khi

- A. từ chối tham gia bầu cử.
B. giúp đỡ người gặp khó khăn.
C. bao che cho người phạm tội.
D. xâm phạm tài sản công.

Câu 8. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lòng khoan dung?

- A. Tạo ra sự gắn kết giữa mọi người.
B. Là sống cởi mở và chân thành.
C. Là đức tính quý báu của con người.
D. Làm con người cảm thấy lo lắng.

Câu 9. Học sinh cần rèn luyện kỹ năng nào sau đây khi tham gia các hoạt động cộng đồng?

- A. Kỹ năng lập trình.
B. Kỹ năng làm việc nhóm.
C. Kỹ năng tự học.
D. Kỹ năng giải toán.

Câu 10. Người sống có lý tưởng là người xác định được mục đích sống

- A. cao đẹp.
B. tầm thường.
C. phi thường.
D. tư lợi.

Câu 11. Khoan dung là rộng lòng

- A. tha thứ.
B. xử phạt.
C. đòi hỏi.
D. áp bức.

Câu 12. Việc làm nào dưới đây không biểu hiện lí tưởng sống cao đẹp, đúng đắn của thanh niên Việt Nam hiện nay?

- A. Tích cực quyên góp ủng hộ người nghèo.
B. Ra sức học tập, rèn luyện để hội nhập.
C. Tích cực tham gia hoạt động từ thiện.
D. Sống ích kỷ, vô cảm.

Câu 13. Câu tục ngữ: Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại, nói về phẩm chất đạo đức nào dưới đây?

- A. Lòng biết ơn.
B. Lòng trung thành.
C. Tinh thần đoàn kết.
D. Lòng khoan dung.

Câu 14. Học sinh tích cực hưởng ứng hoạt động thấp nền tri ân tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ là đã tham gia các hoạt động cộng đồng ở nội dung nào dưới đây?

- A. Hoạt động bảo vệ môi trường.
B. Hoạt động đền ơn đáp nghĩa.
C. Hoạt động bảo vệ di sản văn hóa.
D. Hoạt động nhân đạo, từ thiện.

Câu 15. Đối với cá nhân, hoạt động cộng đồng giúp các cá nhân

- A. thu được nhiều lợi nhuận.
B. được thăng quan, tiến chức.
C. được bổ sung quyền lực.
D. được mở rộng hiểu biết.

Câu 16. Điền vào chỗ chấm: “Truyền thống khoan dung được thể hiện qua cách ... của con người trong các mối quan hệ xã hội.”

- A. ứng xử B. nói chuyện C. hành động D. tâm tư

Câu 17. Điền vào chỗ chấm: “Lí tưởng là mục đích ... mà con người mong muốn đạt tới.”

- A. quan trọng B. cao đẹp nhất C. đẹp đẽ D. mãnh liệt

Câu 18. Nhiệm vụ trước mắt của thanh niên là?

- A. Xây dựng nhà nước XHCN.
B. Xây dựng tiềm lực về con người cho nhà nước XHCN.
C. Xây dựng cơ sở vật chất cho nhà nước XHCN.
D. Thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Câu 19. Cái đích của cuộc sống mà mỗi người khát khao muốn đạt được được gọi là gì?

- A. Mong muốn. B. Mục tiêu. C. Mục đích. D. Lý tưởng sống.

Câu 20. Hoạt động nào được coi là hoạt động đóng góp lợi ích chung cho cộng đồng?

- A. Đầu tư vào thị trường chứng khoán. B. Chung tay dọn sạch rác trên biển.
C. Tổ chức các buổi tiệc tùng riêng tư. D. Khảo sát công việc kinh doanh.

Phần: Trắc nghiệm đúng – sai (Ghi lại vào giấy kiểm tra)

(Trong mỗi câu hỏi, thí sinh trả lời đúng hoặc sai cho mỗi ý (mệnh đề))

Câu 21: Phát biểu sau đây đúng hay sai?

- a) Khoan dung là bỏ qua mọi lỗi lầm của người khác.
b) Khoan dung không chỉ là tha thứ cho người khác mà còn là tha thứ cho chính mình.
c) Không bao giờ phê bình người khác là biểu hiện của khoan dung.
d) Khoan dung là chấp nhận mọi sở thích, thói quen của người khác.

Câu 22: Phát biểu sau đây đúng/sai?

- a) Sống có lí tưởng là biết xác định mục đích của bản thân và có hướng phấn đấu để thực hiện mục đích đó.
b) Cho dù ở giai đoạn lịch sử nào thì lí tưởng của thanh niên cũng giống nhau.
c) Sống có lí tưởng là cảm thấy hạnh phúc khi làm điều có ích cho cộng đồng, quốc gia và nhân loại.
d) Sống có lí tưởng là sống vì bản thân mình trước rồi mới quan tâm đến lợi ích của người khác và xã hội.

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Đọc trường hợp sau đây và trả lời câu hỏi

Bích là thành viên tích cực tham gia hoạt động cộng đồng ở trường học. Ngoài thời gian học tập trên lớp, Bích thường cùng với thầy cô và bạn bè tham gia các dự án thiện nguyện vì cộng đồng. Bích luôn tâm niệm rằng cho đi là còn mãi, chia sẻ yêu thương với những người có hoàn cảnh khó khăn là đang ươm mầm hạnh phúc. Khi thấy Bích dành nhiều tâm huyết tham gia hoạt động cộng đồng, bạn thân của Bích khuyên Bích không nên tham gia hoạt động này để tránh ảnh hưởng đến việc học tập trên lớp.

a) Em hãy cho biết hoạt động cộng đồng nào được thể hiện trong trường hợp trên. Hoạt động đó do chủ thể nào thực hiện?

b) Em hãy cho biết ý nghĩa của hoạt động cộng đồng đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Theo em, các chủ thể tham gia hoạt động cộng đồng trên sẽ mang đến điều gì cho cộng đồng?

----- HẾT -----

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC: 2024 - 2025

HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI
Môn thi: GDCD 9
Ngày thi: 30/10/2024
Thời gian: 45 phút

Mã đề: 901

Phần I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Mỗi câu đúng đạt 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	A	C	C	B	B	A	B	D	B	A	A	D	D	B	D	A	B	A	D	B

Câu	21				22			
	a	b	c	d	a	b	c	d
ĐA	S	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	S

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Nội dung	Điểm
a/ Hoạt động cộng đồng và chủ thể thực hiện trong trường hợp trên là + Hoạt động: Tham gia dự án thiện nguyện, quyên góp, ủng hộ sách vở, đồ dùng học tập cho các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn + Chủ thể: Thầy cô giáo và các em học sinh thực hiện	0.5 0.5
b/ Ý nghĩa + Đối với xã hội: Góp phần giúp các bạn có hoàn cảnh khó có điều kiện học tập và tiếp cận tri thức để vươn lên. Qua hoạt động này góp phần thực hiện quyền bình đẳng xã hội + Đối với cá nhân. Thể hiện tình thương thân thương ái giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống	1
c/ Các chủ thể tham gia vào hoạt động cộng đồng sẽ góp phần tạo cơ hội để mỗi cá nhân được giáo dục, học hỏi và rèn luyện, mở rộng hiểu biết và nâng cao giá trị bản thân,	1

BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG CM

NHÓM TRƯỞNG CM

Ngô Thị Bích Liên

Lưu Hoàng Trang

Phùng Thị Vui

Mã đề: 902

Phần I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Hoạt động cộng đồng là các hoạt động:

- A. thương mại đem lại lợi ích. B. vui chơi, giải trí cho cá nhân.
C. nhằm góp phần hỗ trợ cộng đồng. D. liên quan tới tổ chức kinh doanh.

Câu 2. Khoan dung là rộng lòng

- A. đòi hỏi. B. áp bức. C. tha thứ. D. xử phạt.

Câu 3. Biểu hiện nào sau đây thể hiện lý tưởng sống của thanh niên Việt Nam?

- A. Đánh đổi mọi thứ để đạt được tiền tài. B. Chỉ quan tâm tới những lợi ích.
C. Lãng phí thời gian vào các trò tiêu khiển. D. Sống cống hiến vì xã hội.

Câu 4. Việc làm nào dưới đây không biểu hiện lí tưởng sống cao đẹp, đúng đắn của thanh niên Việt Nam hiện nay?

- A. Ra sức học tập, rèn luyện để hội nhập. B. Tích cực quyên góp ủng hộ người nghèo
C. Tích cực tham gia hoạt động từ thiện. D. Sống ích kỷ, vô cảm.

Câu 5. Khoan dung là

- A. thông cảm, biết chấp nhận sự khác biệt. B. luôn né tránh khi gặp mâu thuẫn.
C. sự phê phán, chỉ trích lỗi sai. D. luôn đồng ý với ý kiến của mọi người.

Câu 6. Điền vào chỗ chấm: “Lí tưởng là mục đích ... mà con người mong muốn đạt tới.”

- A. mãnh liệt B. cao đẹp nhất C. đẹp đẽ D. quan trọng

Câu 7. Công dân cần thể hiện sự tích cực tham gia các hoạt động khi

- A. giúp đỡ người gặp khó khăn. B. xâm phạm tài sản công.
C. bao che cho người phạm tội. D. từ chối tham gia bầu cử.

Câu 8. Cái đích của cuộc sống mà mỗi người khát khao muốn đạt được được gọi là gì?

- A. Mong muốn. B. Lý tưởng sống. C. Mục đích. D. Mục tiêu.

Câu 9. Để trở thành người có lòng khoan dung, mỗi người cần làm gì sau đây?

- A. Phê phán lối sống ích kỉ. B. Đề cao quan điểm cá nhân.
C. Khó chịu khi bị chỉ trích. D. Né tránh khó khăn, thử thách.

Câu 10. Điền vào chỗ chấm: “Truyền thống khoan dung được thể hiện qua cách ... của con người trong các mối quan hệ xã hội.”

- A. hành động B. tâm tư C. nói chuyện D. ứng xử

Câu 11. Hoạt động nào sau đây được coi là hoạt động đóng góp lợi ích chung cho cộng đồng?

- A. Đầu tư vào thị trường chứng khoán. B. Chung tay dọn sạch rác trên biển.
C. Tổ chức các buổi tiệc tùng riêng tư. D. Khảo sát công việc kinh doanh.

Câu 12. Câu tục ngữ: Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại, nói về phẩm chất đạo đức nào dưới đây?

- A. Lòng khoan dung. B. Tinh thần đoàn kết.
C. Lòng biết ơn. D. Lòng trung thành.

Câu 13. Người sống có lý tưởng luôn

- A. đóng góp lợi ích cho xã hội. B. quyết tâm làm giàu bằng mọi cách.
C. đề cao lợi ích của bản thân. D. thiếu lập trường trong công việc.

Câu 14. Học sinh tích cực hưởng ứng hoạt động thấp nền tri ân tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ là đã tham gia các hoạt động cộng đồng ở nội dung nào dưới đây?

A. Hoạt động nhân đạo, từ thiện.

B. Hoạt động bảo vệ di sản văn hóa.

C. Hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

D. Hoạt động bảo vệ môi trường.

Câu 15. Sống có lý tưởng giúp thanh niên có được điều gì?

A. Động lực để phát triển bản thân.

B. Thời gian nghỉ ngơi và giải trí.

C. Dễ dàng bị cám dỗ.

D. Dễ dàng bỏ cuộc trước những khó khăn.

Câu 16. Người sống có lý tưởng là người xác định được mục đích sống

A. tư lợi.

B. phi thường.

C. tầm thường.

D. cao đẹp.

Câu 17. Đối với cá nhân, hoạt động cộng đồng giúp các cá nhân

A. được thăng quan, tiến chức.

B. thu được nhiều lợi nhuận.

C. được mở rộng hiểu biết.

D. được bổ sung quyền lực.

Câu 18. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lòng khoan dung?

A. Là sống cởi mở và chân thành.

B. Là đức tính quý báu của con người.

C. Tạo ra sự gắn kết giữa mọi người.

D. Làm con người cảm thấy lo lắng.

Câu 19. Nhiệm vụ trước mắt của thanh niên là?

A. Xây dựng tiềm lực về con người cho nhà nước XHCN.

B. Thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

C. Xây dựng nhà nước XHCN.

D. Xây dựng cơ sở vật chất cho nhà nước XHCN.

Câu 20. Học sinh cần rèn luyện kĩ năng nào sau đây khi tham gia các hoạt động cộng đồng?

A. Kĩ năng làm việc nhóm.

B. Kĩ năng lập trình.

C. Kĩ năng giải toán.

D. Kĩ năng tự học.

Trắc nghiệm đúng – sai (Ghi lại vào giấy kiểm tra)

(Trong mỗi câu hỏi, thí sinh trả lời đúng hoặc sai cho mỗi ý (mệnh đề))

Câu 21: Phát biểu sau đây đúng hay sai?

a) Khoan dung là bỏ qua mọi lỗi lầm của người khác.

b) Khoan dung không chỉ là tha thứ cho người khác mà còn là tha thứ cho chính mình.

c) Không bao giờ phê bình người khác là biểu hiện của khoan dung.

d) Khoan dung là chấp nhận mọi sở thích, thói quen của người khác.

Câu 22: Phát biểu sau đây đúng/sai?

a) Sống có lý tưởng là biết xác định mục đích và có hướng phấn đấu để thực hiện mục đích đó.

b) Cho dù ở giai đoạn lịch sử nào thì lý tưởng của thanh niên cũng giống nhau.

c) Sống có lý tưởng là cảm thấy hạnh phúc khi làm điều có ích cho cộng đồng.

d) Sống có lý tưởng là sống vì bản thân mình trước rồi mới quan tâm đến người khác và xã hội.

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Đọc trường hợp sau đây và trả lời câu hỏi

Bích là thành viên tích cực tham gia hoạt động cộng đồng ở trường học. Ngoài thời gian học tập trên lớp, Bích thường cùng với thầy cô và bạn bè tham gia các dự án thiện nguyện vì cộng đồng. Bích luôn tâm niệm rằng cho đi là còn mãi, chia sẻ yêu thương với những người có hoàn cảnh khó khăn là đang ươm mầm hạnh phúc. Khi thấy Bích dành nhiều tâm huyết tham gia hoạt động cộng đồng, bạn thân của Bích khuyên Bích không nên tham gia hoạt động này để tránh ảnh hưởng đến việc học tập trên lớp.

a) Em hãy cho biết hoạt động cộng đồng nào được thể hiện trong trường hợp trên. Hoạt động đó do chủ thể nào thực hiện?

b) Em hãy cho biết ý nghĩa của hoạt động cộng đồng đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Theo em, các chủ thể tham gia hoạt động cộng đồng trên sẽ mang đến điều gì cho cộng đồng?

----- HẾT -----

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC: 2024 - 2025

HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI
Môn thi: GDCD 9
Ngày thi: 30/10/2024
Thời gian: 45 phút

Mã đề: 902

Phần I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Mỗi câu đúng đạt 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	C	C	D	D	A	B	A	B	A	D	B	A	A	C	A	D	C	D	C	A

Câu	21				22			
	a	b	c	d	a	b	c	d
ĐA	S	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	S

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Nội dung	Điểm
a/ Hoạt động cộng đồng và chủ thể thực hiện trong trường hợp trên là + Hoạt động: Tham gia dự án thiện nguyện, quyên góp, ủng hộ sách vở, đồ dùng học tập cho các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn + Chủ thể: Thầy cô giáo và các em học sinh thực hiện	0.5 0.5
b/ Ý nghĩa + Đối với xã hội: Góp phần giúp các bạn có hoàn cảnh khó có điều kiện học tập và tiếp cận tri thức để vươn lên. Qua hoạt động này góp phần thực hiện quyền bình đẳng xã hội + Đối với cá nhân. Thể hiện tình thương thân thương ái giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống	1 1
c/ Các chủ thể tham gia vào hoạt động cộng đồng sẽ góp phần tạo cơ hội để mỗi cá nhân được giáo lưu, học hỏi và rèn luyện, mở rộng hiểu biết và nâng cao giá trị bản thân,	

BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG CM

NHÓM TRƯỞNG CM

Ngô Thị Bích Liên

Lưu Hoàng Trang

Phùng Thị Vui

Mã đề: 903

Phần I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Để trở thành người có lòng khoan dung, mỗi người cần làm gì sau đây?

- A. Né tránh khó khăn, thử thách. B. Khó chịu khi bị chỉ trích.
C. Đề cao quan điểm cá nhân. D. Phê phán lối sống ích kỷ.

Câu 2. Nhiệm vụ trước mắt của thanh niên là?

- A. Xây dựng nhà nước XHCN.
B. Xây dựng cơ sở vật chất cho nhà nước XHCN.
C. Xây dựng tiềm lực về con người cho nhà nước XHCN.
D. Thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Câu 3. Đối với cá nhân, hoạt động cộng đồng giúp các cá nhân

- A. được thăng quan, tiến chức. B. được bổ sung quyền lực.
C. thu được nhiều lợi nhuận. D. được mở rộng hiểu biết.

Câu 4. Người sống có lý tưởng là người xác định được mục đích sống

- A. cao đẹp. B. tầm thường. C. phi thường. D. tư lợi.

Câu 5. Học sinh cần rèn luyện kĩ năng nào sau đây khi tham gia các hoạt động cộng đồng?

- A. Kĩ năng tự học. B. Kĩ năng làm việc nhóm.
C. Kĩ năng lập trình. D. Kĩ năng giải toán.

Câu 6. Khoan dung là

- A. luôn đồng ý với ý kiến của mọi người. B. phê phán, chỉ trích lỗi sai của người khác.
C. thông cảm, biết chấp nhận sự khác biệt. D. luôn né tránh khi gặp mâu thuẫn.

Câu 7. Sống có lý tưởng giúp thanh niên có được điều gì?

- A. Động lực để phát triển bản thân. B. Dễ dàng bị cám dỗ.
C. Thời gian nghỉ ngơi và giải trí. D. Dễ dàng bỏ cuộc trước những khó khăn.

Câu 8. Khoan dung là rộng lòng

- A. xử phạt. B. áp bức. C. tha thứ. D. đòi hỏi.

Câu 9. Câu tục ngữ: Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại, nói về phẩm chất đạo đức nào dưới đây?

- A. Lòng khoan dung. B. Lòng biết ơn.
C. Tinh thần đoàn kết. D. Lòng trung thành.

Câu 10. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lòng khoan dung?

- A. Tạo ra sự gắn kết giữa mọi người. B. Là đức tính quý báu của con người.
C. Làm con người cảm thấy lo lắng. D. Là sống cởi mở và chân thành.

Câu 11. Công dân cần thể hiện sự tích cực tham gia các hoạt động khi

- A. bao che cho người phạm tội. B. xâm phạm tài sản công.
C. giúp đỡ người gặp khó khăn. D. từ chối tham gia bầu cử.

Câu 12. Việc làm nào dưới đây không biểu hiện lí tưởng sống cao đẹp, đúng đắn của thanh niên Việt Nam hiện nay?

- A. Sống ích kỷ, vô cảm. B. Tích cực tham gia hoạt động từ thiện.
C. Ra sức học tập, rèn luyện để hội nhập. D. Tích cực quyền góp ủng hộ người nghèo

Câu 13. Điền vào chỗ chấm: “Truyền thống khoan dung được thể hiện qua cách ... của con người trong các mối quan hệ xã hội.”

- A. hành động B. nói chuyện C. tâm tư D. ứng xử

Câu 14. Điền vào chỗ chấm: “Lí tưởng là mục đích ... mà con người mong muốn đạt tới.”

- A. cao đẹp nhất B. đẹp đẽ C. quan trọng D. mãnh liệt

Câu 15. Cái đích của cuộc sống mà mỗi người khát khao muốn đạt được được gọi là gì?

- A. Mục đích. B. Mong muốn. C. Mục tiêu. D. Lý tưởng sống.

Câu 16. Người sống có lý tưởng luôn

- A. quyết tâm làm giàu bằng mọi cách.
- C. thiếu lập trường trong công việc.

- B. đề cao lợi ích của bản thân.
- D. đóng góp lợi ích cho xã hội.

Câu 17. Biểu hiện nào sau đây thể hiện lý tưởng sống của thanh niên Việt Nam?

- A. Đánh đổi mọi thứ để đạt được tiền tài.
- C. Sống cống hiến vì xã hội.

- B. Chỉ quan tâm tới những lợi ích.
- D. Lãng phí thời gian vào các trò tiêu khiển.

Câu 18. Hoạt động cộng đồng là các hoạt động:

- A. vui chơi, giải trí cho cá nhân.
- C. thương mại đem lại lợi ích.

- B. liên quan tới tổ chức kinh doanh.
- D. nhằm góp phần hỗ trợ cộng đồng.

Câu 19. Hoạt động nào sau đây được coi là hoạt động đóng góp lợi ích chung cho cộng đồng?

- A. Đầu tư vào thị trường chứng khoán.
- C. Khảo sát công việc kinh doanh.

- B. Chung tay dọn sạch rác trên biển.
- D. Tổ chức các buổi tiệc tùng riêng tư.

Câu 20. Học sinh tích cực hưởng ứng hoạt động thấp nền tri ân tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ là đã tham gia các hoạt động cộng đồng ở nội dung nào dưới đây?

- A. Hoạt động nhân đạo, từ thiện.
- C. Hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

- B. Hoạt động bảo vệ di sản văn hóa.
- D. Hoạt động bảo vệ môi trường.

Trắc nghiệm đúng – sai (Ghi lại vào giấy kiểm tra)

(Trong mỗi câu hỏi, thí sinh trả lời đúng hoặc sai cho mỗi ý (mệnh đề))

Câu 21: Phát biểu sau đây đúng hay sai?

- a) Khoan dung là bỏ qua mọi lỗi lầm của người khác.
- b) Khoan dung không chỉ là tha thứ cho người khác mà còn là tha thứ cho chính mình.
- c) Không bao giờ phê bình người khác là biểu hiện của khoan dung.
- d) Khoan dung là chấp nhận mọi sở thích, thói quen của người khác.

Câu 22: Phát biểu sau đây đúng hay sai?

- a) Sống có lý tưởng là biết xác định mục đích và có hướng phấn đấu để thực hiện mục đích đó.
- b) Cho dù ở giai đoạn lịch sử nào thì lý tưởng của thanh niên cũng giống nhau.
- c) Sống có lý tưởng là cảm thấy hạnh phúc khi làm điều có ích cho cộng đồng.
- d) Sống có lý tưởng là sống vì bản thân mình trước rồi mới quan tâm đến lợi ích của người khác và xã hội.

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Đọc trường hợp sau đây và trả lời câu hỏi

Hưởng ứng phong trào ủng hộ xây trường học cho học sinh ở vùng cao, trường X đã tổ chức giải chạy. Với mỗi học sinh tham gia cuộc thi, nhà trường sẽ đóng góp 20 nghìn đồng để ủng hộ cho phong trào. Thông qua hoạt động này, tổng số tiền ủng hộ là 30 triệu đồng, trong đó có 10 triệu đồng được nhà trường tài trợ từ 500 học sinh tham gia giải chạy và 20 triệu đồng đến từ các nhà hảo tâm. Mỗi bạn học sinh tham gia giải chạy đều cảm thấy việc làm của mình thật ý nghĩa, góp phần phát huy sức mạnh của cộng đồng.

a) Em hãy cho biết hoạt động cộng đồng nào được thể hiện trong trường hợp trên. Hoạt động đó do chủ thể nào thực hiện?

b) Em hãy cho biết ý nghĩa của hoạt động cộng đồng đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Theo em, các chủ thể tham gia hoạt động cộng đồng trên sẽ mang đến điều gì cho cộng đồng?

----- HẾT -----

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC: 2024 - 2025

HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI
Môn thi: GDCD 9
Ngày thi: 30/10/2024
Thời gian: 45 phút

Mã đề: 903

Phần I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Mỗi câu đúng đạt 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	D	A	D	A	B	C	A	C	A	C	C	A	D	A	D	D	C	D		C

Câu	21				22			
	a	b	c	d	a	b	c	d
ĐA	S	Đ	S	Đ	Đ	Đ	Đ	S

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Nội dung	Điểm
a/ Hoạt động cộng đồng và chủ thể thực hiện trong trường hợp trên là + Hoạt động: Giải chạy đề quyền góp ủng hộ học sinh vùng cao + Chủ thể: Nhà trường và các em học sinh thực hiện	0.5 0.5
b/ Ý nghĩa + Đối với xã hội: Góp phần giúp các trẻ em vùng cao có điều kiện học tập và tiếp cận tri thức để vươn lên. Qua hoạt động này góp phần thực hiện quyền bình đẳng xã hội + Đối với cá nhân. Thể hiện tình thương thân thương ái giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống	0.5 0.5
c/ Các chủ thể tham gia vào hoạt động cộng đồng sẽ góp phần tạo cơ hội để mỗi cá nhân được giáo lưu, học hỏi và rèn luyện, mở rộng hiểu biết và nâng cao giá trị bản thân,	1

BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG CM

NHÓM TRƯỞNG CM

Ngô Thị Bích Liên

Lưu Hoàng Trang

Phùng Thị Vui

Mã đề: 904

Phần I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về lòng khoan dung?

- A. Tạo ra sự gắn kết giữa mọi người.
B. Là sống cởi mở và chân thành.
C. Làm con người cảm thấy lo lắng.
D. Là đức tính quý báu của con người.

Câu 2. Hoạt động cộng đồng là các hoạt động:

- A. nhằm góp phần hỗ trợ cộng đồng.
B. vui chơi, giải trí cho cá nhân.
C. liên quan tới tổ chức kinh doanh.
D. thương mại đem lại lợi ích.

Câu 3. Đối với cá nhân, hoạt động cộng đồng giúp các cá nhân

- A. thu được nhiều lợi nhuận.
B. được thăng quan, tiến chức.
C. được bổ sung quyền lực.
D. được mở rộng hiểu biết.

Câu 4. Để trở thành người có lòng khoan dung, mỗi người cần làm gì sau đây?

- A. Đề cao quan điểm cá nhân.
B. Né tránh khó khăn, thử thách.
C. Khó chịu khi bị chỉ trích.
D. Phê phán lối sống ích kỉ.

Câu 5. Điền vào chỗ chấm: “Lí tưởng là mục đích ... mà con người mong muốn đạt tới.”

- A. mãnh liệt
B. cao đẹp nhất
C. quan trọng
D. đẹp đẽ

Câu 6. Học sinh tích cực hưởng ứng hoạt động thấp nền tri ân tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ là đã tham gia các hoạt động cộng đồng ở nội dung nào dưới đây?

- A. Hoạt động bảo vệ môi trường.
B. Hoạt động đền ơn đáp nghĩa.
C. Hoạt động bảo vệ di sản văn hóa.
D. Hoạt động nhân đạo, từ thiện.

Câu 7. Hoạt động nào sau đây được coi là hoạt động đóng góp lợi ích chung cho cộng đồng?

- A. Đầu tư vào thị trường chứng khoán.
B. Chung tay dọn sạch rác trên biển.
C. Tổ chức các buổi tiệc tùng riêng tư.
D. Khảo sát công việc kinh doanh.

Câu 8. Điền vào chỗ chấm: “Truyền thống khoan dung được thể hiện qua cách ... của con người trong các mối quan hệ xã hội.”

- A. hành động
B. nói chuyện
C. tâm tư
D. ứng xử

Câu 9. Khoan dung là rộng lòng

- A. đòi hỏi.
B. tha thứ.
C. áp bức.
D. xử phạt.

Câu 10. Người sống có lý tưởng là người xác định được mục đích sống

- A. tư lợi.
B. cao đẹp.
C. phi thường.
D. tầm thường.

Câu 11. Khoan dung là

- A. luôn né tránh khi gặp mâu thuẫn.
B. thông cảm, biết chấp nhận sự khác biệt.
C. luôn đồng ý với ý kiến của mọi người.
D. phê phán, chỉ trích lỗi sai của người khác.

Câu 12. Việc làm nào dưới đây không biểu hiện lí tưởng sống cao đẹp, đúng đắn của thanh niên Việt Nam hiện nay?

- A. Ra sức học tập, rèn luyện để hội nhập.
B. Sống ích kỷ, vô cảm.
C. Tích cực tham gia hoạt động từ thiện.
D. Tích cực quyền góp ủng hộ người nghèo

Câu 13. Sống có lý tưởng giúp thanh niên có được điều gì?

- A. Dễ dàng bỏ cuộc trước những khó khăn.
B. Động lực để phát triển bản thân.
C. Thời gian nghỉ ngơi và giải trí.
D. Dễ dàng bị cám dỗ.

Câu 14. Cái đích của cuộc sống mà mỗi người khát khao muốn đạt được được gọi là gì?

- A. Lý tưởng sống.
B. Mục tiêu.
C. Mong muốn.
D. Mục đích.

Câu 15. Công dân cần thể hiện sự tích cực tham gia các hoạt động khi

- A. xâm phạm tài sản công.
B. giúp đỡ người gặp khó khăn.
C. từ chối tham gia bầu cử.
D. bao che cho người phạm tội.

Câu 16. Nhiệm vụ trước mắt của thanh niên là?

- A. Xây dựng tiềm lực về con người cho nhà nước XHCN.
- B. Xây dựng cơ sở vật chất cho nhà nước XHCN.
- C. Xây dựng nhà nước XHCN.
- D. Thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Câu 17. Biểu hiện nào sau đây thể hiện lý tưởng sống của thanh niên Việt Nam?

- A. Chỉ quan tâm tới những lợi ích.
- B. Đánh đổi mọi thứ để đạt được tiền tài.
- C. Lãng phí thời gian vào các trò tiêu khiển.
- D. Sống cống hiến vì xã hội.

Câu 18. Câu tục ngữ: Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại, nói về phẩm chất đạo đức nào dưới đây?

- A. Tinh thần đoàn kết.
- B. Lòng khoan dung.
- C. Lòng trung thành.
- D. Lòng biết ơn.

Câu 19. Người sống có lý tưởng luôn

- A. đề cao lợi ích của bản thân.
- B. quyết tâm làm giàu bằng mọi cách.
- C. thiếu lập trường trong công việc.
- D. đóng góp lợi ích cho xã hội.

Câu 20. Học sinh cần rèn luyện kỹ năng nào khi tham gia các hoạt động cộng đồng?

- A. Kỹ năng lập trình.
- B. Kỹ năng tự học.
- C. Kỹ năng làm việc nhóm.
- D. Kỹ năng giải toán.

Trắc nghiệm đúng – sai (Ghi lại vào giấy kiểm tra)

(Trong mỗi câu hỏi, thí sinh trả lời đúng hoặc sai cho mỗi ý (mệnh đề))

Câu 21: Phát biểu sau đây đúng hay sai?

- a) Sống có lý tưởng là biết xác định mục đích và có hướng phấn đấu để thực hiện mục đích đó.
- b) Cho dù ở giai đoạn lịch sử nào thì lý tưởng của thanh niên cũng giống nhau.
- c) Sống có lý tưởng là cảm thấy hạnh phúc khi làm điều có ích cho cộng đồng.
- d) Sống có lý tưởng là sống vì bản thân mình trước rồi mới quan tâm đến lợi ích của người khác và xã hội.

Câu 22: Phát biểu sau đây đúng hay sai?

- a) Khoan dung là bỏ qua mọi lỗi lầm của người khác.
- b) Khoan dung không chỉ là tha thứ cho người khác mà còn là tha thứ cho chính mình.
- c) Không bao giờ phê bình người khác là biểu hiện của khoan dung.
- d) Khoan dung là chấp nhận mọi sở thích, thói quen của người khác.

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Đọc trường hợp sau đây và trả lời câu hỏi

Hưởng ứng phong trào ủng hộ xây trường học cho học sinh ở vùng cao, trường X đã tổ chức giải chạy. Với mỗi học sinh tham gia cuộc thi, nhà trường sẽ đóng góp 20 nghìn đồng để ủng hộ cho phong trào. Thông qua hoạt động này, tổng số tiền ủng hộ là 30 triệu đồng, trong đó có 10 triệu đồng được nhà trường tài trợ từ 500 học sinh tham gia giải chạy và 20 triệu đồng đến từ các nhà hảo tâm. Mỗi bạn học sinh tham gia giải chạy đều cảm thấy việc làm của mình thật ý nghĩa, góp phần phát huy sức mạnh của cộng đồng.

a) Em hãy cho biết hoạt động cộng đồng nào được thể hiện trong trường hợp trên. Hoạt động đó do chủ thể nào thực hiện?

b) Em hãy cho biết ý nghĩa của hoạt động cộng đồng đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Theo em, các chủ thể tham gia hoạt động cộng đồng trên sẽ mang đến điều gì cho cộng đồng?

----- HẾT -----

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC: 2024 - 2025

HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI
Môn thi: GDCD 9
Ngày thi: 30/10/2024
Thời gian: 45 phút

Mã đề: 904

Phần I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Mỗi câu đúng đạt 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	C	A	D	D	B	B	A	D	B	B	B	B	B	B	B	C	D	B	D	C

Câu	21				22			
	a	b	c	d	a	b	c	d
ĐA	Đ	Đ	Đ	S	S	Đ	S	Đ

Phần II: Tự luận (3 điểm)

Nội dung	Điểm
a/ Hoạt động cộng đồng và chủ thể thực hiện trong trường hợp trên là + Hoạt động: Giải chạy để tuyên góp ủng hộ học sinh vùng cao + Chủ thể: Nhà trường và các em học sinh thực hiện	0.5 0.5
b/ Ý nghĩa + Đối với xã hội: Góp phần giúp các trẻ em vùng cao có điều kiện học tập và tiếp cận tri thức để vươn lên. Qua hoạt động này góp phần thực hiện quyền bình đẳng xã hội + Đối với cá nhân. Thể hiện tình thương thân thương ái giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống	0.5 0.5
c/ Các chủ thể tham gia vào hoạt động cộng đồng sẽ góp phần tạo cơ hội để mỗi cá nhân được giáo lưu, học hỏi và rèn luyện, mở rộng hiểu biết và nâng cao giá trị bản thân,	1

BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG CM

NHÓM TRƯỞNG CM

Ngô Thị Bích Liên

Lưu Hoàng Trang

Phùng Thị Vui

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 1 to 2

Question 1. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

We were on our way to the airport to catch an early flight. Everything seemed to be going well until we hit a major problem.

- a. When we finally arrived at the airport, we were told that the check-in had already closed.
- b. We got stuck in a traffic jam that lasted for more than an hour.
- c. We tried calling the airline, but there was nothing they could do.

A. a - b - c B. b - a - c C. c - a - b D. b - c - a

Question 2. Choose the sentence that can end the text (in question 1) most appropriately

- A. After missing the flight, we decided to explore the city instead.
- B. We arrived just in time and caught the flight.
- C. We missed the flight, so we had to reschedule our trip.
- D. Luckily, we managed to book another flight for four days later.

Read the following announcement and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 3 to 6.

STAYING HEALTHY WHILE STUDYING

To stay healthy while studying, try these easy tips:

- Take breaks to stand up and move (3)
- Drink (4) water all day to stay healthy.
- (5) your desk clean and tidy to feel better.
- If you feel tired, (6) some deep breaths to feel relaxed.

- Question 3.** A. around B. off C. on D. up
- Question 4.** A. more B. enough C. many D. little
- Question 5.** A. Leave B. Put C. Keep D. Bring
- Question 6.** A. take B. wait C. stop D. run

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer that best fits each of the numbered blanks from 7 to 10

In Bizen City in Okayama Prefecture, Japan, there is a long tradition of pottery. (7) The artisans make the pottery by hand using clay from the area. There are six traditional shapes of Bizen-yaki: bowls, plates, cups, flower vases, pots, and jars. The artisans of Bizen City have handed down their skills from generation to generation to preserve (8) In the old days, people used Bizen-yaki pots to cook rice and vegetables. Today, Bizen-yaki is popular because it is beautiful and useful. People now use it to drink tea and coffee, eat food and plant flowers. (9) While eating Kobe beef is a special experience for visitors to Japan, offering a little taste of Japanese luxury, Bizen-yaki is (10)

- A. the original way of making Bizen-yaki
- B. People have been making Bizen-yaki (Japanese pottery) here for over 1,000 years
- C. Both Kobe beef and Bizen-yaki are crucial and beautiful parts of Japanese culture
- D. part of everyday life in Japan

- Question 7.**
- Question 8.**
- Question 9.**
- Question 10.**

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions

Question 11. A. hologram

B. healthy

C. honor

D. happiness

Question 12. A. handicraft

B. garbage

C. attract

D. tram

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Question 13. What does the notice say?

- A. The shopping centre is closed.
- B. There are no free parking spaces.
- C. The shopping centre has slots for parking.
- D. The cinema is closed.

Cinema parking is full.

Please use the free one in the shopping centre.

Question 14. What does the sign say?



- A. You shouldn't speak to anyone in this area.
- B. A. You don't have to raise your voice in this area.
- C. You must be quiet in this area.
- D. You mustn't talk in this area.

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions

Question 15. A. congested

B. physical

C. pottery

D. firefighter

Question 16. A. produce

B. shorten

C. preserve

D. delay

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 17 to 22

In the Mekong Delta, Long Dinh village of Tien Giang province is famous for its traditional craft of weaving flowered mats. The mat's high quality makes them popular **domestically**, and they are also exported to markets worldwide including Korea, Japan and America.

This traditional craft was first introduced by immigrants from Kim Son, a famous mat weaving village in the northern province of Ninh Binh. However, the technique of weaving sedge mats in Long Dinh, as compared with other places in the South, is somewhat different. Long Dinh branded mats are thicker and have more attractive colors and patterns.

Weaving sedge mats is similar to growing rice. Long Dinh mat production mainly occurs during the dry season, from January to April. Weavers have to work their hardest in May and June; otherwise, when the rainy season starts in July, they will have to delay finishing their products till the next dry season. No matter how much work it requires, Long Dinh mat producers stick with this **occupation**, as it brings a higher income than growing rice.

This trade provides employment for thousands of local laborers. At present, nearly 1,000 households in Long Dinh village live on weaving mats. To better meet market demands, Long Dinh mat weavers have created more products in addition to the traditional sedge mats.

Thanks to the planning and further investment, the mat weaving occupation has indeed brought in more income for local residents. Their living standards have improved considerably, resulting in better conditions for the whole village.

Question 17. When do weavers mainly produce mat?

- A. in July
- B. in the dry season
- C. from July to the next dry season
- D. in the rainy season

Question 18. The word "**domestically**" in the passage is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. internationally
- B. nationwide
- C. household
- D. nationally

Question 19. We can infer from the passage that _____.

- A. most of the households in Long Dinh village live on weaving mats
- B. the craft contributes much to the village economy
- C. Long Dinh mat production is only famous in foreign markets
- D. the new technique makes laborers work in the dry season

Question 20. What is the main idea of the passage?

- A. The export of mat weaving in Long Dinh village.
- B. The challenges faced by Long Dinh mat weavers.
- C. A well-known traditional craft village in the Mekong Delta.
- D. The unique techniques used to weave mats in Long Dinh village.

Question 21. All of the following are true about the craft in Long Dinh EXCEPT that _____.

- A. The living standards of people in the village haven't improved much.
- B. it has the origin from Kim Son, Ninh Binh
- C. the techniques are a little bit different from those in other regions
- D. the mats have more attractive colors and designs

Question 22. The word "**occupation**" in the passage is CLOSEST in meaning to _____.

- A. technique
- B. business
- C. relaxation
- D. entertainment

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Question 23. The city is now a big _____ site with many half – finished buildings.

- A. construction
- B. storage
- C. tourist
- D. waste

Question 24. The company is planning to _____ a new office in the downtown area.

- A. try out
- B. set up
- C. look for
- D. put up with

Question 25. The _____ is essential for daily commuting in large cities.

- A. high crime rate
- B. food waste
- C. green space
- D. public transport

Question 26. Prioritizing sleep is crucial. Don't delay bedtime due to _____.

- A. distracted
- B. distracting
- C. distractions
- D. distract

Question 27. Individuals should be responsible _____ receiving local cultures.

- A. on
- B. at
- C. about
- D. for

Question 28. My neighbor is driving me mad! It seems that _____ it is at night, _____ he plays his music!

- A. the later/the louder
- B. the less/ the more loud
- C. the more late/ the more loudly
- D. the less/less

Question 29. Before summer break, Trang talks with Lan.

Trang: "Have a nice holiday!"

Lan: "_____"

- A. Never mind
- B. Same to you!
- C. Thank you. That's so kind of you!
- D. My bad!

Question 30. If you _____ away from negative influences, you _____ feel happier.

- A. will stay - might
- B. stays - may
- C. stay - might
- D. stay - should

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 19 to 24 in each of the following questions

When we feel anxious, we often give ourselves negative messages like: "I can't do this", "I'm useless" and "I'm going to fail".

It can be difficult but try to replace these with (31) _____ such as: 'this is just anxiety, it can't harm me' and, 'relax, concentrate - it's going to be okay'.

Picturing how you'd like things to go can help you feel more positive. Try to (32) _____ yourself turning up to an exam feeling confident and relaxed. You turn over your paper, write down what you do know and come away knowing you tried your best on the day.

It can sometimes feel like your whole future depends on (33) _____ grades you get. There can be pressure on young people to do well in exams which can cause (34) _____. You might have been predicted certain grades or put into a higher set, and feel if you don't get the grade, you'll get your teachers or parents (35) _____.

Remember, exams are important but they're not the only way to a successful future. Lots of people achieve success in life (36) _____ in school exams.

Question 31. A. thought positive B. positive thinkings C. positive thoughts D. positive a thought

Question 32. A. imaginative B. imagination C. imagine D. imagining

- Question 33. A. when B. how C. why D. what
 Question 34. A. lot of stress B. lots stress C. a lot stress D. a lot of stress
 Question 35. A. down B. off C. on D. up
 Question 36. A. but doing well B. by doing well C. without doing well D. as doing well

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions

Question 37. He refused the job since it sounded boring.

- A. He set up the job as it sounded boring.
- B. He passed down the job since it sounded boring.
- C. He turned down the job as it sounded boring.
- D. He got over the job since it sounded boring.

Question 38. The visitors wanted to know what they should do on their first day in Hanoi.

- A. The visitors wanted to know what to do on their first day in Hanoi.
- B. The visitors didn't know what to do on their first day in Hanoi.
- C. The visitors know what to do because they wanted.
- D. The visitors wanted to know what to doing on their first day in Hanoi.

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions

Question 39. The / busy / city center, the / hard / it / find / car parking.

- A. The more busy the city center is, the more hard it is to find a car parking.
- B. The more busier the city center is, the more harder it is to find a car parking.
- C. The busy the city center is, the hard it is to find a car parking.
- D. The busier the city center is, the harder it is to find a car parking.

Question 40. Unless/ she/ finish/ work/ time/, / she/ get/ trouble.

- A. Unless she finishes her work on time, she will get into trouble.
- B. Unless she doesn't finish her work on time, she will get into trouble.
- C. Unless she finish her work on time, she get into trouble.
- D. Unless she finishes her work on time, she might get to trouble.

----- THE END -----

Name:

School year: 2024 - 2025

Class: 9A

Time allowed: 60 minutes

Code 902

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Question 1. What does the sign say?



- A. You mustn't talk in this area.
- B. You shouldn't speak to anyone in this area.
- C. You must be quiet in this area.
- D. A. You don't have to raise your voice in this area.

Question 2. What does the notice say?

- A. The shopping centre has slots for parking.
- B. There are no free parking spaces.
- C. The cinema is closed.
- D. The shopping centre is closed.

Cinema parking is full.

**Please use the free one in
the shopping centre.**

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 3 to 4

Question 3. *Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.*

We were on our way to the airport to catch an early flight. Everything seemed to be going well until we hit a major problem. _____.

- a. When we finally arrived at the airport, we were told that the check-in had already closed.
- b. We got stuck in a traffic jam that lasted for more than an hour.
- c. We tried calling the airline, but there was nothing they could do.

- A. b - c - a
- B. b - a - c
- C. c - a - b
- D. a - b - c

Question 4. *Choose the sentence that can end the text (in question 3) most appropriately*

- A. We arrived just in time and caught the flight.
- B. Luckily, we managed to book another flight for four days later.
- C. After missing the flight, we decided to explore the city instead.
- D. We missed the flight, so we had to reschedule our trip.

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer that best fits each of the numbered blanks from 5 to 8

In Bizen City in Okayama Prefecture, Japan, there is a long tradition of pottery. (5) _____. The artisans make the pottery by hand using clay from the area. There are six traditional shapes of Bizen-yaki: bowls, plates, cups, flower vases, pots, and jars. The artisans of Bizen City have handed down their skills from generation to generation to preserve (6) _____. In the old days, people used Bizen-yaki pots to cook rice and vegetables. Today, Bizen-yaki is popular because it is beautiful and useful. People now use it to drink tea and coffee, eat food and plant flowers. (7) _____. While eating Kobe beef is a special experience for visitors to Japan, offering a little taste of Japanese luxury, Bizen-yaki is (8) _____.

- A. part of everyday life in Japan
- B. People have been making Bizen-yaki (Japanese pottery) here for over 1,000 years
- C. the original way of making Bizen-yaki
- D. Both Kobe beef and Bizen-yaki are crucial and beautiful parts of Japanese culture

Question 5.

Question 6.

Question 7.

Question 8.

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Question 9. The city is now a big _____ site with many half – finished buildings.

- A. waste B. tourist C. construction D. storage

Question 10. Prioritizing sleep is crucial. Don't delay bedtime due to _____.

- A. distracting B. distract C. distracted D. distractions

Question 11. Before summer break, Trang talks with Lan.

Trang: "Have a nice holiday!"

Lan: "_____"

- A. Thank you. That's so kind of you! B. Same to you!
C. My bad! D. Never mind

Question 12. Individuals should be responsible _____ receiving local cultures.

- A. on B. about C. for D. at

Question 13. The _____ is essential for daily commuting in large cities.

- A. green space B. food waste C. public transport D. high crime rate

Question 14. If you _____ away from negative influences, you _____ feel happier.

- A. stay - should B. stay - might C. stays - may D. will stay - might

Question 15. My neighbor is driving me mad! It seems that _____ it is at night, _____ he plays his music!

- A. the less/ the more loud B. the later/the louder
C. the less/less D. the more late/ the more loudly

Question 16. The company is planning to _____ a new office in the downtown area.

- A. set up B. try out C. put up with D. look for

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 17 to 22 in each of the following questions

When we feel anxious, we often give ourselves negative messages like: "I can't do this", "I'm useless" and "I'm going to fail".

It can be difficult but try to replace these with (17) _____ such as: 'this is just anxiety, it can't harm me' and, 'relax, concentrate - it's going to be okay'.

Picturing how you'd like things to go can help you feel more positive. Try to (18) _____ yourself turning up to an exam feeling confident and relaxed. You turn over your paper, write down what you do know and come away knowing you tried your best on the day.

It can sometimes feel like your whole future depends on (19) _____ grades you get. There can be pressure on young people to do well in exams which can cause (20) _____. You might have been predicted certain grades or put into a higher set, and feel if you don't get the grade, you'll get your teachers or parents (21) _____.

Remember, exams are important but they're not the only way to a successful future. Lots of people achieve success in life (22) _____ in school exams.

Question 17. A. positive thinkings B. positive thoughts C. thought positive D. positive a thought

Question 18. A. imagining B. imagine C. imagination D. imaginative

Question 19. A. why B. when C. how D. what

Question 20. A. a lot stress B. lot of stress C. lots stress D. a lot of stress

Question 21. A. on B. off C. up D. down

Question 22. A. by doing well B. without doing well C. but doing well D. as doing well

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions

Question 23. Unless/ she/ finish/ work/ time/, / she/ get/ trouble.

- A. Unless she finishes her work on time, she might get to trouble.
B. Unless she finishes her work on time, she will get into trouble.
C. Unless she doesn't finish her work on time, she will get into trouble.
D. Unless she finish her work on time, she get into trouble.

Question 24. The / busy / city center, the / hard / it / find / car parking.

- A. The busier the city center is, the harder it is to find a car parking.
- B. The more busy the city center is, the more hard it is to find a car parking.
- C. The more busier the city center is, the more harder it is to find a car parking.
- D. The busy the city center is, the hard it is to find a car parking.

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions

- Question 25. A. pottery B. physical C. firefighter D. congested
 Question 26. A. preserve B. delay C. produce D. shorten

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions

- Question 27. A. happiness B. honor C. healthy D. hologram
 Question 28. A. handicraft B. tram C. attract D. garbage

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions

Question 29. The visitors wanted to know what they should do on their first day in Hanoi.

- A. The visitors wanted to know what to do on their first day in Hanoi.
- B. The visitors know what to do because they wanted.
- C. The visitors didn't know what to do on their first day in Hanoi.
- D. The visitors wanted to know what to doing on their first day in Hanoi.

Question 30. He refused the job since it sounded boring.

- A. He turned down the job as it sounded boring.
- B. He passed down the job since it sounded boring.
- C. He set up the job as it sounded boring.
- D. He got over the job since it sounded boring.

Read the following announcement and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 31 to 34.

STAYING HEALTHY WHILE STUDYING

To stay healthy while studying, try these easy tips:

- Take breaks to stand up and move (31) _____.
- Drink (32) _____ water all day to stay healthy.
- (33) _____ your desk clean and tidy to feel better.
- If you feel tired, (34) _____ some deep breaths to feel relaxed.

- Question 31. A. up B. off C. on D. around
 Question 32. A. many B. little C. more D. enough
 Question 33. A. Bring B. Keep C. Put D. Leave
 Question 34. A. stop B. take C. wait D. run

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 35 to 40.

In the Mekong Delta, Long Dinh village of Tien Giang province is famous for its traditional craft of weaving flowered mats. The mat's high quality makes them popular **domestically**, and they are also exported to markets worldwide including Korea, Japan and America.

This traditional craft was first introduced by immigrants from Kim Son, a famous mat weaving village in the northern province of Ninh Binh. However, the technique of weaving sedge mats in Long Dinh, as compared with other places in the South, is somewhat different. Long Dinh branded mats are thicker and have more attractive colors and patterns.

Weaving sedge mats is similar to growing rice. Long Dinh mat production mainly occurs during the dry season, from January to April. Weavers have to work their hardest in May and June; otherwise, when the rainy season starts in July, they will have to delay finishing their products till the next dry season. No

matter how much work it requires, Long Dinh mat producers stick with this **occupation**, as it brings a higher income than growing rice.

This trade provides employment for thousands of local laborers. At present, nearly 1,000 households in Long Dinh village live on weaving mats. To better meet market demands, Long Dinh mat weavers have created more products in addition to the traditional sedge mats.

Thanks to the planning and further investment, the mat weaving occupation has indeed brought in more income for local residents. Their living standards have improved considerably, resulting in better conditions for the whole village.

Question 35. What is the main idea of the passage?

- A. The export of mat weaving in Long Dinh village.
- B. The challenges faced by Long Dinh mat weavers.
- C. A well-known traditional craft village in the Mekong Delta.
- D. The unique techniques used to weave mats in Long Dinh village.

Question 36. When do weavers mainly produce mat?

- A. from July to the next dry season
- B. in July
- C. in the rainy season
- D. in the dry season

Question 37. The word "**domestically**" in the passage is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. nationwide
- B. household
- C. internationally
- D. nationally

Question 38. All of the following are true about the craft in Long Dinh EXCEPT that _____.

- A. it has the origin from Kim Son, Ninh Binh
- B. the mats have more attractive colors and designs
- C. The living standards of people in the village haven't improved much.
- D. the techniques are a little bit different from those in other regions

Question 39. The word "**occupation**" in the passage is CLOSEST in meaning to _____.

- A. technique
- B. relaxation
- C. business
- D. entertainment

Question 40. We can infer from the passage that _____.

- A. the new technique makes laborers work in the dry season
- B. most of the households in Long Dinh village live on weaving mats
- C. Long Dinh mat production is only famous in foreign markets
- D. the craft contributes much to the village economy

----- **THE END** -----

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Question 1. What does the notice say?

- A. The cinema is closed.
- B. There are no free parking spaces.
- C. The shopping centre has slots for parking.
- D. The shopping centre is closed.

Cinema parking is full.

Please use the free one in the shopping centre.

Question 2. What does the sign say?



- A. You must be quiet in this area.
- B. You shouldn't speak to anyone in this area.
- C. A. You don't have to raise your voice in this area.
- D. You mustn't talk in this area.

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions

Question 3. The visitors wanted to know what they should do on their first day in Hanoi.

- A. The visitors know what to do because they wanted.
- B. The visitors didn't know what to do on their first day in Hanoi.
- C. The visitors wanted to know what to doing on their first day in Hanoi.
- D. The visitors wanted to know what to do on their first day in Hanoi.

Question 4. He refused the job since it sounded boring.

- A. He set up the job as it sounded boring.
- B. He turned down the job as it sounded boring.
- C. He passed down the job since it sounded boring.
- D. He got over the job since it sounded boring.

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions

- Question 5. A. attract B. tram C. garbage D. handicraft
 Question 6. A. healthy B. hologram C. happiness D. honor

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions

- Question 7. A. shorten B. preserve C. produce D. delay
 Question 8. A. pottery B. congested C. physical D. firefighter

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 9 to 14 in each of the following questions

When we feel anxious, we often give ourselves negative messages like: "I can't do this", "I'm useless" and "I'm going to fail".

It can be difficult but try to replace these with (9) _____ such as: 'this is just anxiety, it can't harm me' and, 'relax, concentrate - it's going to be okay'.

Picturing how you'd like things to go can help you feel more positive. Try to (10) _____ yourself turning up to an exam feeling confident and relaxed. You turn over your paper, write down what you do know and come away knowing you tried your best on the day.

It can sometimes feel like your whole future depends on (11) _____ grades you get. There can be pressure on young people to do well in exams which can cause (12) _____. You might have been predicted certain grades or put into a higher set, and feel if you don't get the grade, you'll get your teachers or parents (13) _____.

Remember, exams are important but they're not the only way to a successful future. Lots of people achieve success in life (14) _____ in school exams.

Question 9. A. positive thoughts B. positive thinkings C. thought positive D. positive a thought

Question 10. A. imagining B. imagine C. imagination D. imaginative

Question 11. A. why B. what C. how D. when

Question 12. A. a lot of stress B. lot of stress C. a lot stress D. lots stress

Question 13. A. off B. down C. up D. on

Question 14. A. as doing well B. but doing well C. by doing well D. without doing well

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 15 to 20

In the Mekong Delta, Long Dinh village of Tien Giang province is famous for its traditional craft of weaving flowered mats. The mat's high quality makes them popular **domestically**, and they are also exported to markets worldwide including Korea, Japan and America.

This traditional craft was first introduced by immigrants from Kim Son, a famous mat weaving village in the northern province of Ninh Binh. However, the technique of weaving sedge mats in Long Dinh, as compared with other places in the South, is somewhat different. Long Dinh branded mats are thicker and have more attractive colors and patterns.

Weaving sedge mats is similar to growing rice. Long Dinh mat production mainly occurs during the dry season, from January to April. Weavers have to work their hardest in May and June; otherwise, when the rainy season starts in July, they will have to delay finishing their products till the next dry season. No matter how much work it requires, Long Dinh mat producers stick with this **occupation**, as it brings a higher income than growing rice.

This trade provides employment for thousands of local laborers. At present, nearly 1,000 households in Long Dinh village live on weaving mats. To better meet market demands, Long Dinh mat weavers have created more products in addition to the traditional sedge mats.

Thanks to the planning and further investment, the mat weaving occupation has indeed brought in more income for local residents. Their living standards have improved considerably, resulting in better conditions for the whole village.

Question 15. All of the following are true about the craft in Long Dinh EXCEPT that _____.

- A. it has the origin from Kim Son, Ninh Binh
- B. the techniques are a little bit different from those in other regions
- C. The living standards of people in the village haven't improved much.
- D. the mats have more attractive colors and designs

Question 16. We can infer from the passage that _____.

- A. Long Dinh mat production is only famous in foreign markets
- B. the craft contributes much to the village economy
- C. the new technique makes laborers work in the dry season
- D. most of the households in Long Dinh village live on weaving mats

Question 17. The word "**domestically**" in the passage is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. nationwide B. household C. nationally D. internationally

Question 18. When do weavers mainly produce mat?

- A. in July B. from July to the next dry season
- C. in the rainy season D. in the dry season

Question 19. The word "**occupation**" in the passage is CLOSEST in meaning to _____.

- A. relaxation B. entertainment C. business D. technique

Question 20. What is the main idea of the passage?

- A. The unique techniques used to weave mats in Long Dinh village.
- B. The export of mat weaving in Long Dinh village.
- C. The challenges faced by Long Dinh mat weavers.

D. A well-known traditional craft village in the Mekong Delta.

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 21 to 22

Question 21. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

We were on our way to the airport to catch an early flight. Everything seemed to be going well until we hit a major problem. _____.

- a. When we finally arrived at the airport, we were told that the check-in had already closed.
- b. We got stuck in a traffic jam that lasted for more than an hour.
- c. We tried calling the airline, but there was nothing they could do.

A. b - a - c B. c - a - b C. b - c - a D. a - b - c

Question 22. Choose the sentence that can end the text (in question 21) most appropriately

- A. We arrived just in time and caught the flight.
- B. After missing the flight, we decided to explore the city instead.
- C. Luckily, we managed to book another flight for four days later.
- D. We missed the flight, so we had to reschedule our trip.

Read the following announcement and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 23 to 26.

STAYING HEALTHY WHILE STUDYING

To stay healthy while studying, try these easy tips:

- Take breaks to stand up and move (23) _____.
- Drink (24) _____ water all day to stay healthy.
- (25) _____ your desk clean and tidy to feel better.
- If you feel tired, (26) _____ some deep breaths to feel relaxed.

- Question 23. A. on B. around C. up D. off
Question 24. A. enough B. many C. little D. more
Question 25. A. Keep B. Bring C. Put D. Leave
Question 26. A. take B. wait C. stop D. run

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Question 27. Before summer break, Trang talks with Lan.

Trang: "Have a nice holiday!"

Lan: "_____"

- A. My bad! B. Same to you!
- C. Thank you. That's so kind of you! D. Never mind

Question 28. The _____ is essential for daily commuting in large cities.

- A. public transport B. green space C. food waste D. high crime rate

Question 29. If you _____ away from negative influences, you _____ feel happier.

- A. stay - might B. stays - may C. will stay - might D. stay - should

Question 30. My neighbor is driving me mad! It seems that _____ it is at night, _____ he plays his music!

- A. the more late/ the more loudly B. the later/the louder
- C. the less/less D. the less/ the more loud

Question 31. The company is planning to _____ a new office in the downtown area.

- A. put up with B. look for C. try out D. set up

Question 32. Prioritizing sleep is crucial. Don't delay bedtime due to _____.

- A. distracting B. distractions C. distract D. distracted

Question 33. The city is now a big _____ site with many half - finished buildings.

- A. storage B. waste C. tourist D. construction

Question 34. Individuals should be responsible _____ receiving local cultures.

- A. at B. for C. about D. on

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions

Question 35. Unless/ she/ finish/ work/ time/, / she/ get/ trouble.

- A. Unless she finishes her work on time, she will get into trouble.
- B. Unless she finishes her work on time, she might get to trouble.
- C. Unless she finish her work on time, she get into trouble.
- D. Unless she doesn't finish her work on time, she will get into trouble.

Question 36. The / busy / city center, the / hard / it / find / car parking.

- A. The busier the city center is, the harder it is to find a car parking.
- B. The more busy the city center is, the more hard it is to find a car parking.
- C. The busy the city center is, the hard it is to find a car parking.
- D. The more busier the city center is, the more harder it is to find a car parking.

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer that best fits each of the numbered blanks from 37 to 40

In Bizen City in Okayama Prefecture, Japan, there is a long tradition of pottery. (37) _____. The artisans make the pottery by hand using clay from the area. There are six traditional shapes of Bizen-yaki: bowls, plates, cups, flower vases, pots, and jars. The artisans of Bizen City have handed down their skills from generation to generation to preserve (38) _____. In the old days, people used Bizen-yaki pots to cook rice and vegetables. Today, Bizen-yaki is popular because it is beautiful and useful. People now use it to drink tea and coffee, eat food and plant flowers. (39) _____. While eating Kobe beef is a special experience for visitors to Japan, offering a little taste of Japanese luxury, Bizen-yaki is (40) _____.

- A. Both Kobe beef and Bizen-yaki are crucial and beautiful parts of Japanese culture
- B. People have been making Bizen-yaki (Japanese pottery) here for over 1,000 years
- C. the original way of making Bizen-yaki
- D. part of everyday life in Japan

Question 37.

Question 38

Question 39

Question 40

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions

- Question 1. A. physical B. congested C. pottery D. firefighter
Question 2. A. produce B. delay C. shorten D. preserve

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

- Question 3. The company is planning to ____ a new office in the downtown area.
A. set up B. try out C. put up with D. look for
Question 4. If you ____ away from negative influences, you ____ feel happier.
A. stay - might B. stay - should C. will stay - might D. stays - may
Question 5. The ____ is essential for daily commuting in large cities.
A. public transport B. food waste C. green space D. high crime rate
Question 6. My neighbor is driving me mad! It seems that ____ it is at night, ____ he plays his music!
A. the later/the louder B. the less/less
C. the more late/ the more loudly D. the less/ the more loud
Question 7. The city is now a big ____ site with many half – finished buildings.
A. construction B. storage C. tourist D. waste
Question 8. Before summer break, Trang talks with Lan.
Trang: "Have a nice holiday!"
Lan: "
A. Thank you. That's so kind of you! B. Never mind
C. Same to you! D. My bad!
Question 9. Prioritizing sleep is crucial. Don't delay bedtime due to ____.
A. distractions B. distracted C. distract D. distracting
Question 10. Individuals should be responsible ____ receiving local cultures.
A. for B. about C. on D. at

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 11 to 16 in each of the following questions

When we feel anxious, we often give ourselves negative messages like: "I can't do this", "I'm useless" and "I'm going to fail".

It can be difficult but try to replace these with (11) ____ such as: 'this is just anxiety, it can't harm me' and, 'relax, concentrate - it's going to be okay'.

Picturing how you'd like things to go can help you feel more positive. Try to (12) ____ yourself turning up to an exam feeling confident and relaxed. You turn over your paper, write down what you do know and come away knowing you tried your best on the day.

It can sometimes feel like your whole future depends on (13) ____ grades you get. There can be pressure on young people to do well in exams which can cause (14) _____. You might have been predicted certain grades or put into a higher set, and feel if you don't get the grade, you'll get your teachers or parents (15) _____.

Remember, exams are important but they're not the only way to a successful future. Lots of people achieve success in life (16) _____ in school exams.

- Question 11. A. positive thoughts B. positive a thought C. positive thinkings D. thought positive
Question 12. A. imaginative B. imagine C. imagining D. imagination
Question 13. A. when B. why C. what D. how
Question 14. A. a lot stress B. lot of stress C. a lot of stress D. lots stress
Question 15. A. up B. down C. on D. off

Question 16. A. without doing well B. but doing well C. by doing well D. as doing well

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 17 to 18

Question 17. *Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.*

We were on our way to the airport to catch an early flight. Everything seemed to be going well until we hit a major problem. _____.

- a. When we finally arrived at the airport, we were told that the check-in had already closed.
- b. We got stuck in a traffic jam that lasted for more than an hour.
- c. We tried calling the airline, but there was nothing they could do.

A. b - a - c B. c - a - b C. b - c - a D. a - b - c

Question 18. *Choose the sentence that can end the text (in question 17) most appropriately*

- A. We missed the flight, so we had to reschedule our trip.
- B. Luckily, we managed to book another flight for four days later.
- C. After missing the flight, we decided to explore the city instead.
- D. We arrived just in time and caught the flight.

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions

Question 19. A. tram B. handicraft C. garbage D. attract

Question 20. A. happiness B. honor C. healthy D. hologram

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions

Question 21. The visitors wanted to know what they should do on their first day in Hanoi.

- A. The visitors know what to do because they wanted.
- B. The visitors didn't know what to do on their first day in Hanoi.
- C. The visitors wanted to know what to do on their first day in Hanoi.
- D. The visitors wanted to know what to doing on their first day in Hanoi.

Question 22. He refused the job since it sounded boring.

- A. He turned down the job as it sounded boring.
- B. He got over the job since it sounded boring.
- C. He set up the job as it sounded boring.
- D. He passed down the job since it sounded boring.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 23 to 28 .

In the Mekong Delta, Long Dinh village of Tien Giang province is famous for its traditional craft of weaving flowered mats. The mat's high quality makes them popular **domestically**, and they are also exported to markets worldwide including Korea, Japan and America.

This traditional craft was first introduced by immigrants from Kim Son, a famous mat weaving village in the northern province of Ninh Binh. However, the technique of weaving sedge mats in Long Dinh, as compared with other places in the South, is somewhat different. Long Dinh branded mats are thicker and have more attractive colors and patterns.

Weaving sedge mats is similar to growing rice. Long Dinh mat production mainly occurs during the dry season, from January to April. Weavers have to work their hardest in May and June; otherwise, when the rainy season starts in July, they will have to delay finishing their products till the next dry season. No matter how much work it requires, Long Dinh mat producers stick with this **occupation**, as it brings a higher income than growing rice.

This trade provides employment for thousands of local laborers. At present, nearly 1,000 households in Long Dinh village live on weaving mats. To better meet market demands, Long Dinh mat weavers have created more products in addition to the traditional sedge mats.

Thanks to the planning and further investment, the mat weaving occupation has indeed brought in more income for local residents. Their living standards have improved considerably, resulting in better conditions for the whole village.

Question 23. All of the following are true about the craft in Long Dinh EXCEPT that _____.

- A. The living standards of people in the village haven't improved much.
- B. it has the origin from Kim Son, Ninh Binh
- C. the techniques are a little bit different from those in other regions
- D. the mats have more attractive colors and designs

Question 24. When do weavers mainly produce mat?

- A. in the rainy season
- B. from July to the next dry season
- C. in July
- D. in the dry season

Question 25. What is the main idea of the passage?

- A. The unique techniques used to weave mats in Long Dinh village.
- B. The export of mat weaving in Long Dinh village.
- C. The challenges faced by Long Dinh mat weavers.
- D. A well-known traditional craft village in the Mekong Delta.

Question 26. The word "**domestically**" in the passage is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. internationally
- B. nationwide
- C. household
- D. nationally

Question 27. The word "**occupation**" in the passage is CLOSEST in meaning to _____.

- A. technique
- B. business
- C. relaxation
- D. entertainment

Question 28. We can infer from the passage that _____.

- A. the new technique makes laborers work in the dry season
- B. most of the households in Long Dinh village live on weaving mats
- C. the craft contributes much to the village economy
- D. Long Dinh mat production is only famous in foreign markets

Read the following announcement and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 29 to 32.

STAYING HEALTHY WHILE STUDYING

To stay healthy while studying, try these easy tips:

- Take breaks to stand up and move (29) _____.
- Drink (30) _____ water all day to stay healthy.
- (31) _____ your desk clean and tidy to feel better.
- If you feel tired, (32) _____ some deep breaths to feel relaxed.

- Question 29.** A. around B. on C. off D. up
- Question 30.** A. many B. enough C. more D. little
- Question 31.** A. Leave B. Put C. Bring D. Keep
- Question 32.** A. stop B. take C. run D. wait

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer that best fits each of the numbered blanks from 33 to 36

In Bizen City in Okayama Prefecture, Japan, there is a long tradition of pottery. (33) _____. The artisans make the pottery by hand using clay from the area. There are six traditional shapes of Bizen-yaki: bowls, plates, cups, flower vases, pots, and jars. The artisans of Bizen City have handed down their skills from generation to generation to preserve (34) _____. In the old days, people used Bizen-yaki pots to cook rice and vegetables. Today, Bizen-yaki is popular because it is beautiful and useful. People now use it to drink tea and coffee, eat food and plant flowers. (35) _____. While eating Kobe beef is a special experience for visitors to Japan, offering a little taste of Japanese luxury, Bizen-yaki is (36) _____.

- A. the original way of making Bizen-yaki
- B. People have been making Bizen-yaki (Japanese pottery) here for over 1,000 years
- C. part of everyday life in Japan
- D. Both Kobe beef and Bizen-yaki are crucial and beautiful parts of Japanese culture

Question 33.

Question 34.

Question 35.

Question 36.

Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

Question 37. What does the sign say?



- A. You mustn't talk in this area.
- B. You must be quiet in this area.
- C. A. You don't have to raise your voice in this area.
- D. You shouldn't speak to anyone in this area.

Question 38. What does the notice say?

- A. The cinema is closed.
- B. There are no free parking spaces.
- C. The shopping centre is closed.
- D. The shopping centre has slots for parking.

Cinema parking is full.

**Please use the free one in
the shopping centre.**

Mark the letter A, B, C, or D on the answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions

Question 39. The / busy / city center, the / hard / it / find / car parking.

- A. The more busier the city center is, the more harder it is to find a car parking.
- B. The more busy the city center is, the more hard it is to find a car parking.
- C. The busy the city center is, the hard it is to find a car parking.
- D. The busier the city center is, the harder it is to find a car parking.

Question 40. Unless/ she/ finish/ work/ time/, / she/ get/ trouble.

- A. Unless she finishes her work on time, she will get into trouble.
- B. Unless she finishes her work on time, she might get to trouble.
- C. Unless she finish her work on time, she get into trouble.
- D. Unless she doesn't finish her work on time, she will get into trouble.

----- **THE END** -----

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

BÀI THI GIỮA KÌ – HỌC KÌ I

Năm học 2024 – 2025

***Toàn bài có 40 câu, mỗi câu đúng được 0,25 điểm**

ĐỀ 901

Question 1. B	Question 11. C	Question 21. A	Question 31. C
Question 2. C	Question 12. B	Question 22. B	Question 32. C
Question 3. A	Question 13. C	Question 23. A	Question 33. D
Question 4. B	Question 14. C	Question 24. B	Question 34. D
Question 5. C	Question 15. A	Question 25. D	Question 35. A
Question 6. A	Question 16. B	Question 26. C	Question 36. C
Question 7. B	Question 17. B	Question 27. D	Question 37. C
Question 8. A	Question 18. A	Question 28. A	Question 38. A
Question 9. C	Question 19. B	Question 29. C	Question 39. D
Question 10. D	Question 20. C	Question 30. C	Question 40. A

ĐỀ 902

Question 1. C	Question 11. A	Question 21. D	Question 31. D
Question 2. A	Question 12. C	Question 22. B	Question 32. D
Question 3. D	Question 13. C	Question 23. B	Question 33. B
Question 4. B	Question 14. B	Question 24. A	Question 34. B
Question 5. B	Question 15. B	Question 25. D	Question 35. C
Question 6. C	Question 16. A	Question 26. D	Question 36. D
Question 7. D	Question 17. B	Question 27. B	Question 37. C
Question 8. A	Question 18. B	Question 28. D	Question 38. C
Question 9. C	Question 19. D	Question 29. A	Question 39. C
Question 10. D	Question 20. D	Question 30. A	Question 40. D

ĐỀ 903

Question 1. C	Question 11. B	Question 21. A	Question 31. D
Question 2. A	Question 12. A	Question 22. D	Question 32. B
Question 3. D	Question 13. B	Question 23. B	Question 33. D
Question 4. B	Question 14. D	Question 24. A	Question 34. B
Question 5. C	Question 15. C	Question 25. A	Question 35. A
Question 6. D	Question 16. B	Question 26. A	Question 36. A
Question 7. A	Question 17. D	Question 27. C	Question 37. B
Question 8. B	Question 18. D	Question 28. A	Question 38. C
Question 9. A	Question 19. C	Question 29. A	Question 39. A
Question 10. B	Question 20. D	Question 30. B	Question 40. D

ĐỀ 904

Question 1. B	Question 11. A	Question 21. C	Question 31. D
Question 2. C	Question 12. B	Question 22. A	Question 32. B
Question 3. A	Question 13. C	Question 23. A	Question 33. B
Question 4. A	Question 14. C	Question 24. D	Question 34. A
Question 5. A	Question 15. B	Question 25. D	Question 35. D
Question 6. A	Question 16. A	Question 26. A	Question 36. C
Question 7. A	Question 17. A	Question 27. B	Question 37. B
Question 8. A	Question 18. A	Question 28. C	Question 38. D
Question 9. A	Question 19. C	Question 29. A	Question 39. D
Question 10. A	Question 20. B	Question 30. B	Question 40. A

ĐỀ 905

Question 1. B	Question 11. D	Question 21. A	Question 31. A
Question 2. C	Question 12. A	Question 22. A	Question 32. B
Question 3. A	Question 13. A	Question 23. A	Question 33. D
Question 4. D	Question 14. D	Question 24. D	Question 34. C
Question 5. C	Question 15. C	Question 25. B	Question 35. B
Question 6. C	Question 16. C	Question 26. A	Question 36. B
Question 7. D	Question 17. B	Question 27. C	Question 37. C
Question 8. C	Question 18. B	Question 28. B	Question 38. D
Question 9. C	Question 19. D	Question 29. C	Question 39. D
Question 10. B	Question 20. B	Question 30. A	Question 40. C



Ban giám hiệu

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

GV ra đề

Nguyễn Thị Thùy Chi

Mã đề: KHTN 901

I. Trắc nghiệm (7 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Hiện tượng con cái sinh ra có một số đặc điểm giống với bố, mẹ được gọi là

- A. sinh sản. B. di truyền. C. biến dị. D. phát triển.

Câu 2. Bốn loại đơn phân cấu tạo DNA có kí hiệu là

- A. A, U, G, C. B. A, T, G, C. C. A, D, R, T. D. U, R, D, C.

Câu 3. Trên mạch 1 của phân tử DNA có trình tự các nucleotit là: – A – T – G – C – A –.

Trình tự các nucleotit bổ sung trên mạch 2 là

- A. – T – A – C – G – T –. B. – T – A – C – A – T –.
C. – A – T – G – X – A –. D. – A – C – G – T – A –.

Câu 4: Một chu kì xoắn của phân tử DNA có chiều dài bao nhiêu Å?

- A. 0,34 Å⁰ B. 3,4 Å⁰ C. 34 Å⁰ D. 340 Å⁰

Câu 5: Dụng cụ nào dưới đây được sử dụng để quan sát và nghiên cứu tế bào?

- A. Tiêu bản nhiễm sắc thể người B. Lăng kính
C. Thấu kính hội tụ D. Thấu kính phân kì

Câu 6: Nếu trong quá trình thuyết trình khoa học, người nghe không hiểu rõ một phần của nội dung, cách tốt nhất mà bạn nên làm là gì?

- A. Tiếp tục thuyết trình như bình thường và giải thích sau khi kết thúc
B. Dừng lại và giải thích lại phần đó bằng cách khác ngay lập tức
C. Bỏ qua phần đó và chuyển sang phần tiếp theo
D. Đưa ra tài liệu bổ sung để người nghe tự tìm hiểu sau

Câu 7: Hai xe chở than có $m_2 = 3m_1$, cùng chuyển động trên 2 tuyến đường ray song song nhau với $W_{d1} = \frac{1}{9} W_{d2}$. Nếu xe 1 tăng tốc độ thêm 3 m/s thì $W_{d1} = W_{d2}$. Tìm tốc độ v_1 của xe 1?

- A. 1,5 km/h B. 5,4 km/h C. 2,6 km/h D. 9,35 km/h

Câu 8: Một vật có khối lượng 150g được ném thẳng đứng lên cao từ mặt đất. Khi vật đạt được độ cao h thì động năng bằng thế năng, và lúc này cơ năng của vật là 15J. Tốc độ của vật tại khi ở độ cao h là

- A. 2,25 m/s B. 1,5 m/s C. 10 m/s D. 100 m/s

Câu 9: Kim loại nào sau đây hoạt động hóa học mạnh hơn kẽm?

- A. Vàng. B. Nhôm. C. Đồng. D. Bạc.

Câu 10: Kim loại nào sau đây có thể tác dụng được với hydrochloric acid?

- A. Bạc. B. Sắt. C. Vàng. D. Đồng.

Câu 11: Kim loại nào dưới đây có thể tác dụng với nước ở nhiệt độ cao tạo thành oxide?

- A. Potassium. B. Copper. C. Iron. D. Sodium.

Câu 12: Dãy kim loại nào sau đây được sắp xếp theo chiều tăng dần mức độ hoạt động hóa học?

- A. Fe, Al, Mg. B. Al, Fe, Mg.
C. Al, Mg, Fe. D. Mg, Al, Fe.

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho phép lai P: ♀ AABb × ♂ aabb

- a. Là phép lai P thuần chủng tương phản.
- b. F₁ đồng tính với tính trạng của mẹ.
- c. Kiểu gene của bố cho tối đa 2 loại giao tử.
- d. Cá thể có kiểu gen dị hợp về 2 cặp gene (AaBb) thu được ở F₁ có tỉ lệ là 50%.

Câu 2:

- a. Gang là hợp kim của sắt và carbon, trong đó hàm lượng carbon chiếm từ 2 – 5% khối lượng và một số nguyên tố khác.
- b. Có thể tách kim loại nhôm từ quặng bauxite bằng phương pháp nhiệt luyện.
- c. Sodium có thể tác dụng với muối đồng tạo thành kết tủa màu nâu đỏ.
- d. Cho một mẫu magnesium vào dung dịch H₂SO₄ loãng, dung dịch chuyển từ trong suốt sang màu xanh.

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh chỉ ghi đáp án của các câu hỏi.

Câu 1: Một học sinh trong giờ KHTN làm thí nghiệm thả một quả cầu có khối lượng 400 gam từ trên cao xuống mặt đất. Khi vật ở độ cao $h = 80$ cm so với mặt đất thì vật đạt tốc độ 16,2km/h.

- a. Tính thế năng của vật khi ở độ cao h nếu chọn gốc thế năng tại mặt đất.
- b. Tính động năng của vật khi vật ở độ cao h .
- c. Tính cơ năng của vật khi vật ở độ cao h .
- d. Một học sinh khác thả một vật có khối lượng 2,5 kg từ vị trí có thế năng $W_{t1} = 40$ J. Vật rơi tự do đến mặt đất có thế năng $W_{t2} = -20$ J. Xác định vị trí vật đã rơi từ độ cao nào so với mặt đất?

Câu 2: Cho 14,95 gam zinc tác dụng với 400ml dung dịch H₂SO₄ dư thu được V lít khí ở đkc.

- a. Tính V?
- b. Tính khối lượng muối tạo thành.
- c. Tính nồng độ mol của dung dịch H₂SO₄ đã dùng.
- d. Cho một mẫu magnesium vào dung dịch muối thu được. Sau một thời gian, thấy khối lượng mẫu kim loại tăng lên 0,41 gam. Tính khối lượng magnesium đã phản ứng?

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Em hãy nêu cấu trúc của bài báo cáo một vấn đề khoa học?

Câu 2 (1 điểm):

- a) Nêu nội dung quy luật phân li của Mendel.
- b) Ở cà chua, tính trạng thân cao là trội hoàn toàn so với tính trạng thân thấp. Kiểu gene và kiểu hình của cây bố mẹ phải như thế nào để có F₁ phân li theo tỉ lệ 3 thân cao : 1 thân thấp.

Câu 3 (1 điểm):

Nhúng một thanh đồng nặng 45gam vào 400 ml dung dịch AgNO₃. Sau một thời gian lấy thanh nhôm ra cân nặng 46,52 gam.

- a. Viết PTHH xảy ra.
- b. Tính khối lượng kim loại đã phản ứng.
- c. Tính nồng độ mol của dung dịch AgNO₃ đã dùng.

(Biết $Zn = 65$; $Mg = 24$; $Cu = 64$; $Ag = 108$; $S = 32$; $N = 14$; $O = 16$; $H = 1$)

Mã đề: KHTN 901

I. Trắc nghiệm (7,0 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	A	C	A	B	B	C	B	B	C	A

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai (2 điểm)

	Đáp án	Hướng dẫn chấm
Câu 1 (1 điểm)	a - Đúng b - Đúng c - Sai d - sai	-Chọn chính xác 01 ý trong câu được 0,1 điểm. -Chọn chính xác 02 ý trong câu được 0,25 điểm. -Chọn chính xác 03 ý trong câu được 0,5 điểm. -Chọn chính xác 04 ý trong câu được 1 điểm.
Câu 2 (1 điểm)	a - Đúng b - Sai c - Sai d - sai	

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	a. 3,2 J b. 4,05 J c. 7,25 J d. 2,4 m	Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm.
Câu 2 (1 điểm)	a. 5,7017 lít b. 37,03 g c. 0,575 M d. 0,24 gam	Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	- Nêu được 8 phần của bài báo cáo khoa học: Tiêu đề, tóm tắt, giới thiệu, phương pháp, kết quả, thảo luận, kết luận, tài liệu tham khảo.	0,5
	- Nêu được yêu cầu của từng phần.	0,5
Câu 2 (1 điểm)	a) Mỗi tính trạng do một cặp nhân tố di truyền (cặp allele) quy định. Khi giảm phân hình thành giao tử, các allele trong cặp phân li đồng đều về các giao tử, mỗi giao tử chỉ chứa một allele của cặp.	0,25
	b) Quy ước gen: A-quy định tính trạng thân cao, a-quy định tính trạng thân thấp.	0,25

	F1 có tỉ lệ: 3 thân cao : 1 thân thấp → Tổng số kiểu tổ hợp giao tử là $3 + 1 = 4 = 2 \times 2$ → P có kiểu gen: Aa x Aa HS viết đúng SĐL	0,25 0,25
Câu 3 (1điểm)	a)Viết đúng PTHH b)Tính đúng $m_{Cu} = 0,64$ gam c) Tính đúng $C_{M ddAgNO_3} = 0,05M$	0,25 0,5 0,25

BAN GIÁM HIỆU



Khúc Thị Mỹ Hạnh

TỔ TRƯỞNG CM



Đỗ Minh Phượng

NHÓM TRƯỞNG CM



Vũ Thị Loan

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC: 2024 - 2025

Mã đề: KHTN 902

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
MÔN: KHTN 9

Ngày thi: 01/11/2024

Thời gian: 90 phút

I. Trắc nghiệm (7 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Dụng cụ nào dưới đây được sử dụng để quan sát và nghiên cứu tế bào?

- A. Thấu kính phân kì
B. Lăng kính
C. Thấu kính hội tụ
D. Tiêu bản nhiễu sắc thể người

Câu 2. Hai xe chở than có $m_2 = 3m_1$, cùng chuyển động trên 2 tuyến đường ray song song nhau với $W_{d1} = \frac{1}{9} W_{d2}$. Nếu xe 1 tăng tốc độ thêm 3 m/s thì $W_{d1} = W_{d2}$. Tìm tốc độ v_1 của xe 1?

- A. 2,6 km/h B. 1,5 km/h C. 9,35 km/h D. 5,4 km/h

Câu 3. Nếu trong quá trình thuyết trình khoa học, người nghe không hiểu rõ một phần của nội dung, cách tốt nhất mà bạn nên làm là gì?

- A. Bỏ qua phần đó và chuyển sang phần tiếp theo
B. Đưa ra tài liệu bổ sung để người nghe tự tìm hiểu sau
C. Tiếp tục thuyết trình như bình thường và giải thích sau khi kết thúc
D. Dừng lại và giải thích lại phần đó bằng cách khác ngay lập tức

Câu 4. Hiện tượng con cái sinh ra có một số đặc điểm giống với bố, mẹ được gọi là

- A. di truyền. B. sinh sản. C. phát triển. D. biến dị.

Câu 5. Kim loại nào sau đây có thể tác dụng được với hydrochloric acid?

- A. Đồng. B. Zinc. C. Vàng. D. Bạc.

Câu 6. Bốn loại đơn phân cấu tạo DNA có kí hiệu là

- A. A, U, G, C B. A, D, R, T. C. A, T, G, C. D. U, R, D, C.

Câu 7. Một chu kì xoắn của phân tử DNA có chiều dài bao nhiêu Å?

- A. $0,34 \text{ A}^0$ B. $3,4 \text{ A}^0$ C. 34 A^0 D. 340 A^0

Câu 8. Kim loại nào sau đây hoạt động hóa học mạnh hơn kẽm?

- A. Đồng. B. Bạc. C. Vàng. D. Nhôm.

Câu 9. Trên mạch 1 của phân tử DNA có trình tự các nucleotit là: –A–T–G–C–A–.

Trình tự các nucleotit bổ sung trên mạch 2 là

- A.** -T-A-C-A-T-.
- B.** -T-A-C-G-T-.
- C.** -A-T-G-X-A-.
- D.** -A-C-G-T-A-.

Câu 10. Một vật có khối lượng 150g được ném thẳng đứng lên cao từ mặt đất. Khi vật đạt được độ cao h thì động năng bằng thế năng, và lúc này cơ năng của vật là 15J. Tốc độ của vật tại khi ở độ cao h là

- A. 1,5 m/s B. 100 m/s C. 10 m/s D. 2,25 m/s

Câu 11. Kim loại nào dưới đây có thể tác dụng với nước ở nhiệt độ cao tạo thành oxide?

- A. Copper. B. Potassium. C. Sodium. D. Iron.

Câu 12. Dãy kim loại nào sau đây được sắp xếp theo chiều tăng dần mức độ hoạt động hóa học?

- A. Al, Mg, Fe. B. Fe, Al, Mg. C. Mg, Al, Fe. D. Al, Fe, Mg.

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho phép lai P: ♀ AABb × ♂ Aabb

- a) Bố mẹ đều có kiểu gene đồng hợp.
- b) F₁ đồng tính với tính trạng của bố.
- c) Kiểu gene của mẹ cho tối đa 2 loại giao tử.
- d) Kiểu hình A_B_ thu được ở F₁ có tỉ lệ là 50%.

Câu 2.

- a. Thép là hợp kim của sắt và carbon, trong đó hàm lượng carbon chiếm trên 2 % khối lượng và một số nguyên tố khác.
- b. Có thể tách kim loại sắt từ quặng hematite bằng phương pháp nhiệt luyện.
- c. Potassium có thể tác dụng với muối đồng tạo thành kết tủa màu nâu đỏ.
- d. Cho một mẫu zinc vào dung dịch H₂SO₄ loãng có khí không màu tạo thành.

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh chỉ ghi đáp án của các câu hỏi.

Câu 1: Một người đứng trên tầng cao thả một quả bóng có khối lượng 500 gam từ trên cao xuống mặt đất. Khi vật ở độ cao $h = 3\text{m}$ so với mặt đất thì vật đạt tốc độ 36 km/h.

- a. Tính thế năng của vật khi ở độ cao h nếu chọn gốc thế năng tại mặt đất.
- b. Tính động năng của vật khi vật ở độ cao h .
- c. Tính cơ năng của vật khi vật ở độ cao h .
- d. Một người khác thả một vật có khối lượng 1,5 kg từ vị trí có thế năng $W_{t1} = 150\text{J}$. Vật rơi tự do đến mặt đất có thế năng $W_{t2} = -60\text{J}$. Xác định vị trí vật đã rơi từ độ cao nào so với mặt đất?

Câu 2: Cho 14 gam iron tác dụng với 400ml dung dịch H₂SO₄ dư thu được V lít khí ở đkc.

- a. Tính V?
- b. Tính khối lượng muối tạo thành.
- c. Tính nồng độ mol của dung dịch H₂SO₄ đã dùng.
- d. Cho một mẫu magnesium vào dung dịch muối thu được. Sau một thời gian, thấy khối lượng mẫu kim loại tăng lên 3,2 gam. Tính khối lượng magnesium đã phản ứng?

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm):

- a) Nêu nội dung quy luật phân li của Mendel.
- b) Ở đậu Hà Lan, tính trạng hoa tím là trội hoàn toàn so với tính trạng hoa trắng. Kiểu gene và kiểu hình của cây bố mẹ phải như thế nào để có F₁ phân li theo tỉ lệ 1 hoa tím : 1 hoa trắng.

Câu 2 (1 điểm): Em hãy nêu cấu trúc của bài báo cáo một vấn đề khoa học.

Câu 3 (1 điểm):

Nhúng một thanh đồng nặng 35 gam vào 200 ml dung dịch AgNO₃. Sau một thời gian lấy thanh nhôm ra cân nặng 49,56 gam.

- a. Viết PTHH xảy ra.
- b. Tính khối lượng kim loại đã phản ứng.
- c. Tính nồng độ mol của dung dịch AgNO₃ đã dùng.

(Biết $Fe = 56$; $Mg = 24$; $Cu = 64$; $Ag = 108$; $S = 32$; $N = 14$; $O = 16$; $H = 1$)

Mã đề: KHTN 902

I. Trắc nghiệm (7,0 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	D	D	A	B	C	C	D	B	C	D	B

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai (2 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	a - Sai b - Sai c - Đúng d - Đúng	-Chọn chính xác 01 ý trong câu được 0,1 điểm. -Chọn chính xác 02 ý trong câu được 0,25 điểm.
Câu 2 (1 điểm)	a - Sai b - Đúng c - Sai d - Đúng	-Chọn chính xác 03 ý trong câu được 0,5 điểm. -Chọn chính xác 04 ý trong câu được 1 điểm.

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	a. 15 J b. 25 J c. 40 J d. 14 m	Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm.
Câu 2 (1 điểm)	a. 6,1975 lít b. 38,0 g c. 0,625 M d. 2,4 gam	Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1đ)	a) Mỗi tính trạng do một cặp nhân tố di truyền (cặp allele) quy định. Khi giảm phân hình thành giao tử, các allele trong cặp phân li đồng đều về các giao tử, mỗi giao tử chỉ chứa một allele của cặp.	0,25
	b) Quy ước gen: A-quy định tính trạng hoa tím, a-quy định tính trạng hoa trắng. F1 có tỉ lệ: 1 hoa tím : 1 hoa trắng	0,25
	→ Tổng số kiểu tổ hợp giao tử là $1 + 1 = 2 = 2 \times 1$ → P có kiểu gen: Aa x aa	0,25

	HS viết đúng SDL	0,25
Câu 2 (1 đ)	- Nêu được 8 phần của bài báo cáo khoa học: Tiêu đề, tóm tắt, giới thiệu, phương pháp, kết quả, thảo luận, kết luận, tài liệu tham khảo. - Nêu được yêu cầu của từng phần.	0,5 0,5
Câu 3 (1đ)	- a)Viết đúng PTHH - b)Tính đúng $m_{Cu} = 1,92$ gam c) Tính đúng $C_{M ddAgNO_3} = 0,3M$	0,25 0,5 0,25

BAN GIÁM HIỆU



Khúc Thị Mỹ Hạnh

TỔ TRƯỞNG CM



Đỗ Minh Phụng

NHÓM TRƯỞNG CM



Vũ Thị Loan

Mã đề: KHTN 903

I. Trắc nghiệm (7 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Một chu kì xoắn của phân tử DNA có chiều dài bao nhiêu Å?

- A. 340 Å⁰ B. 34 Å⁰ C. 3,4 Å⁰ D. 0,34 Å⁰

Câu 2. Bốn loại đơn phân cấu tạo DNA có kí hiệu là

- A. A, T, G, C. B. U, R, D, C. C. A, D, R, T. D. A, U, G, C.

Câu 3. Kim loại nào sau đây hoạt động hóa học mạnh hơn kẽm?

- A. Bạc. B. Vàng. C. Nhôm. D. Đồng.

Câu 4. Kim loại nào sau đây có thể tác dụng được với hydrochloric acid?

- A. Zinc. B. Bạc. C. Đồng. D. Vàng.

Câu 5. Trên mạch 1 của phân tử DNA có trình tự các nucleotit là: – A – T – G – C – A –.

Trình tự các nucleotit bổ sung trên mạch 2 là

- A. – A – T – G – X – A –. B. – T – A – C – G – T –.
C. – T – A – C – A – T –. D. – A – C – G – T – A –.

Câu 6. Một vật có khối lượng 150g được ném thẳng đứng lên cao từ mặt đất. Khi vật đạt được độ cao h thì động năng bằng thế năng, và lúc này cơ năng của vật là 15J. Tốc độ của vật tại khi ở độ cao h là

- A. 2,25 m/s B. 100 m/s C. 1,5 m/s D. 10 m/s

Câu 7. Dụng cụ nào dưới đây được sử dụng để quan sát và nghiên cứu tế bào?

- A. Thấu kính phân kì B. Tiêu bản nhiễm sắc thể người
C. Thấu kính hội tụ D. Lăng kính

Câu 8. Kim loại nào dưới đây có thể tác dụng với nước ở nhiệt độ cao tạo thành oxide?

- A. Copper. B. Potassium. C. Iron. D. Sodium.

Câu 9. Nếu trong quá trình thuyết trình khoa học, người nghe không hiểu rõ một phần của nội dung, cách tốt nhất mà bạn nên làm là gì?

- A. Dừng lại và giải thích lại phần đó bằng cách khác ngay lập tức
B. Đưa ra tài liệu bổ sung để người nghe tự tìm hiểu sau
C. Tiếp tục thuyết trình như bình thường và giải thích sau khi kết thúc
D. Bỏ qua phần đó và chuyển sang phần tiếp theo

Câu 10. Hai xe chở than có $m_2 = 3m_1$, cùng chuyển động trên 2 tuyến đường ray song song nhau với $W_{d1} = \frac{1}{9} W_{d2}$. Nếu xe 1 tăng tốc độ thêm 3 m/s thì $W_{d1} = W_{d2}$. Tìm tốc độ v_1 của xe 1?

- A. 1,5 km/h B. 5,4 km/h C. 9,35 km/h D. 2,6 km/h

Câu 11. Hiện tượng con cái sinh ra có một số đặc điểm giống với bố, mẹ được gọi là

- A. phát triển. B. biến dị. C. sinh sản. D. di truyền.

Câu 12. Dãy kim loại nào sau đây được sắp xếp theo chiều tăng dần mức độ hoạt động hóa học?

- A. Al, Mg, Fe. B. Mg, Al, Fe. C. Fe, Al, Mg. D. Al, Fe, Mg.

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho phép lai P: ♀ AaBB × ♂ aabb

- a) Bố mẹ đều có kiểu gene dị hợp..
- b) F₁ có tính trạng trung gian giữa bố và mẹ.
- c) Kiểu gene của bố cho tối đa một loại giao tử.
- d) Cá thể có kiểu gen dị hợp về 2 cặp gene (AaBb) thu được ở F₁ có tỉ lệ là 25%.

Câu 2:

- a. Gang là hợp kim của nhôm và carbon, trong đó hàm lượng carbon chiếm từ 2 – 5% khối lượng và một số nguyên tố khác.
- b. Có thể tách kim loại nhôm từ quặng bauxite bằng phương pháp thủy luyện.
- c. Sắt có thể tác dụng với muối đồng tạo thành kết tủa màu nâu đỏ.
- d. Cho một mẫu magnesium vào dung dịch H₂SO₄ loãng thấy xuất hiện bọt khí không màu.

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh chỉ ghi đáp án của các câu hỏi.

Câu 1: Một học sinh trong giờ KHTN làm thí nghiệm thả một quả cầu có khối lượng 500 gam từ trên cao xuống mặt đất. Khi vật ở độ cao $h = 80$ cm so với mặt đất thì vật đạt tốc độ 18km/h.

- a. Tính thế năng của vật khi ở độ cao h nếu chọn gốc thế năng tại mặt đất.
- b. Tính động năng của vật khi vật ở độ cao h .
- c. Tính cơ năng của vật khi vật ở độ cao h .
- d. Một học sinh khác thả một vật có khối lượng 1,2 kg từ vị trí có thế năng $W_{t1} = 12$ J. Vật rơi tự do đến mặt đất có thế năng $W_{t2} = - 9,6$ J. Xác định vị trí vật đã rơi từ độ cao nào so với mặt đất?

Câu 2: Cho 3,25 gam zinc tác dụng với 500ml dung dịch H₂SO₄ dư thu được V lít khí ở đkc.

- a. Tính V?
- b. Tính khối lượng muối tạo thành.
- c. Tính nồng độ mol của dung dịch H₂SO₄ đã dùng.
- d. Cho một mẫu magnesium vào dung dịch muối thu được. Sau một thời gian, thấy khối lượng mẫu kim loại tăng lên 1,23 gam. Tính khối lượng magnesium đã phản ứng?

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm):

- a) Nêu nội dung quy luật phân li của Mendel.
- b) Ở lúa, tính trạng chín sớm là trội hoàn toàn so với tính trạng chín muộn. Kiểu gene và kiểu hình của cây bố mẹ phải như thế nào để có F₁ phân li theo tỉ lệ 3 chín sớm : 1 chín muộn.

Câu 2 (1 điểm): Em hãy nêu cấu trúc của bài báo cáo một vấn đề khoa học.

Câu 3 (1 điểm):

Nhúng một thanh đồng nặng 47gam vào 350 ml dung dịch AgNO₃. Sau một thời gian lấy thanh nhôm ra cân nặng 52,32 gam.

- a. Viết PTHH xảy ra.
- b. Tính khối lượng kim loại đã phản ứng.
- c. Tính nồng độ mol của dung dịch AgNO₃ đã dùng.

(Biết $Zn = 65$; $Mg = 24$; $Cu = 64$; $Ag = 108$; $S = 32$; $N = 14$; $O = 16$; $H = 1$)

Mã đề: KHTN 903

I. Trắc nghiệm (7,0 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	C	A	B	D	B	C	A	B	D	C

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai (2 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	a - Sai b - Sai c - Đúng d - Đúng	-Chọn chính xác 01 ý trong câu được 0,1 điểm. -Chọn chính xác 02 ý trong câu được 0,25 điểm. -Chọn chính xác 03 ý trong câu được 0,5 điểm. -Chọn chính xác 04 ý trong câu được 1 điểm.
Câu 2 (1 điểm)	a - Sai b - Sai c - Đúng d - Đúng	

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	a. 4 J b. 6,25 J c. 10,25 J d. 1,8 m	Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm.
Câu 2 (1 điểm)	a. 1,239 lít (~ 1,24) b. 8,05 gam c. 0,1M d. 0,72gam	Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1đ)	a) Mỗi tính trạng do một cặp nhân tố di truyền (cặp allele) quy định. Khi giảm phân hình thành giao tử, các allele trong cặp phân li đồng đều về các giao tử, mỗi giao tử chỉ chứa một allele của cặp.	0,25
	b) Quy ước gen: A-quy định tính trạng chín sớm, a-quy định tính trạng chín muộn. F1 có tỉ lệ: 3 chín sớm : 1 chín muộn	0,25
	→ Tổng số kiểu tổ hợp giao tử là $3 + 1 = 4 = 2 \times 2$	0,25

	→ P có kiểu gen: Aa x Aa HS viết đúng SDL	0,25
Câu 2 (1 đ)	- Nêu được 8 phần của bài báo cáo khoa học: Tiêu đề, tóm tắt, giới thiệu, phương pháp, kết quả, thảo luận, kết luận, tài liệu tham khảo. - Nêu được yêu cầu của từng phần.	0,5 0,5
Câu 3 (1đ)	a)Viết đúng PTHH b)Tính đúng $m_{Cu} = 2,24$ gam c) Tính đúng $C_{M ddAgNO_3} = 0,2M$	0,25 0,5 0,25

BAN GIÁM HIỆU



TỔ TRƯỞNG CM



Đỗ Minh Phụng

NHÓM TRƯỞNG CM



Vũ Thị Loan

Mã đề: KHTN 904

I. Trắc nghiệm (7 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Kim loại nào sau đây hoạt động hóa học mạnh hơn kẽm?

- A. Vàng. B. Nhôm. C. Đồng. D. Bạc.

Câu 2. Dụng cụ nào dưới đây được sử dụng để quan sát và nghiên cứu tế bào?

- A. Lăng kính B. Tiêu bản nhuộm sắc thể người
C. Thấu kính phân kì D. Thấu kính hội tụ

Câu 3. Bốn loại đơn phân cấu tạo DNA có kí hiệu là

- A. U, R, D, C. B. A, T, G, C. C. A, U, G, C D. A, D, R, T.

Câu 4. Nếu trong quá trình thuyết trình khoa học, người nghe không hiểu rõ một phần của nội dung, cách tốt nhất mà bạn nên làm là gì?

- A. Đưa ra tài liệu bổ sung để người nghe tự tìm hiểu sau
B. Dừng lại và giải thích lại phần đó bằng cách khác ngay lập tức
C. Bỏ qua phần đó và chuyển sang phần tiếp theo
D. Tiếp tục thuyết trình như bình thường và giải thích sau khi kết thúc

Câu 5. Hai xe chở than có $m_2 = 3m_1$, cùng chuyển động trên 2 tuyến đường ray song song nhau với $W_{d1} = \frac{1}{9} W_{d2}$. Nếu xe 1 tăng tốc độ thêm 3 m/s thì $W_{d1} = W_{d2}$. Tìm tốc độ v_1 của xe 1?

- A. 5,4 km/h B. 1,5 km/h C. 9,35 km/h D. 2,6 km/h

Câu 6. Một vật có khối lượng 150g được ném thẳng đứng lên cao từ mặt đất. Khi vật đạt được độ cao h thì động năng bằng thế năng, và lúc này cơ năng của vật là 15J. Tốc độ của vật tại khi ở độ cao h là

- A. 10 m/s B. 1,5 m/s C. 2,25 m/s D. 100 m/s

Câu 7. Kim loại nào dưới đây có thể tác dụng với nước ở nhiệt độ cao tạo thành oxide?

- A. Copper. B. Potassium. C. Sodium. D. Iron.

Câu 8. Kim loại nào sau đây có thể tác dụng được với hydrochloric acid?

- A. Zinc. B. Bạc. C. Vàng. D. Đồng.

Câu 9. Một chu kì xoắn của phân tử DNA có chiều dài bao nhiêu $\text{\AA}$?

- A. $3,4 \text{\AA}$ B. $0,34 \text{\AA}$ C. $34 \text{\AA}$ D. $340 \text{\AA}$

Câu 10. Hiện tượng con cái sinh ra có một số đặc điểm giống với bố, mẹ được gọi là

- A. biến dị. B. phát triển. C. di truyền. D. sinh sản.

Câu 11. Trên mạch 1 của phân tử DNA có trình tự các nucleotit là: – A – T – G – C – A –.

Trình tự các nucleotit bổ sung trên mạch 2 là

- A. – A – T – G – X – A –. B. – A – C – G – T – A –.
C. – T – A – C – A – T –. D. – T – A – C – G – T –.

Câu 12. Dãy kim loại nào sau đây được sắp xếp theo chiều tăng dần mức độ hoạt động hóa học?

- A. Al, Fe, Mg. B. Fe, Al, Mg. C. Mg, Al, Fe. D. Al, Mg, Fe

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Trong mỗi ý học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho phép lai P: ♀ AABb × ♂ aaBb

- a) Bố có kiểu gene đồng hợp, mẹ có kiểu gene dị hợp.
- b) F₁ phân tính theo tính trạng trung gian giữa bố và mẹ..
- c) Kiểu gene của mẹ cho tối đa 2 loại giao tử.
- d) Kiểu hình A_B_ thu được ở F₁ có tỉ lệ là 75%.

Câu 2.

- a. Thép là hợp kim của sắt và carbon, trong đó hàm lượng carbon dưới 2 % khối lượng và một số nguyên tố khác.
- b. Có thể tách kim loại sodium từ muối ăn bằng phương pháp nhiệt luyện.
- c. Potassium có thể tác dụng với muối đồng tạo thành kết tủa màu nâu đỏ.
- d. Cho một mẫu zinc vào dung dịch H₂SO₄ loãng có khí không màu tạo thành.

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh chỉ ghi đáp án của các câu hỏi.

Câu 1: Một học sinh trong giờ KHTN làm thí nghiệm thả một quả cầu có khối lượng 600 gam từ trên cao xuống mặt đất. Khi vật ở độ cao $h = 50$ cm so với mặt đất thì vật đạt tốc độ 21,6 km/h.

- a. Tính thế năng của vật khi ở độ cao h nếu chọn gốc thế năng tại mặt đất.
- b. Tính động năng của vật khi vật ở độ cao h .
- c. Tính cơ năng của vật khi vật ở độ cao h .
- d. Một học sinh khác thả một vật có khối lượng 2 kg từ vị trí có thế năng $W_{t1} = 10$ J. Vật rơi tự do đến mặt đất có thế năng $W_{t2} = -20$ J. Xác định vị trí vật đã rơi từ độ cao nào so với mặt đất?

Câu 2: Cho 16,8 gam iron tác dụng với 500ml dung dịch H₂SO₄ dư thu được V lít khí ở đkc.

- a. Tính V?
- b. Tính khối lượng muối tạo thành.
- c. Tính nồng độ mol của dung dịch H₂SO₄ đã dùng.
- d. Cho một mẫu magnesium vào dung dịch muối thu được. Sau một thời gian, thấy khối lượng mẫu kim loại tăng lên 8 gam. Tính khối lượng magnesium đã phản ứng?

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm):

- a) Nêu nội dung quy luật phân li của Mendel.
- b) Ở cá kiếm, tính trạng mắt đen là trội hoàn toàn so với tính trạng mắt đỏ. Kiểu gene và kiểu hình của cây bố mẹ phải như thế nào để có F₁ phân li theo tỉ lệ 1 mắt đen : 1 mắt đỏ.

Câu 2 (1 điểm): Em hãy nêu cấu trúc của bài báo cáo một vấn đề khoa học.

Câu 3 (1 điểm):

Nhúng một thanh đồng nặng 42 gam vào 200 ml dung dịch AgNO₃. Sau một thời gian lấy thanh nhôm ra cân nặng 49,6 gam.

- a. Viết PTHH xảy ra.
- b. Tính khối lượng kim loại đã phản ứng.
- c. Tính nồng độ mol của dung dịch AgNO₃ đã dùng.

(Biết $Fe = 56$; $Mg = 24$; $Cu = 64$; $Ag = 108$; $S = 32$; $N = 14$; $O = 16$; $H = 1$)

Mã đề: KHTN 904

I. Trắc nghiệm (7,0 điểm)

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	B	B	A	A	D	A	C	C	D	B

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai (2 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	a - Sai b - Sai c - Đúng d - Đúng	-Chọn chính xác 01 ý trong câu được 0,1 điểm. -Chọn chính xác 02 ý trong câu được 0,25 điểm. -Chọn chính xác 03 ý trong câu được 0,5 điểm. -Chọn chính xác 04 ý trong câu được 1 điểm.
Câu 2 (1 điểm)	a - Đúng b - Sai c - Sai d - Đúng	

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	a. 3 J b. 10,8 J c. 13,8 J d. 1,5 m	Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm.
Câu 2 (1 điểm)	a. 7,437 lít b. 45,6 gam c. 0,6M d. 6 gam	Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1đ)	a) Mỗi tính trạng do một cặp nhân tố di truyền (cặp allele) quy định. Khi giảm phân hình thành giao tử, các allele trong cặp phân li đồng đều về các giao tử, mỗi giao tử chỉ chứa một allele của cặp.	0,25
	b) Quy ước gen: A-quy định tính trạng mắt đen, a-quy định tính trạng mắt đỏ. F1 có tỉ lệ: 1 mắt đen : 1 mắt đỏ	0,25
	→ Tổng số kiểu tổ hợp giao tử là $1 + 1 = 2 = 2 \times 1$ → P có kiểu gen: Aa x aa	0,25

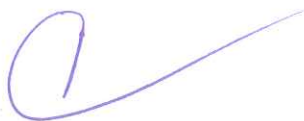
	HS viết đúng SDL	0,25
Câu 2 (1 đ)	- Nêu được 8 phần của bài báo cáo khoa học: Tiêu đề, tóm tắt, giới thiệu, phương pháp, kết quả, thảo luận, kết luận, tài liệu tham khảo.	0,5
	- Nêu được yêu cầu của từng phần.	0,5
Câu 3 (1đ)	a)Viết đúng PTHH	0,25
	b)Tính đúng $m_{Cu} = 3,2$ gam	0,5
	c) Tính đúng $C_{M ddAgNO_3} = 0,5M$	0,25

BAN GIÁM HIỆU



Khúc Thị Mỹ Hạnh

TỔ TRƯỞNG CM



Đỗ Minh Phượng

NHÓM TRƯỞNG CM



Vũ Thị Loan